BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Tiếng TRUNG QUỐC

4

SÁCH GIÁO VIÊN



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

NGUYỄN HOÀNG ANH (Tổng Chủ biên)
NGUYỄN PHƯỚC LỘC (Chủ biên)
TRẦN THỊ KIM LOAN – CHÂU A PHÍ – VƯƠNG QUẾ THU – NGUYỄN THỊ THANH THUÝ

Tiếng TRUNG QUỐC 4

SÁCH GIÁO VIÊN

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

CÁC CHỮ VIẾT TẮT

GV: giáo viên

HS: học sinh

SGK: sách giáo khoa

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

LỜI NÓI ĐẦU

Sách giáo viên Tiếng Trung Quốc 4 là cuốn sách hướng dẫn và gợi ý giáo viên sử dụng cuốn sách giáo khoa ***Tiếng Trung Quốc 4*** thuộc bộ sách giáo khoa Tiếng Trung Quốc - Ngoại ngữ 1 được biên soạn để phục vụ cho Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Trung Quốc, Ngoại ngữ 1, hệ 10 năm, do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 19/2021/TT–BGDĐT ngày 1 tháng 7 năm 2021. Cuốn sách gồm 03 phần:

PHẦN I: Những vấn đề chung

Phần này giới thiệu các nội dung sau: (1) Mục tiêu cần đạt khi sử dụng sách giáo khoa ***Tiếng Trung Quốc 4***; (2) Đối tượng sử dụng và phạm vi sử dụng sách; (3) Nguyên tắc biên soạn sách; (4) Phương pháp biên soạn sách; (5) Tổng quan cấu trúc sách; (6) Phương pháp, kĩ năng giảng dạy và khai thác đồ dùng và thiết bị dạy học; (7) Gợi ý hình thức kiểm tra đánh giá; (8) Cấu trúc giáo án tham khảo.

PHẦN II: Gợi ý giảng dạy từng bài học

Phần này giới thiệu các nội dung sau cho từng bài học: (1) Yêu cầu cần đạt; (2) Trọng tâm dạy học (bao gồm kiến thức, kĩ năng ngôn ngữ và văn hoá trong giao tiếp); (3) Đồ dùng và thiết bị dạy học; (4) Tiến trình lên lớp (kèm theo thời lượng, nội dung giảng dạy, gợi ý các hình thức giảng luyện); (5) Phương pháp giảng luyện.

PHẦN III: Mẫu đề kiểm tra cuối kì

Nội dung trong cuốn ***Sách giáo viên Tiếng Trung Quốc 4*** chỉ nhằm định hướng và gợi ý cho giáo viên trong quá trình giảng dạy và sử dụng sách giáo khoa ***Tiếng Trung Quốc 4***. Với mỗi điều kiện dạy học cụ thể, giáo viên cần áp dụng các hình thức dạy học linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với từng đối tượng học sinh, nhằm đạt được mục tiêu cuối cùng là sử dụng hiệu quả sách giáo khoa.

Chúc các thầy cô tiếp tục thành công trong việc tạo hứng thú và bồi dưỡng niềm say mê học tập tiếng Trung Quốc của học sinh, giúp học sinh hăng hái, tự tin tiếp tục môn học ở các năm học tiếp theo.

Nhóm tác giả

MỤC LỤC

	Trang
LỜI NÓI ĐẦU	4
PHẦN I: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG	5
1. Mục tiêu cần đạt	5
2. Đối tượng sử dụng và phạm vi sử dụng	6
3. Nguyên tắc biên soạn	6
4. Phương pháp biên soạn	7
5. Tổng quan cấu trúc	7
6. Phương pháp, kĩ năng giảng dạy và khai thác đồ dùng và thiết bị dạy học	8
7. Gợi ý hình thức kiểm tra đánh giá	10
8. Cấu trúc giáo án tham khảo	11
PHẦN II: GỢI Ý GIẢNG DẠY TỪNG BÀI HỌC	12
第一课：你的生日是几月几号	12
第二课：星期日我们去公园玩儿，好吗	17
第三课：现在几点	22
第四课：复习（1）	27
第五课：前边是图书馆	32
第六课：你们班有多少个学生	37
第七课：你喜欢美术课吗	42
第八课：复习（2）	47
第九课：你的房间在哪儿	52
第十课：这是我们家的照片	57
第十一课：妈妈，我能喝这杯奶茶吗	62
第十二课：复习（3）	68
第十三课：下雨了	73
第十四课：别看熊猫，我们去玩儿吧	80
第十五课：你喜欢小猫还是小狗	86
第十六课：复习（四）	92
PHẦN III: MẪU ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ	97

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

PHẦN I:
NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1.1. Mục tiêu chung

Bộ sách giáo khoa ***Tiếng Trung Quốc 4*** (Tập 1 và Tập 2) thuộc bộ sách giáo khoa Tiếng Trung Quốc - Ngoại ngữ 1 được biên soạn để phục vụ cho Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Trung Quốc, Ngoại ngữ 1, hệ 10 năm, sử dụng cho học sinh lớp 4. Đây là cuốn sách thứ hai trong Chương trình, tiếp tục cung cấp cho học sinh những kiến thức và kĩ năng tiếng Trung Quốc cơ bản ở bậc 1 trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Sau khi hoàn thành chương trình lớp 4, học sinh có khả năng giao tiếp đơn giản về các chủ điểm của Chương trình với phát âm chuẩn xác, ngữ điệu phù hợp, đọc và nhận biết được các câu từ đã học bằng chữ Hán và phiên âm, viết được một số lượng chữ Hán nhất định. Đây là giai đoạn tiếp tục tạo hứng thú với tiếng Trung Quốc, ôn luyện lại các kiến thức và kĩ năng ngôn ngữ bước đầu hình thành ở lớp 3, rèn luyện thói quen và duy trì động lực học tập, tạo đà cho quá trình học tập nâng cao năng lực tiếng Trung Quốc phục vụ mục đích giao tiếp ở các lớp học tiếp theo.

Trên cơ sở đó, sách giáo khoa ***Tiếng Trung Quốc 4*** được xây dựng với các nội dung dạy học: (1) Hội thoại ngắn với các câu thường dùng về các chủ điểm bạn bè, trường học, gia đình và thế giới xung quanh; (2) Ôn luyện phát âm và viết phiên âm chính xác các từ ngữ đã học; (3) Đọc hiểu được các bài hội thoại và bài viết bằng chữ Hán; (4) Tập viết một số chữ Hán xuất hiện trong bài học, bước đầu hình thành kĩ năng viết chữ Hán đúng, đẹp..., giúp học sinh tiếp tục làm quen và tìm hiểu tiếng Trung Quốc, với văn hoá, đất nước và con người Trung Quốc, hình thành thái độ tích cực chủ động học tập tiếng Trung Quốc, thông qua đó giúp các em hình thành và phát triển những phẩm chất và năng lực cần thiết, nuôi dưỡng khả năng thích ứng linh hoạt trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Tiếng Trung Quốc 4 giúp học sinh đạt được những mục tiêu cụ thể như sau:

– Về kĩ năng ngôn ngữ:

Giao tiếp đơn giản bằng tiếng Trung Quốc về các chủ đề trong Chương trình thông qua bốn kĩ năng nghe, nói, đọc, viết (phiên âm và một số chữ Hán đơn giản), trong đó nhấn mạnh hai kĩ năng nghe và nói, bước đầu yêu cầu ghi nhớ chữ Hán. Cụ thể: Đọc được phiên âm tiếng Hán, phát âm rõ ràng chuẩn mực. Nhận được mặt chữ và

đọc được các từ ngữ đã học; Nắm được cách viết các nét chữ Hán cơ bản, vận dụng được quy tắc viết chữ Hán để viết được 96 chữ Hán. Viết phiên âm hoặc viết chữ Hán một số cụm từ, câu đơn giản; Nghe hiểu và nói được những câu thoại đơn giản thuộc chủ điểm đã học.

– Về kiến thức ngôn ngữ, văn hoá:

Tiếp tục ghi nhớ kiến thức về một số chữ Hán tượng hình, chữ Hán hội ý, chữ Hán hình thanh. Nắm và vận dụng được khoảng 120 từ ngữ và khoảng 25 cấu trúc câu về các chủ điểm đã học; tiếp tục hiểu về một số nét văn hoá trong giao tiếp của người Trung Quốc.

– Về thái độ tình cảm:

Tiếp tục hứng thú và có thái độ tích cực đối với việc học tiếng Trung Quốc. Tiếp tục hình thành cách học tiếng Trung Quốc hiệu quả.

2. ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG VÀ PHẠM VI SỬ DỤNG

– Đối tượng sử dụng: Giáo viên và học sinh lớp 4 dạy và học tiếng Trung Quốc như một ngoại ngữ theo chương trình giáo dục phổ thông môn ngoại ngữ hệ 10 năm.

– Phạm vi sử dụng: Sách sử dụng đại trà cho học sinh trên toàn quốc.

3. NGUYÊN TẮC BIÊN SOẠN

Bộ sách giáo khoa ***Tiếng Trung Quốc 4*** được biên soạn dựa trên những nguyên tắc cơ bản sau đây:

– Tuân thủ các quy định được nêu trong Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể của Bộ Giáo dục và Đào tạo nói chung và Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Trung Quốc do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 19/2021/TT–BGDĐT ngày 01 tháng 7 năm 2021 nói riêng.

– Bám sát các cơ sở lí luận, kết quả nghiên cứu cập nhật, đáng tin cậy về thiết kế và xây dựng sách giáo khoa cho học sinh cấp tiểu học, kết hợp hài hoà với tình hình thực tế ở Việt Nam, đảm bảo sự đa dạng của đối tượng học sinh xét về phương diện vùng miền, điều kiện và khả năng học tập.

– Đảm bảo bám sát hệ thống chủ điểm, chủ đề được nêu trong Chương trình, đảm bảo tính liên thông và tiếp nối của việc dạy học tiếng Trung Quốc với lớp 3 và với các giai đoạn tiếp theo, góp phần tạo nền tảng hướng tới mục tiêu tiếp cận chuẩn đầu ra của toàn bộ Chương trình.

– Đảm bảo lấy hoạt động của học sinh làm trung tâm trong quá trình dạy học. Năng lực giao tiếp tiếng Trung Quốc của học sinh được phát triển thông qua hoạt động học tập tích cực, chủ động, sáng tạo, giúp khuyến khích học sinh tham gia hoạt động trải nghiệm ngôn ngữ ở mức tối đa, tiếp tục từng bước hình thành khả năng tự học.

– Bám sát các quy định về phương pháp giáo dục, kiểm tra đánh giá và nội dung hướng dẫn thực hiện chương trình, trong đó có quy định về phân bổ thời lượng dạy học bao gồm 140 tiết (4 tiết/tuần, 35 tuần).

4. PHƯƠNG PHÁP BIÊN SOẠN

Bộ sách giáo khoa ***Tiếng Trung Quốc 4*** được biên soạn theo một số phương pháp tiêu biểu sau đây:

– Thiết kế nội dung và hoạt động học tập theo đường hướng giao tiếp, chú ý rèn luyện cho học sinh bốn kĩ năng: nghe, nói, đọc, viết, tuy nhiên kĩ năng nghe và nói được chú trọng hơn.

– Thiết kế hội thoại theo tình huống giao tiếp sát với thực tế, tạo cảm giác gần gũi dễ nhớ.

– Thiết kế nội dung kiến thức ngôn ngữ theo nội dung giao tiếp với trật tự từ dễ đến khó, có sự lặp lại, mở rộng và nâng cao. Để không tạo áp lực nặng nề về lí thuyết, Bộ sách không sử dụng các thuật ngữ ngôn ngữ học, mà chỉ thông qua các ví dụ cụ thể, giới thiệu và hướng dẫn một cách ngắn gọn, dễ hiểu nhất các kiến thức ngôn ngữ đặc thù, khác với tiếng Việt hoặc học sinh dễ nhầm lẫn. Với kiến thức ngôn ngữ tương tự như tiếng Việt thì học sinh được tiếp nhận một cách tự nhiên trong các câu giao tiếp.

– Thiết kế nội dung và hoạt động học tập phong phú, đa dạng, với nhiều hình ảnh trực quan, sinh động, khơi dậy niềm đam mê và hứng thú học tập, tiếp tục hình thành các kĩ năng học tập cho học sinh như quan sát, mô phỏng, phân tích...

– Thiết kế các hoạt động với hình thức tổ chức đa dạng như luyện tập cá nhân, luyện tập nhóm, đảm bảo sự tương tác nhiều chiều giữa học sinh với giáo viên, giữa học sinh với học sinh, giữa các cá nhân và các nhóm với nhau. Các hoạt động đều được kết hợp với các kĩ năng thực hành tiếng (nghe, nói, đọc,viết).

– Thiết kế hoạt động học tập dựa trên phương pháp liên hệ, so sánh, giúp học sinh tiếp tục hình thành khả năng phân tích những điểm tương đồng, khác biệt về ngôn ngữ, văn hoá của Việt Nam và Trung Quốc, khơi dậy sự quan tâm nhiều hơn của học sinh đến đất nước và con người Trung Quốc, từ đó cũng thêm yêu tiếng mẹ đẻ và văn hoá của dân tộc mình.

5. TỔNG QUAN CẤU TRÚC

Bộ sách chia làm 2 tập: Tập 1 và Tập 2. Mỗi tập đều bao gồm: (1) Lời nói đầu; (2) Hướng dẫn sử dụng sách; (3) Mục lục; (4) Giới thiệu các nhân vật chính; (5) Các câu giao tiếp thường dùng trên lớp; (6) Các chủ điểm; (7) Bảng từ vựng. Phần "Mục lục" được thiết kế theo hình thức ma trận giúp giáo viên và học sinh bao quát được toàn bộ nội dung dạy học trong từng tập sách, bao gồm số thứ tự bài học, tên bài học, mục tiêu bài học, kiến thức cần ghi nhớ, từ ngữ mới, số trang. "Bảng từ vựng" đặt ở cuối

mỗi cuốn sách, soạn theo từng tập và được sắp xếp theo trật tự phiên âm, bao gồm phiên âm, chữ Hán, nghĩa tiếng Việt, số thứ tự bài xuất hiện để tiện tra cứu ôn tập.

Nội dung bài học Tập 1 gồm Chủ điểm 1 (Em và bạn bè của em) và Chủ điểm 2 (Em và trường học của em); Nội dung bài học Tập 2 gồm Chủ điểm 3 (Em và gia đình em) và Chủ điểm 4 (Em và thế giới quanh em).

Các nhân vật chính trong bộ sách là 6 em học sinh lớp 4 (3 nam, 3 nữ), 2 thầy cô giáo và thành viên trong gia đình của các em. Bối cảnh giao tiếp trực tiếp liên quan đến chủ đề, chủ điểm của bài học.

Các chủ điểm đều có bối cảnh giao tiếp tương đối tự do, gắn với đời sống sinh hoạt học tập của học sinh. Có thể ở trường, thư viện, ở nhà một bạn học sinh hoặc ở công viên, nhà sách, bảo tàng... Mỗi chủ điểm gồm 3 bài học tương ứng với các chủ đề khác nhau. Mỗi bài học đều được chia thành 2 chủ đề giao tiếp nhỏ. Mỗi chủ đề giao tiếp nhỏ gồm 2 cặp hội thoại ngắn. Các cặp hội thoại và chủ đề giao tiếp nhỏ đều xoay quanh chủ đề giao tiếp của bài học. Mỗi bài học bao gồm:

(1) Mục tiêu cần đạt;

(2) Nghe đọc từ mới có tranh minh hoạ kèm theo;

(3) Giảng luyện các cách biểu đạt mới;

(4) Nghe đọc các cụm từ, câu và hội thoại theo chủ đề, chủ điểm;

(5) Học và luyện viết chữ Hán;

(6) Luyện tập tổng hợp các kĩ năng giao tiếp, đồng thời củng cố kiến thức ngữ âm, ngữ pháp, chữ Hán.

Các bài ôn tập sau mỗi chủ điểm nhằm củng cố kiến thức và kĩ năng đã học trong chủ điểm đó, gồm mục tiêu cần đạt, các bài tập luyện phát âm, viết chữ Hán, luyện nhớ từ ngữ, cấu trúc và kĩ năng giao tiếp theo chủ đề, chủ điểm. Cuối bài ôn tập là góc văn hoá, giới thiệu một số kiến thức văn hoá liên quan đến nội dung bài học.

6. PHƯƠNG PHÁP, KĨ NĂNG GIẢNG DẠY VÀ KHAI THÁC ĐỒ DÙNG VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC

6.1. Phương pháp, kĩ năng giảng dạy

Phương pháp giảng dạy chủ đạo là phương pháp dạy học giao tiếp, luôn luôn coi trọng việc hình thành và ưu tiên phát triển các kĩ năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) cho học sinh. Kết hợp nhuần nhuyễn nghe – nói, đọc – nói, viết – nói. Mọi hoạt động giao tiếp đều phải được thực hiện trong các ngữ cảnh cụ thể. Chủ thể giao tiếp bao gồm giáo viên với học sinh (cá nhân hoặc nhóm hoặc cả lớp), giữa hai học sinh, giữa các thành viên trong một nhóm 3 – 5 học sinh, giữa các nhóm học sinh với nhau, hoặc giữa học sinh lớp này với học sinh lớp khác. Hình thức giao tiếp trực tiếp là chính, cũng có thể thông qua các phương tiện khác như ghi âm, nhắn tin, viết thư,...

Truyền thụ kiến thức ngôn ngữ, văn hoá trong quá trình luyện tập kĩ năng. Tích hợp giảng dạy các kiến thức ngữ âm, văn tự, từ vựng, ngữ pháp, văn hoá trong khi thực hành giao tiếp. Cụ thể khi luyện phát âm cần chú trọng luyện tập theo cặp âm có thuộc tính đối lập để giúp học sinh phân biệt và ghi nhớ cách phát âm, có thể tận dụng sự gần gũi với phát âm tiếng Việt để rút ngắn thời gian luyện tập, tập trung luyện các âm khó, dễ mắc lỗi... Kết hợp dạy phát âm từng âm tiết với từ đơn, từ ghép, cụm từ và câu. Chú ý luyện phát âm trong ngữ lưu kết hợp với ngữ điệu. Mục tiêu là giúp học sinh có thói quen phát âm chính xác, tự nhiên, tự tin. Chữ Hán đối với hầu hết học sinh đều xa lạ và có phần lo lắng song cũng gây sự tò mò nhất định. Vì vậy, sau khi đã làm quen ở giai đoạn nhập môn (lớp 3), giáo viên không những cần tránh nhắc đến các khó khăn trong việc học chữ Hán, mà phải gợi mở sự hấp dẫn về vẻ đẹp hình thức cũng như giá trị biểu nghĩa của loại văn tự này thông qua một số chữ Hán tượng hình đơn giản và những chữ hội ý trực quan, dễ hiểu, dễ nhớ. Từ đó khích lệ học sinh hứng thú, mong muốn khám phá và học tập chữ Hán. Kiến thức từ vựng và ngữ pháp cần được kết hợp giảng, luyện nhuần nhuyễn. Khi giới thiệu một hoặc một nhóm từ mới, một cấu trúc mới cần phải thực hiện ngay việc tổ hợp cụm từ, đặt câu và hội thoại ngắn. Học sinh cần được ghi nhớ từ ngữ và cấu trúc trong các giao tiếp cụ thể. Không sử dụng thuật ngữ ngôn ngữ học không phù hợp với trình độ nhận thức của học sinh lớp 4. Các kiến thức văn hoá xã hội liên quan cần được kịp thời giảng giải và chú ý ghi nhớ ngay mỗi lần xuất hiện trong giao tiếp nhằm đạt mục đích kép là học tập ngôn ngữ để tìm hiểu văn hoá văn minh.

Tuỳ từng nội dung bài học và điều kiện dạy học cụ thể có thể áp dụng phương pháp dạy học giao nhiệm vụ. Yêu cầu học sinh thông qua các từ ngữ, cấu trúc đã học và các phương tiện hỗ trợ liên quan, thực hiện các giao tiếp cần thiết để hoàn thành một nhiệm vụ nhất định.

Linh hoạt trong hình thức và hoạt động dạy học. Căn cứ vào từng bài học, từng giờ học, từng nội dung dạy học để thay đổi các hình thức và thủ pháp lên lớp. Tránh yêu cầu học sinh tập trung ghi nhớ cao độ trong thời gian dài. Sau mỗi 8 đến 10 phút cần thay đổi phương thức giảng luyện để tạo sự thay đổi không khí học tập. Các câu chuyện ngôn ngữ hài hước ngắn, phù hợp hoặc những hình ảnh, âm thanh sống động đan xen giữa những nội dung giảng luyện sẽ là nhân tố quan trọng để tạo ra sự linh hoạt và nâng cao hiệu quả của giờ học. Đặc biệt với lứa tuổi học sinh lớp 4 còn khá hiếu động, không thật tập trung, dễ quên, nên một số nội dung trong bài học cần được lặp đi lặp lại bằng những hình thức dạy học khác nhau, từ đó ghi nhớ và tạo phản xạ trong giao tiếp.

Giáo viên cần ân cần chỉ ra những sai sót, kiên trì mềm mỏng giúp học sinh chỉnh sửa lỗi. Đặc biệt bằng các hình thức khác nhau cần kịp thời khen ngợi, khích lệ, động viên từng tiến bộ của học sinh giúp học sinh mạnh dạn tự tin, từ đó nâng cao hiệu quả học tập.

Việc ghi chép và rút kinh nghiệm cũng như những lưu ý, bổ sung quan trọng sau giờ học giúp giáo viên không ngừng cải thiện kĩ năng và hiệu quả dạy học, đồng thời cũng là những gợi ý cho các đề tài nghiên cứu khoa học có giá trị thực tiễn cao.

6.2 Khai thác đồ dùng và thiết bị dạy học

Đồ dùng, thiết bị và các phần mềm dạy học (như phần mềm dạy viết chữ Hán, luyện âm,...) có tác dụng hỗ trợ tích cực cho hoạt động dạy học. Có thể tạo ra hình ảnh trực quan sinh động, tạo lập ngữ cảnh giao tiếp, hiệu ứng âm thanh, ánh sáng, màu sắc, cảnh quan thực tế... từ đó kích thích hứng thú học tập và khích lệ nhu cầu giao tiếp của học sinh.

Với mỗi bài học cần lựa chọn đồ dùng và thiết bị dạy học gần gũi, dễ tiếp cận, phù hợp với nội dung bài học và môi trường dạy học thực tế. Ở các nơi có điều kiện thuận lợi, cần tích cực chủ động tận dụng thiết bị công nghệ cao trong dạy học như điện thoại thông minh, máy tính bảng, internet,... để thiết kế bổ sung các dạng bài tập, trò chơi ngôn ngữ online... Ngoài ra có thể sử dụng các phần mềm hỗ trợ dạy học miễn phí hoặc thu phí để mở rộng, nâng cao kĩ năng và kiến thức ngôn ngữ văn hoá cho học sinh. Việc sử dụng phấn bảng cần được duy trì ở một tỉ lệ thích hợp.

Giáo viên cũng có thể sưu tầm, lựa chọn, biên tập các học liệu tham khảo (bao gồm ngữ liệu trên internet, sách học, vở viết tập, câu chuyện về chữ Hán, phim hoạt hình, các bài hát đồng dao,...) phù hợp trình độ và nội dung cuốn sách để hướng dẫn các học sinh khá giỏi bồi dưỡng ngữ cảm và mở rộng vốn từ.

Hướng dẫn học sinh tự tạo ra các tư liệu học tập như vẽ tranh về bạn bè, nhà trường, gia đình, những đồ vật, màu sắc, đồ ăn thức uống yêu thích hoặc tự thiết kế danh thiếp, thiệp sinh nhật,...

7. GỢI Ý HÌNH THỨC KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

Kiểm tra đánh giá là khâu quan trọng và cũng là nội dung cấu thành trong việc sử dụng hiệu quả sách giáo khoa. Hình thức kiểm tra đánh giá cần linh hoạt và kết hợp các hình thức khác nhau để đạt được mục đích đánh giá toàn diện.

Kết hợp giữa (1) Đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì; (2) Đánh giá chẩn đoán, đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết (ưu tiên đánh giá quá trình); (3) Đánh giá tham chiếu tiêu chí và đánh giá tham chiếu định chuẩn (ưu tiên đánh giá tham chiếu tiêu chí); (4) Đánh giá tích hợp năng lực sử dụng ngôn ngữ và đánh giá riêng lẻ từng kĩ năng giao tiếp ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết), ở giai đoạn đầu có thể đánh giá riêng lẻ kiến thức ngôn ngữ (ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm).

Kết hợp các hình thức đánh giá định tính và định lượng. Khuyến khích và tạo điều kiện cho học sinh tự đánh giá và tham gia vào quá trình đánh giá.

8. CẤU TRÚC GIÁO ÁN THAM KHẢO

Giáo án giảng dạy là kế hoạch và dàn ý giờ lên lớp của giáo viên, giúp giáo viên chủ động thực hiện giờ dạy đúng mục đích, đúng kế hoạch và hiệu quả. Bao gồm các nội dung sau:

(1) Tiêu đề bài học: Cần ghi rõ tên bài, thuộc chủ điểm cụ thể nào.

(2) Mục đích giờ học: Trong đó hiệu quả giao tiếp là mục đích bao trùm, các mục tiêu về kĩ năng, kiến thức ngôn ngữ, văn hoá đều nhằm thực hiện mục đích giao tiếp.

(3) Trọng tâm dạy học: Liệt kê các nội dung về giảng luyện kĩ năng và kiến thức ngôn ngữ, văn hoá cụ thể của bài học.

(4) Phương pháp dạy học: Ưu tiên phương pháp chủ đạo là dạy học giao tiếp, kết hợp với các thủ pháp, kĩ năng bổ trợ khác.

(5) Đồ dùng và thiết bị dạy học: Liệt kê các đồ dùng và thiết bị dạy học phù hợp với từng bài học và với điều kiện thực tế.

(6) Tiến trình dạy học: Cần thể hiện rõ và đầy đủ các nội dung dạy học cụ thể, thời gian tương ứng, hình thức hoạt động của giáo viên và học sinh cho từng nội dung dạy học, mục đích cần đạt của các hoạt động đó...

(7) Phương thức kiểm tra đánh giá: Bao gồm kiểm tra việc ôn tập bài cũ, kiểm tra hiệu quả tiếp nhận kiến thức mới học, kiểm tra mức độ chuyển hoá kĩ năng giao tiếp,...

(8) Phản hồi sau giờ học: Đây là ô trống để giáo viên bổ sung và hoàn thành sau mỗi giờ học, nhằm rút kinh nghiệm về mọi mặt cho các giờ học tiếp theo, là tư liệu góp ý phản hồi cho các bên liên quan và là gợi ý cho chính giáo viên thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

PHẦN II: GỢI Ý GIẢNG DẠY TỪNG BÀI HỌC

第一课：你的生日是几月几号

1. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau khi học xong bài 1, học sinh có thể (1) Biết cách nói, hỏi và trả lời về ngày tháng năm; (2) Biết cách hỏi và chúc mừng ngày sinh nhật của người khác.

2. TRỌNG TÂM DẠY HỌC

2.1. Kiến thức ngôn ngữ:

Từ vựng: 今天，号/日，明天，月，昨天
年，生日，零，祝，快乐

– Cấu trúc: nói, hỏi và trả lời về ngày tháng năm …月…号; …年 và cách hỏi và chúc mừng ngày sinh nhật 祝你生日快乐!

2.2. Kĩ năng ngôn ngữ:

– Nghe – Nói: Nghe hiểu và trả lời được về ngày tháng năm; Nghe và biết cách hỏi, chúc mừng ngày sinh nhật.
– Đọc: Đọc được các từ, cụm từ, câu trong bài.
– Viết: Viết được các chữ Hán đơn giản: 号，年，今，明，昨，天

2.3. Văn hoá và văn hoá giao tiếp:

Sau bài học, biết cách nói, hỏi và trả lời về ngày tháng năm của người Trung Quốc; Biết cách hỏi và chúc mừng ngày sinh nhật của người khác bằng tiếng Trung Quốc.

3. ĐỒ DÙNG VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC

– Phần mềm dạy viết chữ.
– Phấn, bảng, PPT, máy chiếu.
– Học sinh dùng vở ô li, bút chì, bút máy.

4. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP (KÈM THỜI LƯỢNG, NỘI DUNG BÀI GIẢNG VÀ GỢI Ý CÁC HÌNH THỨC GIẢNG LUYỆN)

Tiến trình lên lớp bao gồm các nội dung: Khởi động, Giảng bài mới và Củng cố bài đã học, trong đó nội dung Khởi động và Củng cố bài đã học do giáo viên chủ động thực hiện một cách linh hoạt tuỳ tình hình thực tế của lớp, nội dung và hình thức tổ chức dưới đây chỉ mang tính gợi ý.

4.1. Khởi động

STT	Nội dung	Hình thức
1	Khởi động	GV yêu cầu các em học sinh trong 5 phút, bạn nào hỏi thăm và biết được ngày sinh nhật của nhiều bạn trong lớp nhất sẽ là người thắng cuộc.

4.2. Giảng bài mới

Tiết	Nội dung	Hình thức
1	Ôn tập ngữ âm	GV có thể ôn tập lại ngữ âm cho học sinh trước khi vào bài mới.
2	Dạy – học từ ngữ mới (phần 1)	– GV cho HS quan sát toàn bộ từ mới trang 10, nghe đọc tổng hợp tất cả các từ: 今天，号/日，明天，月，昨天. – GV cho HS nghe và tìm hiểu nghĩa, cách phát âm của các từ theo nhóm và cá nhân. Nếu trình chiếu PPT, GV có thể tạo mỗi trang là 1 từ mới, hình thức nghe, quan sát tranh và nhắc từ. – Chơi trò chơi ghép hình với các từ đã học phía trên để củng cố kiến thức đã học (có thể chia đội, hoặc chơi cá nhân).
	Dạy – học cấu trúc (phần 1)	GV giới thiệu về cách nói, hỏi và trả lời về ngày tháng năm 今天几月几号? và cách hỏi và chúc mừng ngày sinh nhật 祝你生日快乐! – GV cho 5 – 6 HS bốc thăm tên và hỏi ngày sinh nhật của nhau để luyện cách nói ngày, tháng. – GV yêu cầu hai bạn HS ngồi cạnh nhau hỏi nhau về ngày hôm nay, hôm qua là ngày mấy... – GV HS luyện tập với bài tập sắp xếp ô chữ. – Đáp án: 1. 昨天十月三号。 2. 今天十月十五号。 3. 明天三月二十五号。
3	Đọc hội thoại và luyện tập giao tiếp (phần 1)	– GV cho HS nghe phần *Em hãy nghe và nhắc lại*, sau đó sẽ gọi 1 – 2 bạn nhắc lại. – Ở 2 đoạn hội thoại ngắn (file nghe 1/3): + GV cho HS nghe file nghe 2 lần, nhắc lại nội dung trong file (đồng thanh, hoặc cá nhân).

Tiết	Nội dung	Hình thức
		+ GV đọc mẫu và chia nhóm (4 – 5 HS/ nhóm) luyện đọc. GV đi từng nhóm kiểm tra ngữ âm, ngữ điệu và điều chỉnh từng nhóm. Sau mỗi đoạn hội thoại, GV chia nhóm đóng vai nhân vật trong hội thoại, gọi 1 – 2 nhóm lên nói trước lớp.
4	Dạy – học từ ngữ mới (phần 2)	– GV cho HS quan sát toàn bộ từ mới trang 14, nghe đọc tổng hợp tất cả các từ: 年，生日，零，祝，快乐. – GV cho HS nghe và tìm hiểu nghĩa, cách phát âm của các từ theo đơn vị lớp, nhóm và cá nhân. Nếu trình chiếu PPT, GV có thể tạo mỗi trang là 1 từ mới, hình thức nghe, quan sát tranh và nhắc từ.
	Dạy – học cấu trúc (phần 2)	– GV giới thiệu cách hỏi và chúc mừng ngày sinh nhật 祝你生日快乐! – HS chia nhóm và hỏi lẫn nhau về ngày sinh nhật của thành viên trong gia đình.
5	Đọc hội thoại và luyện tập giao tiếp (phần 2)	– GV cho HS nghe phần *Em hãy nghe và nhắc lại*, sau đó sẽ gọi 1 – 2 bạn nhắc lại. – Ở 2 đoạn hội thoại ngắn: + GV cho HS nghe file nghe 2 lần, nhắc lại nội dung trong file (đồng thanh, hoặc cá nhân). + GV đọc mẫu và chia nhóm luyện đọc. GV đi từng nhóm kiểm tra ngữ âm, ngữ điệu và điều chỉnh từng nhóm. + GV cho 1 – 3 nhóm đọc to và cho các bạn nhận xét cho nhau, GV kết luận. – Sau mỗi đoạn hội thoại, GV chia nhóm đóng vai nhân vật trong hội thoại, gọi 1 – 2 nhóm lên nói trước lớp.
6	Dạy – học nét, quy tắc viết	– GV nhắc lại chữ Hán được cấu tạo bởi các nét chữ, các bộ chữ. GV giới thiệu và hướng dẫn cách viết. – GV viết mẫu các chữ, HS viết theo vào vở. – GV nhắc lại quy tắc viết chữ Hán trong bài gồm: trên trước dưới sau, ngang trước sổ sau, trái trước phải sau. GV viết mẫu thứ tự các nét chữ, HS viết theo vào vở. – GV hỏi tên một số nét xuất hiện trong chữ Hán đã học phía trước để củng cố bài học.

Tiết	Nội dung	Hình thức
7	Dạy – học viết chữ Hán đơn giản	– GV hướng dẫn học sinh viết các chữ Hán: 号、年、今、明、昨、天. GV nhắc lại chữ Hán được cấu tạo bởi các nét chữ, các bộ chữ. GV giới thiệu và hướng dẫn cách viết. – GV viết mẫu trên bảng hoặc cho HS xem video thứ tự nét của từng chữ Hán, yêu cầu mỗi chữ Hán viết 1 chữ vào vở tập viết. Trong quá trình viết vừa viết vừa đọc tên nét chữ đang viết (nếu được). GV đi kiểm tra và sửa chữ viết cho HS. – GV tổng hợp các lỗi sai thường gặp trong quá trình viết của HS. – Làm bài tập 2: Em hãy viết phiên âm cho chữ Hán hoặc chữ Hán cho phiên âm của các từ dưới đây. – Đáp án (lược)
8	Luyện tập tổng hợp và củng cố bài học.	Bài 1. Em hãy xem tranh và trả lời câu hỏi. – GV cho HS xem các bức tranh. – Chia nhóm luyện: GV chia cặp, một bạn hỏi và một bạn đáp. Bài 2. Em hãy nghe và chọn đáp án đúng. – GV cho HS xem trước toàn bộ nội dung, sau đó mở file nghe cho HS. Mỗi câu đều có 3 đáp án A, B, C. GV có thể cho học sinh đọc trước nội dung nghe 5 đến 10 phút, sau đó cho học sinh nghe 3 lần, yêu cầu HS chọn đáp án. Nếu HS chọn sai, GV sẽ giải thích nghĩa cho HS hiểu. (nếu có nội dung ghi âm) – GV tự đọc một trong những đáp án nếu không có nội dung ghi âm. Bài 3. Chúng mình cùng hát nhé! – Cho học sinh cùng tập hát bài hát "生日快乐". – GV hướng dẫn học sinh phát âm, dịch nghĩa, cho học sinh nghe hoặc xem video, sau đó hát theo.

4.3. Củng cố bài học

STT	Nội dung	Hình thức
1	Củng cố bài học	– GV hỏi lại các chữ Hán đã tập viết. – HS viết các cấu trúc đã học vào vở ghi. – GV nhắc lại cách nói, hỏi và trả lời về ngày tháng năm; cách hỏi và chúc mừng ngày sinh nhật của người khác.

STT	Nội dung	Hình thức
2	Gợi ý cho học sinh	– Khuyến khích HS ngoài giờ luyện tập hỏi ngày tháng. – Tự nghe lại file âm thanh từ mới và bài đã học. – Tập viết các chữ Hán đã học. – Học hát bài hát 生日快乐 trên internet.

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1. Kết hợp giảng luyện kĩ năng với kiến thức ngôn ngữ

– Cách nói, hỏi và trả lời về ngày tháng năm của tiếng Trung Quốc có trật tự diễn đạt không giống tiếng Việt, do đó cần cho học sinh luyện tập nói nhiều để quen cấu trúc; luyện cách hỏi và chúc mừng ngày sinh nhật của người khác.

5.2. Kết hợp nội dung trong SGK với thực tế giao tiếp

Sau khi đọc các câu hoặc hội thoại trong bài, cho HS nói tương tự như vậy ngay theo thực tế. Không yêu cầu HS thuộc câu trong bài, chỉ cần biết dùng mẫu câu để nói theo thực tế.

5.3. Kết hợp học tập với giải trí

– Khi kiểm tra bài cũ, GV tổ chức các trò chơi "Ai nhanh nhất" tạo hứng thú cho giờ học.

– GV có thể kết hợp sử dụng bài hát 生日快乐 để luyện thêm cho HS.

– GV có thể gửi link bài hát liên quan đến nội dung bài học để các em nghe và học hát tại nhà.

5.4. Kết hợp luyện tập cá nhân với giao lưu nhóm

Với mỗi nội dung đều nên luyện tập cá nhân để GV kịp thời khen ngợi hoặc sửa lỗi cho từng HS. Đồng thời tạo các bài tập nhóm để HS quen với việc hợp tác làm việc chung, hỗ trợ và nhận xét cho nhau, tạo sự thi đua giữa các nhóm. Lưu ý không lập nhóm cố định.

5.5. Kết hợp học tập trên lớp với tự học ở nhà

– Giao các bài tập viết chữ và bài tập sáng tạo (như học hát, vẽ hoặc tô màu chữ Hán trên phiếu GV in cho) để HS có thể dùng thời gian ở nhà để hoàn thành.

– Các bài tập về nhà mang tính giải trí, không tạo áp lực cho HS.

第二课：星期日我们去公园玩儿

1. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau khi học xong bài 2, học sinh có thể (1) Biết cách hỏi và trả lời về các thứ trong tuần; (2) Biết cách biểu đạt đi làm một việc gì đó.

2. TRỌNG TÂM DẠY HỌC

2.1. Kiến thức ngôn ngữ:

– Từ vựng: 星期，星期一，星期二，星期三，星期四，星期五，星期六，星期天（星期日），公园，去

玩儿，书店，看，图书馆，开门

– Cấu trúc: cách hỏi và trả lời về các thứ trong tuần 今天星期几？ và cách biểu đạt đi làm một việc gì đó 去买/看...

2.2. Kĩ năng ngôn ngữ:

– Nghe – Nói: Nghe hiểu và trả lời được các thứ trong tuần; Nghe và biết cách biểu đạt đi làm một việc gì đó.

– Đọc: Đọc được các từ, cụm từ, câu trong bài.

– Viết: Viết được các chữ Hán: 看，去，公，园，开，门.

2.3. Văn hoá và văn hoá giao tiếp:

Sau bài học, biết cách nói, hỏi và trả lời về các thứ trong tuần của người Trung Quốc; Biết cách biểu đạt đi làm một việc gì đó bằng tiếng Trung Quốc.

3. ĐỒ DÙNG VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC

– Phần mềm dạy viết chữ.

– Phấn, bảng, PPT, máy chiếu.

– Học sinh dùng vở ô li, bút chì, bút máy.

4. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP (KÈM THỜI LƯỢNG, NỘI DUNG BÀI GIẢNG VÀ GỢI Ý CÁC HÌNH THỨC GIẢNG LUYỆN)

Tiến trình lên lớp bao gồm các nội dung: Khởi động, Giảng bài mới và Củng cố bài đã học, trong đó nội dung Khởi động và Củng cố bài đã học do giáo viên chủ động thực hiện một cách linh hoạt tuỳ tình hình thực tế của lớp, nội dung và hình thức tổ chức dưới đây chỉ mang tính gợi ý.

4.1. Khởi động

STT	Nội dung	Hình thức
1	Khởi động	GV cho học sinh xem cuốn lịch của Trung Quốc và cuốn lịch của Việt Nam, các em sẽ so sánh và chỉ ra những điểm giống và khác nhau.

4.2. Giảng bài mới

Tiết	Nội dung	Hình thức
1	Ôn tập bài 1	GV có thể ôn tập lại các từ, cấu trúc đã học ở bài 1 cho HS trước khi vào bài mới.
2	Dạy – học từ ngữ mới (phần 1)	– GV cho HS quan sát toàn bộ từ mới trang 21, nghe đọc tổng hợp tất cả các từ: 星期，星期一，星期二，星期三，星期四，星期五，星期六，星期天（星期日），公园，去 – GV cho HS nghe và tìm hiểu nghĩa, cách phát âm của các từ theo nhóm và cá nhân. Nếu trình chiếu PPT, GV có thể tạo mỗi trang là 1 từ mới, hình thức nghe, quan sát tranh và nhắc từ. – Chơi trò chơi ghép hình với các từ đã học phía trên để củng cố kiến thức đã học (có thể chia đội, hoặc chơi cá nhân).
	Dạy – học cấu trúc (phần 1)	– GV giới thiệu về cách nói, hỏi và trả lời về thứ trong tuần 今天星期几？ và cách đi làm một việc gì đó 星期日我们去买书。 – GV cho 5 – 6 HS bốc thăm tên và hỏi hôm nay, hôm qua là thứ mấy, sinh nhật của bạn là thứ mấy… – GV yêu cầu hai bạn HS ngồi cạnh nhau hỏi nhau về ngày hôm nay, hôm qua là thứ mấy, có thể kết hợp ngày tháng để luyện tập… – GV cho HS luyện tập với bài tập sắp xếp ô chữ. – Đáp án: 1. 星期天是我的生日。 2. 今天四月三号，星期五。 3. 十一月八号不是星期六。
3	Đọc hội thoại và luyện tập giao tiếp (phần 1)	– GV cho HS nghe phần *Em hãy nghe và nhắc lại*, sau đó sẽ gọi 1 – 2 bạn nhắc lại. – Ở 2 đoạn hội thoại ngắn: + GV cho HS nghe file nghe 2 lần, nhắc lại nội dung trong file (đồng thanh, hoặc cá nhân).

Tiết	Nội dung	Hình thức
		+ GV đọc mẫu và chia nhóm (4 – 5 HS/ nhóm) luyện đọc. GV đi từng nhóm kiểm tra ngữ âm, ngữ điệu và điều chỉnh từng nhóm. – Sau mỗi đoạn hội thoại, GV chia nhóm đóng vai nhân vật trong hội thoại, gọi 1 – 2 nhóm lên nói trước lớp.
4	Dạy – học từ ngữ mới (phần 2)	– GV cho HS quan sát toàn bộ từ mới trang 25, nghe đọc tổng hợp tất cả các từ: 图书馆，书店，看，玩儿，开门. – GV cho HS nghe và tìm hiểu nghĩa, cách phát âm của các từ theo đơn vị lớp, nhóm và cá nhân. Nếu trình chiếu PPT, GV có thể tạo mỗi trang là 1 từ mới, hình thức nghe, quan sát tranh và nhắc từ.
	Dạy – học cấu trúc (phần 2)	– GV giới thiệu cách hỏi thứ trong tuần. – HS chia nhóm và hỏi lẫn nhau về ngày sinh nhật của thành viên trong gia đình vào thứ mấy… thứ mấy đi đâu…
5	Đọc hội thoại và luyện tập giao tiếp (phần 2)	– GV cho HS nghe phần *Em hãy nghe và nhắc lại*, sau đó sẽ gọi 1 – 2 bạn nhắc lại. – Ở 2 đoạn hội thoại ngắn: + GV cho HS nghe file nghe 2 lần, nhắc lại nội dung trong file (đồng thanh, hoặc cá nhân). + GV đọc mẫu và chia nhóm luyện đọc. GV đi từng nhóm kiểm tra ngữ âm, ngữ điệu và điều chỉnh từng nhóm. + GV cho 1 – 3 nhóm đọc to và cho các bạn nhận xét cho nhau, GV kết luận. – Sau mỗi đoạn hội thoại, GV chia nhóm đóng vai nhân vật trong hội thoại, gọi 1 – 2 nhóm lên nói trước lớp.
6	Dạy – học nét, quy tắc viết	– GV nhắc lại chữ Hán được cấu tạo bởi các nét chữ, các bộ chữ. GV giới thiệu và hướng dẫn cách viết. – GV viết mẫu các chữ, HS viết theo vào vở. – GV nhắc lại quy tắc viết chữ Hán trong bài gồm: trên trước dưới sau, ngang trước sổ sau, trái trước phải sau. GV viết mẫu thứ tự các nét chữ, HS viết theo vào vở. – GV hỏi tên một số nét xuất hiện trong chữ Hán đã học phía trước để củng cố bài học.

Tiết	Nội dung	Hình thức
7	Dạy – học viết chữ Hán đơn giản	– GV hướng dẫn HS viết các chữ Hán: 看, 去 , 公, 园, 开, 门. – GV viết mẫu trên bảng hoặc cho HS xem video thứ tự nét của từng chữ Hán, yêu cầu mỗi chữ Hán viết 1 chữ vào vở tập viết. Trong quá trình viết vừa viết vừa đọc tên nét chữ đang viết (nếu được). GV đi kiểm tra và sửa chữ viết cho HS. – GV tổng hợp các lỗi sai thường gặp trong quá trình viết của HS. – Làm bài tập 2: Em hãy viết phiên âm cho chữ Hán hoặc chữ Hán cho phiên âm của các từ dưới đây. – Đáp án (lược).
8	Luyện tập tổng hợp và củng cố bài học	Bài 1. Em hãy xem tranh và trả lời câu hỏi. – GV cho HS xem các bức tranh. – Chia nhóm luyện: GV chia cặp, một bạn hỏi và một bạn đáp. Bài 2. Em hãy nghe và chọn đáp án đúng. – Cho học sinh nghe mỗi câu 3 lần – GV cho HS xem trước toàn bộ nội dung, sau đó mở file nghe cho HS. Mỗi câu đều có 3 đáp án A, B, C. GV có thể cho HS đọc trước nội dung nghe 5 đến 10 phút, sau đó mở máy cho HS nghe 3 lần và yêu cầu HS chọn đáp án. Nếu HS chọn sai, GV sẽ giải thích nghĩa cho HS hiểu. (nếu có nội dung ghi âm) – GV tự đọc một trong những đáp án nếu không có nội dung ghi âm. Bài 3: Em hãy hoàn thành các câu dưới đây – GV hướng dẫn học sinh không được ghi đáp án vào sách, có thể mời lên bảng một vài học sinh ghi đáp án… Bài 4. Em hãy nói về các hoạt động trong tuần của mình theo các từ và tranh gợi ý. – Chia nhóm 3 bạn luyện nói lần lượt với các bức tranh về các hoạt động của từng bạn học trong nhóm đó. GV gọi 2 – 3 nhóm lên nói và nhận xét.

4.3. Củng cố bài học

STT	Nội dung	Hình thức
1	Củng cố bài học	– GV hỏi lại các chữ Hán đã tập viết. – HS viết các cấu trúc đã học vào vở ghi. – GV nhắc lại cách nói, hỏi và trả lời về thứ trong tuần; cách hỏi và cách biểu đạt làm một gì đó, rủ bạn đi đâu vào các ngày cuối tuần.
2	Gợi ý cho học sinh	– Khuyến khích HS ngoài giờ luyện tập hỏi ngày tháng. – Tự nghe lại file âm thanh từ mới và bài đã học. – Tập viết các chữ Hán đã học.

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1. Kết hợp giảng luyện kĩ năng với kiến thức ngôn ngữ

Cách diễn đạt các thứ trong tuần của tiếng Trung Quốc có khác tiếng Việt, do đó cần cho học sinh luyện tập nói nhiều để quen cấu trúc; luyện cách đi làm một việc gì đó 去买/看...

5.2. Kết hợp nội dung trong SGK với thực tế giao tiếp

Sau khi đọc các câu hoặc hội thoại trong bài, cho HS nói tương tự như vậy ngay theo thực tế. Không yêu cầu HS thuộc câu trong bài, chỉ cần biết dùng mẫu câu để nói theo thực tế.

5.3. Kết hợp học tập với giải trí

– Khi kiểm tra bài cũ, GV tạo các trò chơi tạo hứng thú cho giờ học.

– GV có thể gửi link bài hát liên quan đến nội dung bài học để các em nghe và học hát tại nhà.

5.4. Kết hợp luyện tập cá nhân với giao lưu nhóm

Với mỗi nội dung đều nên luyện tập cá nhân để GV kịp thời khen ngợi hoặc sửa lỗi cho từng HS. Đồng thời tạo các bài tập nhóm để HS quen với việc hợp tác làm việc chung, hỗ trợ và nhận xét cho nhau, tạo sự thi đua giữa các nhóm. Lưu ý không lập nhóm cố định.

5.5. Kết hợp học tập trên lớp với tự học ở nhà

– Giao các bài tập viết chữ và bài tập sáng tạo (như học hát, vẽ hoặc tô màu chữ Hán trên phiếu GV in cho) để HS có thể dùng thời gian ở nhà để hoàn thành.

– Các bài tập về nhà mang tính giải trí, không tạo áp lực cho HS.

第三课：现在几点

1. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau khi học xong bài 3, học sinh có thể biết cách hỏi và trả lời về thời gian.

2. TRỌNG TÂM DẠY HỌC

2.1. Kiến thức ngôn ngữ:

– Từ vựng: 点，现在，半，分，上课，下课
时候，上午，下午，中午，食堂，午饭，饿

– Cấu trúc: cách hỏi và trả lời về thời gian …几点？ ；…点…分； 什么时候…？

2.2. Kĩ năng ngôn ngữ:

– Nghe – Nói: Nghe hiểu và trả lời về thời gian.

– Đọc: Đọc được các từ, cụm từ, câu trong bài.

– Viết: Viết được các chữ Hán đơn giản: 现，在，点，分，半，午

2.3. Văn hoá và văn hoá giao tiếp:

Sau bài học, biết cách nói, hỏi và trả lời về về thời gian bằng tiếng Trung Quốc.

3. ĐỒ DÙNG VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC

– Phần mềm dạy viết chữ.

– Phấn, bảng, PPT, máy chiếu.

– Học sinh dùng vở ô li, bút chì, bút máy.

4. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP (KÈM THỜI LƯỢNG, NỘI DUNG BÀI GIẢNG VÀ GỢI Ý CÁC HÌNH THỨC GIẢNG LUYỆN)

Tiến trình lên lớp bao gồm các nội dung: Khởi động, Giảng bài mới và Củng cố bài đã học, trong đó nội dung Khởi động và Củng cố bài đã học do giáo viên chủ động thực hiện một cách linh hoạt tuỳ tình hình thực tế của lớp, nội dung và hình thức tổ chức dưới đây chỉ mang tính gợi ý.

4.1. Khởi động

STT	Nội dung	Hình thức
1	Khởi động	GV hỏi học sinh một số câu hỏi liên quan đến thời gian ví dụ: mấy giờ ngủ, mấy thức dậy, mấy giờ đi học…

4.2. Giảng bài mới

Tiết	Nội dung	Hình thức
1	Ôn tập bài 1	GV có thể ôn tập lại các từ, cấu trúc đã học ở bài 2 cho học sinh trước khi vào bài mới.
2	Dạy – học từ ngữ mới (phần 1)	– GV cho HS quan sát toàn bộ từ mới trang 33; nghe đọc tổng hợp tất cả các từ: 点，现在，半，分，上课，下课. – GV cho HS nghe và tìm hiểu nghĩa, cách phát âm của các từ theo nhóm và cá nhân. Nếu trình chiếu PPT, GV có thể tạo mỗi trang là 1 từ mới, hình thức nghe, quan sát tranh và nhắc từ. – Chơi trò chơi ghép hình với các từ đã học phía trên để củng cố kiến thức đã học (có thể chia đội, hoặc chơi cá nhân).
	Dạy – học cấu trúc (phần 1)	– GV giới thiệu về cách nói, hỏi và trả lời về thời gian 现在几点? – GV cho 5 – 6 HS bốc thăm tên và hỏi hôm nay mấy giờ đi thư viện… – GV yêu cầu hai bạn HS ngồi cạnh nhau hỏi nhau về thời gian trong ngày hôm nay, có thể kết hợp thứ, ngày tháng để luyện tập…
3	Đọc hội thoại và luyện tập giao tiếp (phần 1)	– GV cho HS nghe phần *Em hãy nghe và nhắc lại*, sau đó sẽ gọi 1 – 2 bạn nhắc lại. – Ở 2 đoạn hội thoại ngắn: + GV cho HS nghe file nghe 2 lần, nhắc lại nội dung trong file (đồng thanh, hoặc cá nhân). + GV đọc mẫu và chia nhóm (4 – 5 HS/ nhóm) luyện đọc. GV đi từng nhóm kiểm tra ngữ âm, ngữ điệu và điều chỉnh từng nhóm. – Sau mỗi đoạn hội thoại, GV chia nhóm đóng vai nhân vật trong hội thoại, gọi 1 – 2 nhóm lên nói trước lớp.
4	Dạy – học từ ngữ mới (phần 2)	– GV cho HS quan sát toàn bộ từ mới trang 37, nghe đọc tổng hợp tất cả các từ: 时候，上午，下午、中午，食堂，午饭，饿. GV cho HS nghe và tìm hiểu nghĩa, cách phát âm của các từ theo đơn vị lớp, nhóm và cá nhân. Nếu trình chiếu PPT, GV có thể tạo mỗi trang là 1 từ mới, hình thức nghe, quan sát tranh và nhắc từ.
	Dạy – học cấu trúc (phần 2)	– GV giới thiệu cách hỏi thứ trong tuần. – HS chia nhóm và hỏi lẫn nhau về mấy giờ đi nhà ăn ăn trưa… – Hỏi theo cấu trúc: 我们什么时候去图书馆? – GV cho HS luyện tập với bài tập sắp xếp ô chữ.

Tiết	Nội dung	Hình thức
		– Đáp án: 1. 姐姐什么时候买衣服? 2. 我们什么时候去老师家? 3. 你们什么时候去食堂?
5	Đọc hội thoại và luyện tập giao tiếp (phần 2)	– GV cho HS nghe phần *Em hãy nghe và nhắc lại*, sau đó sẽ gọi 1 – 2 bạn nhắc lại. – Ở 2 đoạn hội thoại ngắn: + GV cho HS nghe file nghe 2 lần, nhắc lại nội dung trong file (đồng thanh, hoặc cá nhân). + GV đọc mẫu và chia nhóm luyện đọc. GV đi từng nhóm kiểm tra ngữ âm, ngữ điệu và điều chỉnh từng nhóm. + GV cho 1 – 3 nhóm đọc to và cho các bạn nhận xét cho nhau, GV kết luận. – Sau mỗi đoạn hội thoại, GV chia nhóm đóng vai nhân vật trong hội thoại, gọi 1 – 2 nhóm lên nói trước lớp.
6	Dạy – học nét, quy tắc viết	– GV nhắc lại chữ Hán được cấu tạo bởi các nét chữ, các bộ chữ. GV giới thiệu và hướng dẫn cách viết. – GV viết mẫu các chữ, HS viết theo vào vở. – GV nhắc lại quy tắc viết chữ Hán trong bài gồm: trên trước dưới sau, ngang trước sổ sau, trái trước phải sau. GV viết mẫu thứ tự các nét chữ, HS viết theo vào vở. – GV hỏi tên một số nét xuất hiện trong chữ Hán đã học phía trước để củng cố bài học.
7	Dạy – học viết chữ Hán đơn giản	– GV hướng dẫn HS viết các chữ Hán: 现，在，点，分，半，午. – GV viết mẫu trên bảng hoặc cho HS xem video thứ tự nét của từng chữ Hán, yêu cầu mỗi chữ Hán viết 1 chữ vào vở tập viết. Trong quá trình viết vừa viết vừa đọc tên nét chữ đang viết (nếu được). GV đi kiểm tra và sửa chữ viết cho HS. – GV tổng hợp các lỗi sai thường gặp trong quá trình viết của HS. – Làm bài tập 2: Em hãy viết phiên âm cho chữ Hán hoặc chữ Hán cho phiên âm của các từ dưới đây. – Đáp án (lược).
8	Luyện tập tổng hợp và củng cố bài học.	Bài 1. Em hãy xem tranh và trả lời câu hỏi. – GV cho HS xem các bức tranh. – Chia nhóm luyện: GV chia cặp, một bạn hỏi và một bạn đáp.

Tiết	Nội dung	Hình thức
		Bài 2. Em hãy nghe và chọn đáp án đúng. – GV cho HS xem trước toàn bộ nội dung, sau đó mở file nghe cho HS. Mỗi câu đều có 3 đáp án A, B, C. GV có thể cho học sinh đọc trước nội dung nghe 5 đến 10 phút, sau đó mở máy cho học sinh nghe 3 lần, và yêu cầu HS chọn đáp án. Nếu HS chọn sai, GV sẽ giải thích nghĩa cho HS hiểu. (nếu có nội dung ghi âm). – GV tự đọc một trong những đáp án nếu không có nội dung ghi âm. Bài 3. Em hãy hoàn thành các câu dưới đây. – GV hướng dẫn học sinh không được ghi đáp án vào sách, có thể mời lên bảng một vài học sinh ghi đáp án… Bài 4. Em hãy sử dụng mẫu câu dưới đây để nói về thời gian làm một số việc quen thuộc trong ngày. – Chia nhóm 4 bạn luyện nói lần lượt với các bức tranh. – GV gọi lần lượt các nhóm lên nói và nhận xét.

4.3. Củng cố bài học

STT	Nội dung	Hình thức
1	Củng cố bài học	– GV hỏi lại các chữ Hán đã tập viết. – HS viết các cấu trúc đã học vào vở ghi. – GV nhắc lại cách nói, hỏi và trả lời về thứ trong tuần; cách hỏi và cách biểu đạt làm một gì đó, rủ bạn đi đâu vào các ngày cuối tuần.
2	Gợi ý cho học sinh	– Khuyến khích HS ngoài giờ luyện tập hỏi ngày tháng. – Tự nghe lại file âm thanh từ mới và bài đã học. – Tập viết các chữ Hán đã học.

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1. Kết hợp giảng luyện kĩ năng với kiến thức ngôn ngữ

Luyện tập cách hỏi và trả lời về thời gian …几点？ ;…点…分； 什么时候…?

5.2. Kết hợp nội dung trong SGK với thực tế giao tiếp

Sau khi đọc các câu hoặc hội thoại trong bài, cho HS nói tương tự như vậy ngay theo thực tế. Không yêu cầu HS thuộc câu trong bài, chỉ cần biết dùng mẫu câu để nói theo thực tế.

5.3 Kết hợp học tập với giải trí

– Khi kiểm tra bài cũ, GV tạo các trò chơi tạo hứng thú cho giờ học.

– GV có thể gửi link bài hát liên quan đến nội dung bài học để các em nghe và học hát tại nhà.

5.4. Kết hợp luyện tập cá nhân với giao lưu nhóm

Với mỗi nội dung đều nên luyện tập cá nhân để GV kịp thời khen ngợi hoặc sửa lỗi cho từng HS. Đồng thời tạo các bài tập nhóm để HS quen với việc hợp tác làm việc chung, hỗ trợ và nhận xét cho nhau, tạo sự thi đua giữa các nhóm. Lưu ý không lập nhóm cố định.

5.5. Kết hợp học tập trên lớp với tự học ở nhà

– Giao các bài tập viết chữ và bài tập sáng tạo (như học hát, vẽ hoặc tô màu chữ Hán trên phiếu GV in cho) để HS có thể dùng thời gian ở nhà để hoàn thành.

– Các bài tập về nhà mang tính giải trí, không tạo áp lực cho HS.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

第四课：复习（1）

1. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau khi học xong bài 4, HS có thể: (1) Ghi nhớ nghĩa, cách dùng của các từ ngữ và các cấu trúc từ bài 1 đến bài 3; (2) Hiểu và nhớ được nội dung của các bài đối thoại, các mẫu câu.

2. TRỌNG TÂM DẠY HỌC

2.1. Kiến thức ngôn ngữ:

- Ngữ âm: Luyện phát âm từ, cụm từ, câu ngắn
- Từ vựng: Ôn tập lại các từ vựng trong chủ điểm.
- Cấu trúc: Ôn tập các cấu trúc 今天9月18号./今天几月几号/2003年9月23号/祝你生日快乐/ 今天星期几? /星期日我们去买书。/现在几点? /现在七点二十分/我们什么时候去图书馆?

2.2. Kĩ năng ngôn ngữ:

- Nghe – Nói: Nghe hiểu các câu nói thứ, ngày, tháng và năm; biết cách nói giờ, biết cách hỏi và chúc mừng sinh nhật của người khác; và biết cách biểu đạt đi làm một việc gì đó.
- Đọc: Đọc được các từ, cụm từ, câu trong bài.
- Viết: Viết được các chữ Hán theo yêu cầu.

2.3. Văn hoá và văn hoá giao tiếp:

Sau bài học, biết sử dụng tiếng Trung Quốc nói về thứ, ngày tháng năm; biết cách nói giờ, biết cách hỏi và chúc mừng sinh nhật của người khác; và biết cách biểu đạt đi làm một việc gì đó.

3. ĐỒ DÙNG VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC

- Phần mềm dạy viết chữ.
- Phấn, bảng, PPT, máy chiếu.
- Học sinh dùng vở ô li, bút chì, bút máy.

4. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP (KÈM THỜI LƯỢNG, NỘI DUNG BÀI GIẢNG VÀ GỢI Ý CÁC HÌNH THỨC GIẢNG LUYỆN)

Tiến trình lên lớp bao gồm các nội dung: Khởi động, Giảng bài mới và Củng cố bài đã học, trong đó nội dung Khởi động và Củng cố bài đã học do giáo viên chủ động

thực hiện một cách linh hoạt tuỳ tình hình thực tế của lớp, nội dung và hình thức tổ chức dưới đây chỉ mang tính gợi ý.

4.1. Khởi động

STT	Nội dung	Hình thức
1	Khởi động	– Hát theo nhạc. – GV mở nhạc bài hát tiếng Trung, cả lớp hát theo nhạc.

4.2. Giảng bài mới

Tiết	Nội dung	Hình thức
1+2+3+4	Ôn tập ngữ âm	Bài 1. Em hãy nghe và chọn phiên âm nghe được. – GV chia nhóm HS (4 – 5 bạn/nhóm) nghe mỗi từ 2 – 3 lần và ghi đáp án ra bảng. – GV mở lại file nghe chữa bài, nhận xét những đáp án đúng, phân tích lỗi của những đáp án sai để HS cùng rút kinh nghiệm. GV tính điểm cho từng đội. – Giáo viên chọn đọc mỗi lần 3 âm, cứ như thế lần lượt sẽ có 3 lượt đọc (đáp án lược).
		Bài 2. Em hãy nghe và viết phiên âm cho các chữ Hán dưới đây. GV chia nhóm HS (4 – 5 bạn/nhóm) nghe mỗi từ 2 – 3 lần và ghi đáp án ra bảng. – GV mở lại file nghe chữa bài, nhận xét những đáp án đúng, phân tích lỗi của những đáp án sai để HS cùng rút kinh nghiệm. GV tính điểm cho từng đội. Đáp án: 1. nián 2. gōngyuán 3. shítáng 4. túshūguǎn 5. shí'èr
		Bài 3. Em hãy nghe và viết phiên âm để hoàn thành hội thoại dưới đây. – GV chia nhóm HS (4 – 5 bạn/nhóm) yêu cầu điền đúng phiên âm và ghi đáp án ra bảng. – GV nhận xét những đáp án đúng, phân tích lỗi của những đáp án sai để HS cùng rút kinh nghiệm. GV tính điểm cho từng đội.

Tiết	Nội dung	Hình thức
		– GV yêu cầu các đội luyện đọc hội thoại với nhau. GV và HS đội còn lại nhận xét và tính điểm. Đội nào đọc trôi chảy, lưu loát sẽ được số điểm tương ứng với số câu đọc đúng. – GV tổng kết số điểm các đội đạt được trong phần ngữ âm và phát phần thưởng. Đáp án: A: Jīntiān jǐ yuè jǐ hào? B: Jīntiān sān yuè shí hào. A: Xiànzài jǐ diǎn? B: Xiànzài bā diǎn shíwǔ fēn. A: Shénme shíhou shì nǐ de shēngrì? B: Sì yuè bā hào shì wǒ de shēngrì. A: Nǐmen shénme shíhou qù túshūguǎn? B: Jīntiān xiàwǔ wǒmen qù túshūguǎn. A: Míngtiān nǐmen jǐ diǎn qù gōngyuán? B: Míngtiān bā diǎn bàn wǒmen qù gōngyuán.
5	Ôn tập chữ Hán	Bài 4. Em hãy xem tranh và viết chữ Hán tương ứng. – GV cho HS quan sát tranh và phiên âm. – GV có thể gợi ý cho HS bằng cách đưa ra một số chữ Hán cho HS nhận biết và viết lại. – Đáp án: 1. 年 2. 开门 3. 去 4. 下午 5. 公园
		Bài 5. Em hãy đếm số nét của các chữ Hán dưới đây. – GV chia nhóm, quy định thời gian xem nhóm nào có đáp án nhanh nhất. – GV có thể gợi ý cho HS bằng phương pháp chọn trắc nghiệm. – Đáp án: 1. 文-4 nét; 2. 上-3 nét; 3. 下-3 nét; 4. 号-5 nét; 5. 乐- 5 nét. – GV tổng hợp điểm các nhóm và khen thưởng. – GV yêu cầu HS các đội đặt những câu hỏi giao tiếp tương tự để các đội hỏi đáp.

Tiết	Nội dung	Hình thức
6	Dạy – học viết chữ Hán đơn giản	Bài 6. Em hãy tập viết các chữ Hán dưới đây. – GV hướng dẫn học sinh viết các chữ Hán: 店、时、候、玩、中、饭. – GV viết mẫu trên bảng hoặc cho HS xem video thứ tự nét của các chữ Hán, yêu cầu mỗi chữ Hán viết 1 chữ vào vở tập viết. Trong quá trình viết vừa viết vừa đọc tên nét chữ đang viết (nếu được). GV đi kiểm tra và sửa chữ viết cho HS. – GV tổng hợp các lỗi sai thường gặp trong quá trình viết của HS.
7	Viết câu	Bài 7. Em hãy xem tranh và dùng từ ngữ cho sẵn để viết câu hoàn chỉnh. – HS quan sát hình và từ ngữ đã cho, hiểu ý nghĩa của các từ này, sau đó sẽ viết câu. – GV có thể gợi ý mẫu cho HS, hoặc đưa ra thêm nhiều hình cảnh liên quan đến từ. Ví dụ: Hình 1 chữ 图书馆, HS có thể viết câu: 中午她们去图书馆。 – Đáp án (lược).
8	Luyện nói	Bài 8. Em hãy dùng các từ gợi ý dưới đây để nói về hoạt động một ngày của mình. – GV cho HS đọc nội dung, hiểu nghĩa của các từ gợi ý, sau đó GV có thể gợi ý một số câu cho HS chọn. HS luyện nói, luyện viết vào vở (tuỳ theo năng lực cá nhân HS có thể viết phiên âm hoặc chữ Hán) hoàn thiện xong bài giới thiệu về bản thân bằng chữ Hán hoặc phiên âm, sau đó đọc to cho các bạn cùng nghe.
	Giới thiệu về văn hoá Trung Quốc	– Bộ thủ trong chữ Hán. – GV có thể tìm các video tư liệu về tên các bộ thủ trên internet.

4.3. Củng cố bài học

STT	Nội dung	Hình thức
1	Củng cố bài học	– GV tổng hợp các cách giao tiếp trong chủ điểm 1. – GV tổng hợp đóng khung các cấu trúc, HS ghi nhớ.
2	Gợi ý cho học sinh	– Khuyến khích HS ngoài giờ, về nhà luyện tập các cấu trúc đã học. – Tập viết các chữ Hán đã học. – Luyện lại các bài hát đã học.

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1. Kết hợp giảng luyện các kĩ năng

Nghe và chọn phiên âm, kết hợp luyện đọc để củng cố nội dung kiến thức ngữ âm của chủ điểm 1. Kĩ năng nghe, nói được kết hợp trong bài chơi trò chơi, rèn luyện phản xạ cho HS.

5.2. Kết hợp nội dung trong SGK với thực tế giao tiếp

HS nói thực hành giao tiếp thực tế ngay với những nội dung kiến thức của chủ điểm.

5.3. Kết hợp học tập với giải trí

– Chơi trò chơi để luyện tập các cấu trúc, cách nói đã học trong chủ điểm.

– Có các hình thức thi đua, trao thưởng để khích lệ HS hăng hái tham gia.

5.4. Kết hợp luyện tập cá nhân với giao lưu nhóm

Với mỗi nội dung đều nên luyện tập cá nhân để GV kịp thời khen ngợi hoặc sửa lỗi cho từng HS. Đồng thời tạo các bài tập nhóm để HS quen với việc hợp tác làm việc chung, hỗ trợ và nhận xét cho nhau, tạo sự thi đua giữa các nhóm. Lưu ý không lập nhóm cố định.

5.5. Kết hợp học tập trên lớp với tự học ở nhà

– Giao các bài tập viết chữ và bài tập sáng tạo (như học hát, vẽ hoặc tô màu chữ Hán trên phiếu GV in cho) để HS có thể dùng thời gian ở nhà để hoàn thành.

– Các bài tập về nhà mang tính giải trí, không tạo áp lực cho HS.

第五课：前边是图书馆

1. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau khi học xong bài 5, HS có thể (1) Biết cách nói về phương hướng; (2) Biết giới thiệu về ngôi trường của mình.

2. TRỌNG TÂM DẠY HỌC

2.1. Kiến thức ngôn ngữ:

– Nghe hiểu và đọc đúng một số các từ mới, câu mẫu.

– Từ vựng: 前边，左边，右边，教学楼，教室，学校
花园，在，后边，运动场，运动

– Cấu trúc: cách biểu đạt phương hướng 前边是.../ …在右边

2.2. Kĩ năng ngôn ngữ:

– Nghe – Nói: Nghe hiểu và trả lời được các câu nói về phương hướng và giới thiệu về ngôi trường của mình.

– Đọc: Đọc được các từ, cụm từ, câu trong bài.

– Viết: Viết được các chữ Hán đơn giản: 花、 前、 教、 室、 边、 后

2.3. Văn hoá và văn hoá giao tiếp:

Sau bài học, biết cách sử dụng tiếng Trung Quốc để biểu đạt phương hướng và giới thiệu về ngôi trường của mình.

3. ĐỒ DÙNG VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC

– Phần mềm dạy viết chữ.

– Phấn, bảng, PPT, máy chiếu.

– Học sinh dùng vở ô li, bút chì, bút máy.

4. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP (KÈM THỜI LƯỢNG, NỘI DUNG BÀI GIẢNG VÀ GỢI Ý CÁC HÌNH THỨC GIẢNG LUYỆN)

Tiến trình lên lớp bao gồm các nội dung: Khởi động, Giảng bài mới và Củng cố bài đã học, trong đó nội dung Khởi động và Củng cố bài đã học do giáo viên chủ động thực hiện một cách linh hoạt tuỳ tình hình thực tế của lớp, nội dung và hình thức tổ chức dưới đây chỉ mang tính gợi ý.

4.1. Khởi động

STT	Nội dung	Hình thức
1	Khởi động	GV chuẩn bị một số thẻ từ về từ vựng và mẫu câu của bài 5 Gợi ý: Các tổ sẽ lần lượt cử đại diện lên đọc từ và đặt câu theo mẫu. Mỗi tổ trình bày xong, GV sẽ tính điểm.

4.2. Giảng bài mới

Tiết	Nội dung	Hình thức
1	Dạy – học từ ngữ mới (phần 1)	– GV cho HS quan sát toàn bộ từ mới phần trang 51; nghe đọc tổng hợp tất cả các từ: 前边，左边，右边，教学楼，教室，学校 – GV cho học sinh nghe và tìm hiểu nghĩa, cách phát âm của các từ theo nhóm và cá nhân. Nếu trình chiếu PPT, GV có thể tạo mỗi trang là 1 từ mới, hình thức nghe, quan sát tranh và nhắc từ. – Chơi trò chơi ghép hình với các từ đã học phía trên để củng cố kiến thức đã học (có thể chia đội, hoặc chơi cá nhân).
2	Dạy – học cấu trúc (phần 1)	– GV giới thiệu về cách biểu đạt phương hướng 前边是…… – GV chuẩn bị các thẻ từ liên quan đến từ ngữ đã học ở bài này hoặc những bài trước, sau đó mời các em HS luyện nói. – GV cho HS luyện tập với bài tập sắp xếp ô chữ. – Đáp án: 1. 左边是教学楼。 2. 教学楼的前边是图书馆。 3. 右边是陈南的家。 – GV nhấn mạnh sau 前边是 là các danh từ chỉ nơi chốn.
3	Đọc hội thoại và luyện tập giao tiếp (phần 1)	– GV cho HS nghe phần *Em hãy nghe và nhắc lại*, sau đó sẽ gọi 1 – 2 bạn nhắc lại. – Ở 2 đoạn hội thoại ngắn: + GV cho HS nghe 2 lần, nhắc lại nội dung trong file nghe (đồng thanh, hoặc cá nhân). + GV đọc mẫu và chia nhóm (4 – 5 HS/ nhóm) luyện đọc. GV đi từng nhóm kiểm tra ngữ âm, ngữ điệu và điều chỉnh từng nhóm. + GV cho 1 – 3 nhóm đọc to và cho các bạn nhận xét cho nhau, GV kết luận. – Sau mỗi đoạn hội thoại, GV chia nhóm đóng vai nhân vật trong hội thoại, gọi 1 – 2 nhóm lên nói trước lớp.

Tiết	Nội dung	Hình thức
4	Dạy – học từ ngữ mới (phần 2)	– GV cho HS quan sát toàn bộ từ mới trang 55; nghe đọc tổng hợp tất cả các từ: 花园， 在， 后边，运动场，运动 – GV cho HS nghe và tìm hiểu nghĩa, cách phát âm của các từ theo đơn vị lớp, nhóm và cá nhân. Nếu trình chiếu PPT, GV có thể tạo mỗi trang là 1 từ mới, hình thức nghe, quan sát tranh và nhắc từ. – Chơi trò chơi ghép hình với các từ đã học phía trên để củng cố kiến thức đã học (có thể chia đội, hoặc chơi cá nhân).
	Dạy – học cấu trúc (phần 2)	– GV giới thiệu về cách nói "教学楼在右边。". GV hướng dẫn cách biểu đạt phương hướng. – GV nhấn mạnh sau 教学楼在... là các từ chỉ phương hướng. – GV cầm và giơ lên một số hành động và hỏi HS với cấu trúc 教学楼在... – HS chia nhóm và hỏi lẫn nhau về khả năng làm việc gì đó. – GV cho HS luyện tập với bài tập sắp xếp ô chữ. Đáp án: 1. 图书馆在学校的左边。 2. 教学楼在他们的前边。 3. 书包在你的右边。
5	Đọc hội thoại và luyện tập giao tiếp (phần 2)	– GV cho HS nghe phần *Em hãy nghe và nhắc lại*, sau đó sẽ gọi 1 – 2 bạn nhắc lại. – Ở 2 đoạn hội thoại ngắn: + GV cho HS nghe file 2 lần, nhắc lại nội dung trong file (đồng thanh, hoặc cá nhân). + GV đọc mẫu và chia nhóm luyện đọc. GV đi từng nhóm kiểm tra ngữ âm, ngữ điệu và điều chỉnh từng nhóm. + GV cho 1 – 3 nhóm đọc to và cho các bạn nhận xét cho nhau, GV kết luận. – Sau mỗi đoạn hội thoại, GV chia nhóm đóng vai nhân vật trong hội thoại, gọi 1 – 2 nhóm lên nói trước lớp.
6	Dạy – học nét, quy tắc viết	– GV giới thiệu chữ Hán được cấu tạo bởi các nét chữ, các bộ chữ. – GV viết mẫu các nét, HS viết theo vào vở. – GV viết mẫu thứ tự các nét chữ, HS viết theo vào vở. – GV hỏi tên một số nét xuất hiện trong chữ Hán đã học phía trước để củng cố bài học.

Tiết	Nội dung	Hình thức
7	Dạy – học viết chữ Hán đơn giản	– GV hướng dẫn học sinh viết các chữ Hán: 花、 前、 教、 室、 边、 后. – GV viết mẫu trên bảng hoặc cho HS xem video thứ tự nét của từng chữ Hán, yêu cầu mỗi chữ Hán viết 1 chữ vào vở tập viết. Trong quá trình viết vừa viết vừa đọc tên nét chữ đang viết (nếu được). GV đi kiểm tra và sửa chữ viết cho HS. – GV tổng hợp các lỗi sai thường gặp trong quá trình viết của HS. – GV hướng dẫn HS làm bài tập số 2.
8	Luyện tập tổng hợp và củng cố bài học.	Bài 1. Em hãy xem tranh và trả lời câu hỏi. – GV chia cặp (2 HS là một nhóm) HS quan sát các bức tranh, sau đó đọc câu trong mỗi bức tranh, một em hỏi một em trả lời. Bài 2. Em hãy nghe và chọn đáp án đúng. – GV cho HS xem trước toàn bộ nội dung, sau đó mở file nghe cho HS. Mỗi câu đều có 3 đáp án A, B, C. GV có thể cho HS đọc trước nội dung nghe 5 đến 10 phút, sau đó mở máy cho học sinh nghe 3 lần và yêu cầu HS chọn đáp án. Nếu HS chọn sai, GV sẽ giải thích nghĩa cho HS hiểu. (nếu có nội dung ghi âm) – GV tự đọc một trong những đáp án nếu không có nội dung ghi âm. Bài 3. Em hãy dùng "是, 在" để nói về vị trí của em với các bạn theo mẫu. – GV có thể cho HS mô phỏng theo mẫu câu trong sách, gợi ý từ chỉ phương hướng cho học sinh (bên trái, bên phải, phía trước…) Bài 4. Em hãy vẽ sơ đồ trường học theo những thông tin gợi ý dưới đây. – Hình thức 1: GV chia HS ra các nhóm, mỗi nhóm từ 3 – 4 học sinh, phát cho mỗi nhóm 1 tờ giấy A4, HS sẽ dựa vào nội dung các câu và vẽ sơ đồ. – Hình thức 2: GV chia HS ra các nhóm, mỗi nhóm từ 3 – 4 học sinh, phát cho mỗi nhóm 1 tờ giấy A4 hoặc A3, các hình ảnh về thư viện, nhà ăn, khu lớp học, sân vận động, HS sẽ dựa vào nội dung các câu chơi trò chơi dán tranh lên giấy. – Nhóm nào thực hiện nhanh và đúng sớm nhất là nhóm chiến thắng.

4.3. Củng cố bài học

STT	Nội dung	Hình thức
1	Củng cố bài học	– GV hỏi lại các chữ, các từ đã học và đã tập viết. – HS nói lại các cấu trúc đã luyện tập. – GV nhắc lại cách nói về phương hướng và giới thiệu về ngôi trường của mình.
2	Gợi ý cho học sinh	– Khuyến khích HS ngoài giờ có thể hỏi bạn bè, người thân... về sở thích. – Tự nghe lại file nghe từ mới và bài đã học. – Tập viết các chữ Hán đã học.

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1. Kết hợp giảng luyện kĩ năng với kiến thức ngôn ngữ

Cách nói 前边是... và 教学楼在... có trật tự từ gần gũi với cách nói của tiếng Việt, chỉ cần giải thích đơn giản, yêu cầu HS mô phỏng theo các cách nói đó.

5.2. Kết hợp nội dung trong SGK với thực tế giao tiếp

Sau khi đọc các câu hoặc hội thoại trong bài, cho HS nói tương tự như vậy ngay theo thực tế. Không yêu cầu HS thuộc câu trong bài, chỉ cần biết dùng mẫu câu để nói theo thực tế.

5.3. Kết hợp học tập với giải trí

Khi kiểm tra bài cũ, GV tạo các trò chơi tạo hứng thú cho giờ học.

5.4. Kết hợp luyện tập cá nhân với giao lưu nhóm

Với mỗi nội dung đều nên luyện tập cá nhân để GV kịp thời khen ngợi hoặc sửa lỗi cho từng HS. Đồng thời tạo các bài tập nhóm để HS quen với việc hợp tác làm việc chung, hỗ trợ và nhận xét cho nhau, tạo sự thi đua giữa các nhóm. Lưu ý không lập nhóm cố định.

5.5. Kết hợp học tập trên lớp với tự học ở nhà

– Giao các bài tập viết chữ và bài tập sáng tạo (như học hát, vẽ hoặc tô màu chữ Hán trên phiếu GV in cho) để HS có thể dùng thời gian ở nhà để hoàn thành.

– Bài tập về nhà mang tính giải trí, không tạo áp lực cho HS.

第六课：你们班有多少个学生

1. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau khi học xong bài 6, HS có thể (1) Biết cách giới thiệu về lớp của mình; (2) Biết cách hỏi và trả lời về số lượng.

2. TRỌNG TÂM DẠY HỌC

2.1. Kiến thức ngôn ngữ:

– Nghe hiểu và đọc đúng một số các từ mới, câu mẫu.

– Từ vựng: 多少，位，对不起，男同学，女同学
还，聪明，可爱，博物馆， 电影院，电影

– Cấu trúc: 多少/还

2.2. Kĩ năng ngôn ngữ:

– Nghe – Nói: Nghe hiểu và trả lời được các câu nói về số lượng bao nhiêu, giới thiệu lớp mình với người khác.

– Đọc: Đọc được các từ, cụm từ, câu trong bài.

– Viết: Viết được các chữ Hán đơn giản: 位、还、可、爱、对、起

2.3. Văn hoá và văn hoá giao tiếp:

Sau bài học, biết cách sử dụng tiếng Trung Quốc để giới thiệu về lớp của mình và trả lời về số lượng.

3. ĐỒ DÙNG VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC

– Phần mềm dạy viết chữ.

– Phấn, bảng, PPT, máy chiếu.

– Học sinh dùng vở ô li, bút chì, bút máy.

4. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP (KÈM THỜI LƯỢNG, NỘI DUNG BÀI GIẢNG VÀ GỢI Ý CÁC HÌNH THỨC GIẢNG LUYỆN)

Tiến trình lên lớp bao gồm các nội dung: Khởi động, Giảng bài mới và Củng cố bài đã học, trong đó nội dung Khởi động và Củng cố bài đã học do giáo viên chủ động thực hiện một cách linh hoạt tuỳ tình hình thực tế của lớp, nội dung và hình thức tổ chức dưới đây chỉ mang tính gợi ý.

4.1. Khởi động

STT	Nội dung	Hình thức
1	Khởi động	GV chuẩn bị một số thẻ từ về từ vựng và mẫu câu của bài 6 Gợi ý: Các tổ sẽ lần lượt cử đại diện tổ lên đọc từ và đặt câu theo mẫu. Mỗi tổ trình bày xong, GV sẽ tính điểm.

4.2. Giảng bài mới

Tiết	Nội dung	Hình thức
1	Dạy – học từ ngữ mới (phần 1)	– GV cho HS quan sát toàn bộ từ mới trang 62; nghe đọc tổng hợp tất cả các từ: 多少，位，对不起，男同学，女同学 – GV cho học sinh nghe và tìm hiểu nghĩa, cách phát âm của các từ theo nhóm và cá nhân. Nếu trình chiếu PPT, GV có thể tạo mỗi trang là 1 từ mới, hình thức nghe, quan sát tranh và nhắc từ. – Chơi trò chơi ghép hình với các từ đã học phía trên để củng cố kiến thức đã học (có thể chia đội, hoặc chơi cá nhân).
2	Dạy – học cấu trúc (phần 1)	– GV giới thiệu về cách hỏi số lượng 你们班有多少个学生? – GV chuẩn bị các thẻ từ liên quan đến từ ngữ đã học ở bài này hoặc những bài trước, sau đó mời các em HS luyện nói. – GV cho HS luyện tập với bài tập sắp xếp ô chữ. – Đáp án: 1. 宝玉有多少本中文书? 2. 他们买多少个面包? 3. 妈妈有多少件衣服? – GV nhấn mạnh sau 多少 là cấu trúc lượng từ + danh từ.
3	Đọc hội thoại và luyện tập giao tiếp (phần 1)	– GV cho HS nghe phần *Em hãy nghe và nhắc lại*, sau đó sẽ gọi 1 – 2 bạn nhắc lại. – Ở 2 đoạn hội thoại ngắn: + GV cho HS nghe 2 lần, nhắc lại nội dung trong file nghe (đồng thanh, hoặc cá nhân). + GV đọc mẫu và chia nhóm (4 – 5 HS/ nhóm) luyện đọc. GV đi từng nhóm kiểm tra ngữ âm, ngữ điệu và điều chỉnh từng nhóm.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Tiết	Nội dung	Hình thức
		+ GV cho 1 – 3 nhóm đọc to và cho các bạn nhận xét cho nhau, GV kết luận. – Sau mỗi đoạn hội thoại, GV chia nhóm đóng vai nhân vật trong hội thoại, gọi 1 – 2 nhóm lên nói trước lớp.
4	Dạy – học từ ngữ mới (phần 2)	– GV cho HS quan sát toàn bộ từ mới trang 66; nghe đọc tổng hợp tất cả các từ: 还，聪明，可爱，博物馆，电影，电影院 – GV cho HS nghe và tìm hiểu nghĩa, cách phát âm của các từ theo đơn vị lớp, nhóm và cá nhân. Nếu trình chiếu PPT, GV có thể tạo mỗi trang là 1 từ mới, hình thức nghe, quan sát tranh và nhắc từ. – Chơi trò chơi ghép hình với các từ đã học phía trên để củng cố kiến thức đã học (có thể chia đội, hoặc chơi cá nhân).
	Dạy – học cấu trúc (phần 2)	– GV giới thiệu về cách diễn đạt "我们还去看电影". GV hướng dẫn cách biểu đạt "还+ động từ". – HS chia nhóm và hỏi lẫn nhau về khả năng làm việc gì đó. – GV cho HS luyện tập với bài tập sắp xếp ô chữ. – Đáp án: 1. 他还喝一杯果汁。 2. 学校还有一个花园。 3. 我明天还去书店。
5	Đọc hội thoại và luyện tập giao tiếp (phần 2)	– GV cho HS nghe phần *Em hãy nghe và nhắc lại*, sau đó sẽ gọi 1 – 2 bạn nhắc lại. – Ở 2 đoạn hội thoại ngắn: + GV cho HS nghe file 2 lần, nhắc lại nội dung trong file (đồng thanh, hoặc cá nhân). + GV đọc mẫu và chia nhóm luyện đọc. GV đi từng nhóm kiểm tra ngữ âm, ngữ điệu và điều chỉnh từng nhóm. + GV cho 1 – 3 nhóm đọc to và cho các bạn nhận xét cho nhau, GV kết luận. – Sau mỗi đoạn hội thoại, GV chia nhóm đóng vai nhân vật trong hội thoại, gọi 1 – 2 nhóm lên nói trước lớp.
6	Dạy – học nét, quy tắc viết	– GV giới thiệu chữ Hán được cấu tạo bởi các nét chữ, các bộ chữ. – GV viết mẫu các nét, HS viết theo vào vở.

Tiết	Nội dung	Hình thức
		– GV viết mẫu thứ tự các nét chữ, HS viết theo vào vở. – GV hỏi tên một số nét xuất hiện trong chữ Hán đã học phía trước để củng cố bài học.
7	Dạy – học viết chữ Hán đơn giản	– GV hướng dẫn học sinh viết các chữ Hán: 位、还、可、爱、对、起. – GV viết mẫu trên bảng hoặc cho HS xem video thứ tự nét của từng chữ Hán, yêu cầu mỗi chữ Hán viết 1 chữ vào vở tập viết. Trong quá trình viết vừa viết vừa đọc tên nét chữ đang viết (nếu được). GV kiểm tra và sửa chữ viết cho HS. – GV tổng hợp các lỗi sai thường gặp trong quá trình viết của HS. – GV hướng dẫn HS làm bài tập số 2, đáp án (lược).
8	Luyện tập tổng hợp và củng cố bài học.	Bài 1. Em hãy xem tranh và trả lời câu hỏi. – GV chia cặp (2 HS là một nhóm) HS quan sát các bức tranh, sau đó đọc câu trong mỗi bức tranh, một em hỏi một em trả lời. Bài 2. Em hãy nghe và chọn đáp án đúng. – GV cho HS quan sát toàn bộ nội dung, sau đó mở file nghe cho HS. Mỗi câu đều có 3 đáp án A, B, C. GV có thể cho học sinh đọc trước nội dung nghe 5 đến 10 phút, sau đó mở máy cho học sinh nghe 3 lần, yêu cầu HS chọn đáp án. Nếu HS chọn sai, GV sẽ giải thích nghĩa cho HS hiểu. Bài 3. Em hãy hoàn thành các câu dưới đây. – Trong mỗi câu đều có một đến ba ngôi sao, HS đọc và thay thế vào vị trí ngôi sao bằng từ ngữ tương ứng, có thể viết phiên âm hoặc chữ Hán. HS viết đáp án vào vở bài tập không viết vào sách. Bài 4. Em hãy phỏng vấn các bạn theo nhưng câu hỏi dưới đây. – GV có thể chia HS thành các nhóm, luân phiên đóng vai phóng viên, hỏi và trả lời theo các mẫu câu cho sẵn.

4.3. Củng cố bài học

STT	Nội dung	Hình thức
1	Củng cố bài học	– GV hỏi lại các chữ, các từ đã học và đã tập viết. – HS nói lại các cấu trúc đã luyện tập. – GV nhắc lại cách hỏi về số lượng và giới thiệu về lớp của mình.

STT	Nội dung	Hình thức
2	Gợi ý cho học sinh	– Khuyến khích HS ngoài giờ có thể hỏi bạn bè, người thân... về sở thích. – Tự nghe lại file nghe từ mới và bài đã học. – Tập viết các chữ Hán đã học.

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1. Kết hợp giảng luyện kĩ năng với kiến thức ngôn ngữ

Luyện tập cách nói 多少...và 还...., yêu cầu HS mô phỏng theo các cách nói đó.

5.2. Kết hợp nội dung trong SGK với thực tế giao tiếp

Sau khi đọc các câu hoặc hội thoại trong bài, cho HS nói tương tự như vậy ngay theo thực tế. Không yêu cầu HS thuộc câu trong bài, chỉ cần biết dùng mẫu câu để nói theo thực tế.

5.3. Kết hợp học tập với giải trí

Khi kiểm tra bài cũ, GV tạo các trò chơi tạo hứng thú cho giờ học.

5.4. Kết hợp luyện tập cá nhân với giao lưu nhóm

Với mỗi nội dung đều nên luyện tập cá nhân để GV kịp thời khen ngợi hoặc sửa lỗi cho từng HS. Đồng thời tạo các bài tập nhóm để HS quen với việc hợp tác làm việc chung, hỗ trợ và nhận xét cho nhau, tạo sự thi đua giữa các nhóm. Lưu ý không lập nhóm cố định.

5.5. Kết hợp học tập trên lớp với tự học ở nhà

– Giao các bài tập viết chữ và bài tập sáng tạo (như học hát, vẽ hoặc tô màu chữ Hán trên phiếu GV in cho) để HS có thể dùng thời gian ở nhà để hoàn thành.

– Các bài tập về nhà mang tính giải trí, không tạo áp lực cho HS.

第七课：你喜欢美术课吗

1. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau khi học xong bài 7, HS có thể (1) Biết giới thiệu các môn học trong trường; (2) Biết cách nói về cảm nhận của mình; (3) Biết cách nói số thứ tự, giờ, phút, giây.

2. TRỌNG TÂM DẠY HỌC

2.1. Kiến thức ngôn ngữ:

– Nghe hiểu và đọc đúng một số các từ mới, câu mẫu.

– Từ vựng: 觉得，美术，课，怎么样，有意思，学习，门，数学
节，第，小时，分钟，秒

– Cấu trúc: 怎么样？ / 第…

2.2. Kĩ năng ngôn ngữ:

– Nghe – Nói: Nghe hiểu và trả lời được các câu nói về số lượng bao nhiêu, giới thiệu lớp mình với người khác.

– Đọc: Đọc được các từ, cụm từ, câu trong bài.

– Viết: Viết được các chữ Hán đơn giản: 时、美、术、节、第、课

2.3. Văn hoá và văn hoá giao tiếp:

Sau bài học, biết cách sử dụng tiếng Trung Quốc để giới thiệu các môn học trong trường; Biết cách nói số thứ tự, giờ, phút, giây.

3. ĐỒ DÙNG VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC

– Phần mềm dạy viết chữ.

– Phấn, bảng, PPT, máy chiếu.

– Học sinh dùng vở ô li, bút chì, bút máy.

4. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP (KÈM THỜI LƯỢNG, NỘI DUNG BÀI GIẢNG VÀ GỢI Ý CÁC HÌNH THỨC GIẢNG LUYỆN)

Tiến trình lên lớp bao gồm các nội dung: Khởi động, Giảng bài mới và Củng cố bài đã học, trong đó nội dung Khởi động và Củng cố bài đã học do giáo viên chủ động thực hiện một cách linh hoạt tuỳ tình hình thực tế của lớp, nội dung và hình thức tổ chức dưới đây chỉ mang tính gợi ý.

4.1. Khởi động

STT	Nội dung	Hình thức
1	Khởi động	GV chuẩn bị một số thẻ từ và mẫu câu của bài 6. Gợi ý: Các tổ sẽ lần lượt cử đại diện lên đọc từ và đặt câu theo mẫu. Mỗi tổ trình bày xong, GV sẽ tính điểm.

4.2. Giảng bài mới

Tiết	Nội dung	Hình thức
1	Dạy – học từ ngữ mới (phần 1)	– GV cho HS quan sát toàn bộ từ mới trang 73; nghe đọc tổng hợp tất cả các từ: 觉得，美术，课，怎么样，有意思，学习，门，数学. – GV cho học sinh nghe và tìm hiểu nghĩa, cách phát âm của các từ theo nhóm và cá nhân. Nếu trình chiếu PPT, GV có thể tạo mỗi trang là 1 từ mới, hình thức nghe, quan sát tranh và nhắc từ. – Chơi trò chơi ghép hình với các từ đã học phía trên để củng cố kiến thức đã học (có thể chia đội, hoặc chơi cá nhân).
2	Dạy – học cấu trúc (phần 1)	– GV giới thiệu cách hỏi về cảm nhận 你觉得美术课怎么样? – GV chuẩn bị các thẻ từ liên quan đến từ ngữ đã học ở bài này hoặc những bài trước, sau đó mời các em HS luyện nói. – GV cho HS luyện tập với bài tập sắp xếp ô chữ. – Đáp án: 1. 他弟弟很聪明。 2. 我觉得中文课很有意思。 3. 妈妈的这件衣服怎么样? – GV nhấn mạnh sau 怎么样 không có từ ngữ nào khác.
3	Đọc hội thoại và luyện tập giao tiếp (phần 1)	– GV cho HS nghe phần *Em hãy nghe và nhắc lại*, sau đó sẽ gọi 1 – 2 bạn nhắc lại. – Ở 2 đoạn hội thoại ngắn: + GV cho HS nghe 2 lần, nhắc lại nội dung trong file nghe (đồng thanh, hoặc cá nhân). + GV đọc mẫu và chia nhóm (4 – 5 HS/ nhóm) luyện đọc. GV đi từng nhóm kiểm tra ngữ âm, ngữ điệu và điều chỉnh từng nhóm. + GV cho 1 – 3 nhóm đọc to và cho các bạn nhận xét cho nhau, GV kết luận. – Sau mỗi đoạn hội thoại, GV chia nhóm đóng vai nhân vật trong hội thoại, gọi 1 – 2 nhóm lên nói trước lớp.

Tiết	Nội dung	Hình thức
4	Dạy – học từ ngữ mới (phần 2)	– GV cho HS quan sát toàn bộ từ mới trang 77; nghe đọc tổng hợp tất cả các từ: 节，第，小时，分钟，秒. – GV cho HS nghe và tìm hiểu nghĩa, cách phát âm của các từ theo đơn vị lớp, nhóm và cá nhân. Nếu trình chiếu PPT, GV có thể tạo mỗi trang là 1 từ mới, hình thức nghe, quan sát tranh và nhắc từ. – Chơi trò chơi ghép hình với các từ đã học phía trên để củng cố kiến thức đã học (có thể chia đội, hoặc chơi cá nhân).
	Dạy – học cấu trúc (phần 2)	– GV giới thiệu về cách "第一". GV hướng dẫn cách biểu đạt "第 + số từ" "第 + số từ + lượng từ + danh từ". – HS chia nhóm và hỏi lẫn nhau về khả năng làm việc gì đó. – GV cho HS luyện tập với bài tập sắp xếp ô chữ. – Đáp án: 1. 我买第二本中文书。 2. 第二节是中文课。 3. 第三个汉字是什么字?
5	Đọc hội thoại và luyện tập giao tiếp (phần 2)	– GV cho HS nghe phần *Em hãy nghe và nhắc lại*, sau đó sẽ gọi 1 – 2 bạn nhắc lại. – Ở 2 đoạn hội thoại ngắn: + GV cho HS nghe file 2 lần, nhắc lại nội dung trong file (đồng thanh, hoặc cá nhân). + GV đọc mẫu và chia nhóm luyện đọc. GV đi từng nhóm kiểm tra ngữ âm, ngữ điệu và điều chỉnh từng nhóm. + GV cho 1 – 3 nhóm đọc to và cho các bạn nhận xét cho nhau, GV kết luận. – Sau mỗi đoạn hội thoại, GV chia nhóm đóng vai nhân vật trong hội thoại, gọi 1 – 2 nhóm lên nói trước lớp.
6	Dạy – học nét, quy tắc viết	– GV giới thiệu chữ Hán được cấu tạo bởi các nét chữ, các bộ chữ. – GV viết mẫu các nét, HS viết theo vào vở. – GV viết mẫu thứ tự các nét chữ, HS viết theo vào vở. – GV hỏi tên một số nét xuất hiện trong chữ Hán đã học phía trước để củng cố bài học.

Tiết	Nội dung	Hình thức
7	Dạy – học viết chữ Hán đơn giản	– GV hướng dẫn học sinh viết các chữ Hán: 时、美、术、节、第、课. – GV viết mẫu trên bảng hoặc cho HS xem video thứ tự nét của từng chữ Hán, yêu cầu mỗi chữ Hán viết 1 chữ vào vở tập viết. Trong quá trình viết vừa viết vừa đọc tên nét chữ đang viết (nếu được). GV đi kiểm tra và sửa chữ viết cho HS. – GV tổng hợp các lỗi sai thường gặp trong quá trình viết của HS. – GV hướng dẫn HS làm bài tập số 2, đáp án (lược).
8	Luyện tập tổng hợp và củng cố bài học.	Bài 1. Em hãy xem tranh và trả lời câu hỏi. – GV chia cặp (2 HS là một nhóm) HS quan sát các bức tranh, sau đó đọc câu trong mỗi bức tranh, một em hỏi một em trả lời. Bài 2. Em hãy nghe và chọn đáp án đúng. – GV cho HS quan sát toàn bộ nội dung, sau đó mở file nghe cho HS. Mỗi câu đều có 3 đáp án A, B, C. GV có thể cho học sinh đọc trước nội dung nghe 5 đến 10 phút, sau đó mở máy cho học sinh nghe 3 lần, yêu cầu HS chọn đáp án. Nếu HS chọn sai, GV sẽ giải thích nghĩa cho HS hiểu. Bài 3. Em hãy hoàn thành thời khoá biểu dưới đây. Đây là thời khoá biểu của một buổi học, học sinh sẽ suy nghĩ, kết hợp với những từ ngữ đã học để hoàn thành thời khoá biểu này. Bài 4. Dựa vào bảng bên dưới, em hãy thử tìm hiểu xem các bạn trong lớp thích những môn học nào nhất. – GV phát cho mỗi HS một bảng có in sẵn các môn học, học sinh sẽ chọn và đọc to cho các bạn cùng lớp nghe. – GV cũng có thể yêu cầu HS tự vẽ khung theo mẫu trong sách, sau đó chọn và đọc to cho các bạn cùng lớp nghe.

4.3. Củng cố bài học

STT	Nội dung	Hình thức
1	Củng cố bài học	– GV hỏi lại các chữ, các từ đã học và đã tập viết. – HS nói lại các cấu trúc đã luyện tập. – GV nhắc lại cách hỏi về số lượng và giới thiệu về lớp của mình.
2	Gợi ý cho học sinh	– Khuyến khích HS ngoài giờ có thể hỏi bạn bè, người thân... về sở thích. – Tự nghe lại file nghe từ mới và bài đã học. – Tập viết các chữ Hán đã học.

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1. Kết hợp giảng luyện kĩ năng với kiến thức ngôn ngữ

Luyện tập cách nói ...怎么样? và 第 + số từ + lượng từ, yêu cầu HS mô phỏng theo các cách nói đó.

5.2. Kết hợp nội dung trong SGK với thực tế giao tiếp

Sau khi đọc các câu hoặc hội thoại trong bài, cho HS nói tương tự như vậy ngay theo thực tế. Không yêu cầu HS thuộc câu trong bài, chỉ cần biết dùng mẫu câu để nói theo thực tế.

5.3. Kết hợp học tập với giải trí

Khi kiểm tra bài cũ, GV tạo các trò chơi tạo hứng thú cho giờ học.

5.4. Kết hợp luyện tập cá nhân với giao lưu nhóm

Với mỗi nội dung đều nên luyện tập cá nhân để GV kịp thời khen ngợi hoặc sửa lỗi cho từng HS. Đồng thời tạo các bài tập nhóm để HS quen với việc hợp tác làm việc chung, hỗ trợ và nhận xét cho nhau, tạo sự thi đua giữa các nhóm. Lưu ý không lập nhóm cố định.

5.5. Kết hợp học tập trên lớp với tự học ở nhà

– Giao các bài tập viết chữ và bài tập sáng tạo (như học hát, vẽ hoặc tô màu chữ Hán trên phiếu GV cung cấp) để HS có thể dùng thời gian ở nhà để hoàn thành.
– Các bài tập về nhà mang tính giải trí, không tạo áp lực cho HS.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

第八课：复习（2）

1. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau khi học xong bài 8, HS có thể: (1) Ghi nhớ nghĩa, cách dùng của các từ ngữ và các cấu trúc từ bài 5 đến bài 7; (2) Hiểu và nhớ được nội dung của các bài đối thoại, các mẫu câu.

2. TRỌNG TÂM DẠY HỌC

2.1. Kiến thức ngôn ngữ:

– Ngữ âm: Luyện phát âm từ, cụm từ, câu ngắn
– Từ vựng: Ôn tập lại các từ vựng trong chủ điểm.
– Cấu trúc: Ôn tập các cấu trúc 前边是什么？/ 教学楼在右边。/你们班有多少个学生？/ 我们还去电影院。/你觉得美术课怎么样？/ 第一节是英语课。

2.2. Kĩ năng ngôn ngữ:

– Nghe – Nói: Nghe hiểu các câu nói biểu thị phương hướng, số lượng, thời gian (giờ giấc). Cách đặt câu hỏi với từ "怎么样？". Biết giới thiệu với người khác về trường và lớp của mình.
– Đọc: Đọc được các từ, cụm từ, câu trong bài.
– Viết: Viết được các chữ Hán theo yêu cầu.

2.3. Văn hoá và văn hoá giao tiếp:

Sau bài học, biết sử dụng tiếng Trung Quốc nói về phương hướng, hỏi số lượng, hỏi thế nào, biết cách giới thiệu về trường và lớp của mình.

3. ĐỒ DÙNG VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC

– Phần mềm dạy viết chữ.
– Phấn, bảng, PPT, máy chiếu.
– Học sinh dùng vở ô li, bút chì, bút máy.

4. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP (KÈM THỜI LƯỢNG, NỘI DUNG BÀI GIẢNG VÀ GỢI Ý CÁC HÌNH THỨC GIẢNG LUYỆN)

Tiến trình lên lớp bao gồm các nội dung: Khởi động, Giảng bài mới và Củng cố bài đã học, trong đó nội dung Khởi động và Củng cố bài đã học do giáo viên chủ động thực hiện một cách linh hoạt tuỳ tình hình thực tế của lớp, nội dung và hình thức tổ chức dưới đây chỉ mang tính gợi ý.

4.1. Khởi động

STT	Nội dung	Hình thức
1	Khởi động	– Hát theo nhạc. – GV mở nhạc bài hát tiếng Trung, cả lớp hát theo nhạc.

4.2. Giảng bài mới

Tiết	Nội dung	Hình thức
1+2+3+4	Ôn tập ngữ âm	Bài 1. Em hãy nghe và chọn các âm nghe được. – GV chia nhóm HS (4 – 5 bạn/nhóm) nghe mỗi từ 2 – 3 lần và ghi đáp án ra bảng. – GV chữa bài, nhận xét những đáp án đúng, phân tích lỗi của những đáp án sai để HS cùng rút kinh nghiệm. GV tính điểm cho từng đội. – Đáp án (lược) – GV tự đọc cho học sinh nghe nếu không có nội dung ghi âm.
		Bài 2. Em hãy nghe và viết phiên âm cho các chữ Hán dưới đây. – GV vẫn chia nhóm HS (4 – 5 bạn/nhóm) như trước nghe mỗi từ 2 – 3 lần và ghi đáp án ra bảng. – GV mở lại file nghe chữa bài, nhận xét những đáp án đúng, phân tích lỗi của những đáp án sai để HS cùng rút kinh nghiệm. GV tính điểm cho từng nhóm. Đáp án: 1. yùndòngchǎng 2. jiàoshì 3. jiàoxuélóu 4. měishù 5. zhōngwǔ
		Bài 3. Em hãy nghe và viết phiên âm để hoàn thành hội thoại dưới đây. – GV chia nhóm HS (4 – 5 bạn/nhóm) nghe mỗi đoạn thoại 2 – 3 lần và ghi đáp án ra bảng. – GV mở lại file nghe chữa bài, nhận xét những đáp án đúng, phân tích lỗi của những đáp án sai để HS cùng rút kinh nghiệm. GV tính điểm cho từng nhóm.

Tiết	Nội dung	Hình thức
		Đáp án: 1. A: Zuǒbian shì túshūguǎn ma? B: Bú shì, túshūguǎn zài qiánbian. 2. A: Nǐmen huì shuō Zhōngwén ma? B: Tā huì shuō Zhōngwén, yě huì shuō Yīngyǔ. Tā hěn cōngming. 3. A: Xīngqītiān nǐ zuò shénme? B: Xīngqītiān wǒ qù kàn diànyǐng. 4. A: Zhè gè píngguǒ zěnmeyàng? B: Zhè gè píngguǒ bù hǎochī. 5. A: Dì yī jié shì měishù kè ma? B: Bú shì, dì yī jié shì shùxué kè.
5	Ôn tập chữ Hán	Bài 4. Em hãy xem tranh và viết chữ Hán tương ứng. – GV cho HS quan sát tranh và phiên âm. – GV có thể gợi ý cho HS bằng cách đưa ra một số chữ Hán cho HS nhận biết và viết lại. Đáp án: 1. 看 2. 教室 3. 对不起 4. 花 5. 公园
		Bài 5. Em hãy đếm số nét của các chữ Hán dưới đây. – GV chia nhóm, quy định thời gian xem nhóm nào có đáp án nhanh nhất. – GV có thể gợi ý cho HS bằng phương pháp chọn trắc nghiệm. Đáp án: 1.院-9 nét; 2.馆-11 nét; 3.运-7 nét; 4.候-10 nét; 5.校- 10 nét. – GV tổng hợp điểm các nhóm và khen thưởng. – GV yêu cầu HS các nhóm đặt các câu hỏi giao tiếp tương tự để các nhóm hỏi đáp.

Tiết	Nội dung	Hình thức
6	Dạy – học viết chữ Hán đơn giản	Bài 6. Em hãy tập viết các chữ Hán dưới đây. – GV viết mẫu trên bảng hoặc cho HS xem video thứ tự nét của các chữ Hán 食, 堂, 怎, 样, 觉, 得 yêu cầu mỗi chữ Hán viết 1 chữ vào vở tập viết. Trong quá trình viết vừa viết vừa đọc tên nét chữ đang viết (nếu được). GV đi kiểm tra và sửa chữ viết cho HS. – GV tổng hợp các lỗi sai thường gặp trong quá trình viết của HS.
7	Viết câu	Bài 7. Em hãy xem tranh và dùng từ ngữ cho sẵn viết câu hoàn chỉnh. – HS quan sát hình và từ ngữ đã cho, hiểu ý nghĩa của các từ này, sau đó sẽ viết câu. – GV có thể gợi ý mẫu cho HS, hoặc đưa ra thêm nhiều hình cảnh liên quan đến từ. – Ví dụ: Hình 1 chữ 图书馆, HS có thể viết câu: 她们去图书馆。
8	Luyện nói	Bài 8. Em hãy dùng các từ ngữ gợi ý dưới đây để giới thiệu về trường học của em. – GV cho HS đọc nội dung, hiểu nghĩa của các từ gợi ý, sau đo GV co thể gợi ý một số câu cho HS chọn. HS luyện nói, luyện viết vào vở (tuỳ theo năng lực cá nhân HS có thể viết phiên âm hoặc chữ Hán) hoàn thiện xong bài giới thiệu về bản thân bằng chữ Hán hoặc phiên âm và đọc to cho các bạn cùng nghe.
	Giới thiệu về văn hoá Trung Quốc	– Bộ thủ trong chữ Hán. – GV có thể tìm các video tư liệu về tên các bộ thủ trên internet.

4.3 Củng cố bài học

STT	Nội dung	Hình thức
1	Củng cố bài học	– GV tổng hợp các cách giao tiếp trong chủ điểm 2. – GV tổng hợp đóng khung các cấu trúc, HS ghi nhớ.

STT	Nội dung	Hình thức
2	Gợi ý cho học sinh	– Khuyến khích HS ngoài giờ, về nhà luyện tập các cấu trúc đã học. – Tập viết các chữ Hán đã học. – Luyện lại các bài hát đã học

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1. Kết hợp giảng luyện các kĩ năng

Nghe và chọn phiên âm, kết hợp luyện đọc để củng cố nội dung kiến thức ngữ âm của chủ điểm 2. Kĩ năng nghe, nói được kết hợp trong bài chơi trò chơi, rèn luyện phản xạ cho HS.

5.2. Kết hợp nội dung trong SGK với thực tế giao tiếp

HS nói thực hành giao tiếp thực tế ngay với những nội dung kiến thức của chủ điểm.

5.3. Kết hợp học tập với giải trí

– Chơi trò chơi để luyện tập các cấu trúc, cách nói đã học trong chủ điểm.

– Có các hình thức thi đua, trao thưởng để khích lệ HS hăng hái tham gia.

5.4. Kết hợp luyện tập cá nhân với giao lưu nhóm

Với mỗi nội dung đều nên luyện tập cá nhân để GV kịp thời khen ngợi hoặc sửa lỗi cho từng HS. Đồng thời tạo các bài tập nhóm để HS quen với việc hợp tác làm việc chung, hỗ trợ và nhận xét cho nhau, tạo sự thi đua giữa các nhóm. Lưu ý không lập nhóm cố định.

5.5. Kết hợp học tập trên lớp với tự học ở nhà

– Giao các bài tập viết chữ và bài tập sáng tạo (như học hát, vẽ hoặc tô màu chữ Hán trên phiếu GV in cho) để HS có thể dùng thời gian ở nhà để hoàn thành.

– Các bài tập về nhà mang tính giải trí, không tạo áp lực cho HS.

第九课: 你的房间在哪儿

1. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau khi học xong bài 9, HS có thể (1) Biết cách đưa ra lời mời một cách lịch sự; (2) Biết cách nói các câu chỉ dẫn đơn giản.

2. TRỌNG TÂM DẠY HỌC

2.1. Kiến thức ngôn ngữ:

– Nghe hiểu và đọc đúng một số các từ mới, câu mẫu.

– Từ vựng: 欢迎，请，进，坐，房间，这里/这儿
哪儿/哪里，那里/那儿，玩具，干净，请问

– Cấu trúc: cách đưa ra lời mời một cách lịch sự: 请……; cách nói các câu chỉ dẫn đơn giản: 在哪儿/哪里，在这里/这儿，在那里/那儿，在左边，在右边.

2.2. Kĩ năng ngôn ngữ:

– Nghe – Nói: Nghe hiểu và trả lời được các câu nói về lời mời, chỉ dẫn.

– Đọc: Đọc được các từ, cụm từ, câu trong bài.

– Viết: Viết được các chữ Hán đơn giản 请，房，间，这，那，里.

2.3. Văn hoá và văn hoá giao tiếp:

Sau bài học, biết cách sử dụng tiếng Trung Quốc để đưa ra lời mời, biểu đạt chỉ dẫn.

3. ĐỒ DÙNG VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC

– Phần mềm dạy viết chữ.

– Phấn, bảng, PPT, máy chiếu.

– Học sinh dùng vở ô li, bút chì, bút máy.

4. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP (KÈM THỜI LƯỢNG, NỘI DUNG BÀI GIẢNG VÀ GỢI Ý CÁC HÌNH THỨC GIẢNG LUYỆN)

Tiến trình lên lớp bao gồm các nội dung: Khởi động, Giảng bài mới và Củng cố bài đã học, trong đó nội dung Khởi động và Củng cố bài đã học do giáo viên chủ động thực hiện một cách linh hoạt tuỳ tình hình thực tế của lớp, nội dung và hình thức tổ chức dưới đây chỉ mang tính gợi ý.

4.1. Khởi động

STT	Nội dung	Hình thức
1	Khởi động	– GV ổn định tổ chức bằng một bài hát thiếu nhi. – GV chuẩn bị một bức ảnh căn phòng (trong phòng có bàn học, ghế, giường ngủ...), tổ chức hỏi và đề nghị học sinh trả lời: 这个房间漂亮吗？/ 房间里有什么？/ 你的房间怎么样？ ..... – Hoạt động diễn ra trong khoảng 5 phút. – GV giới thiệu tên bài học.

4.2. Giảng bài mới

Tiết	Nội dung	Hình thức
1	Dạy – học từ ngữ mới (phần 1)	– GV cho HS quan sát toàn bộ từ mới trang 10, nghe đọc tổng hợp tất cả các từ: 欢迎，请，进，坐，房间，这里/这儿. – GV cho HS nghe và tìm hiểu nghĩa, cách phát âm của các từ theo nhóm và cá nhân. Nếu trình chiếu PPT, GV có thể tạo mỗi trang là 1 từ mới, hình thức nghe, quan sát tranh và nhắc từ. – Chơi trò chơi ghép hình với các từ đã học phía trên để củng cố kiến thức đã học (có thể chia đội, hoặc chơi cá nhân).
2	Dạy – học cấu trúc (phần 1)	– GV giới thiệu về cách nói lời mời 请..... – GV chuẩn bị các thẻ từ liên quan đến từ ngữ đã học ở bài này hoặc những bài trước, sau đó mời các em HS luyện nói 请..... – GV cho HS luyện tập với bài tập sắp xếp ô chữ. – Đáp án: 1. 请看这本书。 2. 请她去公园玩儿。 3. 请爷爷、奶奶吃苹果。
3	Đọc hội thoại và luyện tập giao tiếp (phần 1)	– GV cho HS nghe phần *Em hãy nghe và nhắc lại*, sau đó sẽ gọi 1 – 2 bạn nhắc lại. – Ở 2 đoạn hội thoại ngắn: + GV cho HS nghe 2 lần, nhắc lại nội dung trong file nghe (đồng thanh, hoặc cá nhân). + GV đọc mẫu và chia nhóm (4 – 5 HS/ nhóm) luyện đọc. GV đi từng nhóm kiểm tra ngữ âm, ngữ điệu và điều chỉnh từng nhóm. + GV cho 1 – 3 nhóm đọc to và cho các bạn nhận xét cho nhau, GV kết luận. – Sau mỗi đoạn hội thoại, GV chia nhóm đóng vai nhân vật trong hội thoại, gọi 1 – 2 nhóm lên nói trước lớp.

Tiết	Nội dung	Hình thức
4	Dạy – học từ ngữ mới (phần 2)	– GV cho HS quan sát toàn bộ từ mới trang 14, nghe đọc tổng hợp tất cả các từ: 哪儿/ 哪里，那里/ 那儿，玩具，干净，请问. – GV cho HS nghe và tìm hiểu nghĩa, cách phát âm của các từ theo đơn vị lớp, nhóm và cá nhân. Nếu trình chiếu PPT, GV có thể tạo mỗi trang là 1 từ mới, hình thức nghe, quan sát tranh và nhắc từ. – Chơi trò chơi ghép hình với các từ đã học phía trên để củng cố kiến thức đã học (có thể chia đội, hoặc chơi cá nhân).
	Dạy – học cấu trúc (phần 2)	– GV giới thiệu về cách nói chỉ dẫn "在哪儿/哪里"，"在那里/那儿"..... GV hướng dẫn cách biểu đạt về chỉ dẫn. – GV nhấn mạnh sau 在 thường là các danh từ chỉ nơi chốn. – GV chỉ một số đồ vật/ người và hỏi HS với cấu trúc... 在哪儿/哪里? – HS chia nhóm và hỏi lẫn nhau về cách nói chỉ dẫn. – GV cho HS luyện tập với bài tập sắp xếp ô chữ. – Đáp án: 1. 你的房间在哪儿? 2. 她的书包在这里。 3. 请问，图书馆在哪儿?
5	Đọc hội thoại và luyện tập giao tiếp (phần 2)	– GV cho HS nghe phần *Em hãy nghe và nhắc lại*, sau đó sẽ gọi 1 – 2 bạn nhắc lại. – Ở 2 đoạn hội thoại ngắn: + GV cho HS nghe file 2 lần, nhắc lại nội dung trong file (đồng thanh, hoặc cá nhân). + GV đọc mẫu và chia nhóm luyện đọc. GV đi từng nhóm kiểm tra ngữ âm, ngữ điệu và điều chỉnh từng nhóm. + GV cho 1 – 3 nhóm đọc to và cho các bạn nhận xét cho nhau, GV kết luận. – Sau mỗi đoạn hội thoại, GV chia nhóm đóng vai nhân vật trong hội thoại, gọi 1 – 2 nhóm lên nói trước lớp.
6	Dạy – học nét, quy tắc viết	– GV viết mẫu thứ tự các nét chữ, HS viết theo vào vở. – GV hỏi tên một số nét xuất hiện trong chữ Hán đã học phía trước để củng cố bài học.

Tiết	Nội dung	Hình thức
7	Dạy – học viết chữ Hán	– GV viết mẫu trên bảng hoặc cho HS xem video thứ tự nét của từng chữ Hán, yêu cầu mỗi chữ Hán viết 1 chữ vào vở tập viết. Trong quá trình viết vừa viết vừa đọc tên nét chữ đang viết (nếu được). GV đi kiểm tra và sửa chữ viết cho HS. – GV tổng hợp các lỗi sai thường gặp trong quá trình viết của HS. – GV hướng dẫn HS làm bài tập số 2. – Đáp án: 1. zuò 2. huānyíng 3. gānjìng 4. 请 5. 房间 6. 那
8	Luyện tập tổng hợp và củng cố bài học.	Bài 1. Em hãy xem tranh và trả lời câu hỏi. – GV chia cặp (2 HS một nhóm) HS quan sát các bức tranh, sau đó đọc câu trong mỗi bức tranh, một em hỏi một em trả lời. Bài 2. Em hãy nghe và chọn đáp án đúng. – GV cho HS nghe file 2 lần, HS chọn ra đáp án đúng với nội dung file nghe. – Nội dung ghi âm: 1. 请他吃面包! Đáp án: C 面包 2. 教室在那儿。 Đáp án: A 在那儿 3. 他的书包在这里。 Đáp án: A 在这里 Bài 3. Em hãy nói theo mẫu. – GV cho HS mô phỏng theo mẫu câu để luyện tập nói về cách đưa ra lời mời, câu chỉ dẫn. Bài 4. Em hãy hoàn thành các câu dưới đây. – HS dùng các từ ngữ đã học để hoàn thành câu. – GV chữa bài tập cho HS. – Đáp án: 1. 图书馆在这里/那里。 2. 他的教室在哪儿/哪里? 3. 我的房间在这儿/那儿。

4.3. Củng cố bài học

STT	Nội dung	Hình thức
1	Củng cố bài học	– GV hỏi lại các chữ, các từ đã học và đã tập viết. – HS nói lại các cấu trúc đã luyện tập. – GV nhắc lại cách nói đưa ra lời mời và cách nói chỉ dẫn.
2	Gợi ý cho học sinh	– Khuyến khích HS ngoài giờ có thể đưa ra lời mời bạn bè, người thân... thực hiện một hành động nào đó hoặc chỉ dẫn cho bạn bè, người thân... biết vị trí cụ thể của người/vật nào đó. – Tự nghe lại file nghe từ mới và bài đã học. – Tập viết các chữ Hán đã học.

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1. Kết hợp giảng luyện kĩ năng với kiến thức ngôn ngữ

Cách nói 请……; ……在哪儿/哪里; 在这里/这儿; 在那里/那儿; 在左边; 在右边……trật tự từ gần gũi với cách nói của tiếng Việt, chỉ cần giải thích đơn giản, yêu cầu HS mô phỏng theo các cách nói đó.

5.2. Kết hợp nội dung trong SGK với thực tế giao tiếp

Sau khi đọc các câu hoặc hội thoại trong bài, cho HS nói tương tự như vậy ngay theo thực tế. Không yêu cầu HS thuộc câu trong bài, chỉ cần biết dùng mẫu câu để nói theo thực tế.

5.3 Kết hợp học tập với giải trí

Khi kiểm tra bài cũ, GV tạo các trò chơi tạo hứng thú cho giờ học.

5.4 Kết hợp luyện tập cá nhân với giao lưu nhóm

Với mỗi nội dung đều nên luyện tập cá nhân để GV kịp thời khen ngợi hoặc sửa lỗi cho từng HS. Đồng thời tạo các bài tập nhóm để HS quen với việc hợp tác làm việc chung, hỗ trợ và nhận xét cho nhau, tạo sự thi đua giữa các nhóm. Lưu ý không lập nhóm cố định.

5.5 Kết hợp học tập trên lớp với tự học ở nhà

– Giao các bài tập viết chữ và bài tập sáng tạo (như học hát, vẽ hoặc tô màu chữ Hán trên phiếu GV in cho) để HS có thể dùng thời gian ở nhà để hoàn thành.

– Các bài tập về nhà mang tính giải trí, không tạo áp lực cho HS.

第十课: 这是我们家的照片

1. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau khi học xong bài 10, HS có thể (1) Biết cách giới thiệu về người khác; (2) Biết cách giới thiệu các vật dụng trong gia đình.

2. TRỌNG TÂM DẠY HỌC

2.1. Kiến thức ngôn ngữ:

– Nghe hiểu và đọc đúng một số các từ mới, câu mẫu.

– Từ vựng: 照片，张，忙，年轻，地图，床，哪，身体，桌子，画儿

– Cấu trúc: 一张照片，两张画儿，三张地图…… (Số từ + lượng từ + danh từ); 这张床，那张桌子…… (Đại từ + lượng từ + danh từ); 哪张/哪张地图？；哪本/哪本书？…… (哪 + lượng từ + [danh từ])

2.3. Kĩ năng ngôn ngữ:

– Nghe – Nói: Nghe hiểu và trả lời được các câu nói về người khác, nói về các vật dụng trong gia đình.

– Đọc: Đọc được các từ, cụm từ, câu trong bài.

– Viết: Viết được các chữ Hán 张，地，桌，床，忙，身

2.4. Văn hoá và văn hoá giao tiếp:

Sau bài học, biết cách sử dụng tiếng Trung Quốc để giới thiệu người khác, giới thiệu các vật dụng trong gia đình.

3. ĐỒ DÙNG VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC

– Phần mềm dạy viết chữ.

– Phấn, bảng, PPT, máy chiếu.

– Học sinh dùng vở ô li, bút chì, bút máy.

4. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP (KÈM THỜI LƯỢNG, NỘI DUNG BÀI GIẢNG VÀ GỢI Ý CÁC HÌNH THỨC GIẢNG LUYỆN)

Tiến trình lên lớp bao gồm các nội dung: Khởi động, Giảng bài mới và Củng cố bài đã học, trong đó nội dung Khởi động và Củng cố bài đã học do giáo viên chủ động thực hiện một cách linh hoạt tuỳ tình hình thực tế của lớp, nội dung và hình thức tổ chức dưới đây chỉ mang tính gợi ý.

4.1. Khởi động

STT	Nội dung	Hình thức
1	Khởi động	– GV ổn định tổ chức bằng một bài hát thiếu nhi. – GV chuẩn bị một bức ảnh gia đình, tổ chức hỏi và đề nghị học sinh trả lời: 这张是什么？ / 爸爸/妈妈……在哪儿？ / 哪个是哥哥/弟弟……？ …… – Hoạt động diễn ra trong khoảng 5 phút. – GV giới thiệu tên bài học.

4.2. Giảng bài mới

Tiết	Nội dung	Hình thức
1	Dạy – học từ ngữ mới (phần 1)	– GV cho HS quan sát toàn bộ từ mới trang 21, nghe đọc tổng hợp tất cả các từ: 照片，张，忙，年轻，地图，床. – GV cho HS nghe và tìm hiểu nghĩa, cách phát âm của các từ theo nhóm và cá nhân. Nếu trình chiếu PPT, GV có thể tạo mỗi trang là 1 từ mới, hình thức nghe, quan sát tranh và nhắc từ. – Chơi trò chơi ghép hình với các từ đã học phía trên để củng cố kiến thức đã học (có thể chia đội, hoặc chơi cá nhân).
2	Dạy – học cấu trúc (phần 1)	– GV giới thiệu về cách dùng lượng từ 张, nhấn mạnh lượng từ 张 thường dùng cho các đồ vật có bề mặt phẳng như: bản đồ (地图), tranh (画儿), ảnh (照片), bàn (桌子), giường (床), ... – GV chuẩn bị các thẻ từ liên quan đến từ ngữ đã học ở bài này hoặc những bài trước, sau đó mời HS sử dụng lượng từ 张 luyện nói. – GV cho HS luyện tập với bài tập sắp xếp ô chữ. – Đáp án: 1. 那张床很大。 2. 他有两张地图。 3. 我喜欢这张照片。
3	Đọc hội thoại và luyện tập giao tiếp (phần 1)	– GV cho HS nghe phần *Em hãy nghe và nhắc lại*, sau đó sẽ gọi 1 – 2 bạn nhắc lại. – Ở 2 đoạn hội thoại ngắn: + GV cho HS nghe 2 lần, nhắc lại nội dung trong file nghe (đồng thanh, hoặc cá nhân). + GV đọc mẫu và chia nhóm (4 – 5 HS/ nhóm) luyện đọc. GV đi từng nhóm kiểm tra ngữ âm, ngữ điệu và điều chỉnh từng nhóm.

Tiết	Nội dung	Hình thức
		+ GV cho 1 – 3 nhóm đọc to và cho các bạn nhận xét cho nhau, GV kết luận. – Sau mỗi đoạn hội thoại, GV chia nhóm đóng vai nhân vật trong hội thoại, gọi 1 – 2 nhóm lên nói trước lớp.
4	Dạy – học từ ngữ mới (phần 2)	– GV cho HS quan sát toàn bộ từ mới …, nghe đọc tổng hợp tất cả các từ: 哪，身体，桌子，画儿. – GV cho HS nghe và tìm hiểu nghĩa, cách phát âm của các từ theo đơn vị lớp, nhóm và cá nhân. Nếu trình chiếu PPT, GV có thể tạo mỗi trang là 1 từ mới, hình thức nghe, quan sát tranh và nhắc từ. – Chơi trò chơi ghép hình với các từ đã học phía trên để củng cố kiến thức đã học (có thể chia đội, hoặc chơi cá nhân).
	Dạy – học cấu trúc (phần 2)	– GV giới thiệu về cách dùng đại từ nghi vấn 哪. – GV nhấn mạnh sau đại từ "哪" thường kết hợp với lượng từ: "哪个（人）？","哪张（画儿）？","哪张（地图）？",…… – GV chỉ vào hình ảnh của người/ đồ vật nào đó và dùng đại từ nghi vấn 哪 hỏi HS: 哪个人是你朋友？/ 哪本书是你的书？…… – HS chia nhóm và dùng đại từ nghi vấn 哪 hỏi và trả lời. – GV cho HS luyện tập với bài tập sắp xếp ô chữ. – Đáp án: 1. 哪张画儿漂亮？ 2. 哪张桌子干净？ 3. 你喜欢哪个书包？
5	Đọc hội thoại và luyện tập giao tiếp (phần 2)	– GV cho HS nghe *Em hãy nghe và nhắc lại*, nghe lần 2 từng cụm/ câu cho HS đồng thanh nhắc lại, sau đó sẽ gọi 1 – 2 bạn nhắc lại. – Ở 2 đoạn hội thoại ngắn: + GV cho HS nghe file 2 lần, nhắc lại nội dung trong file (đồng thanh, hoặc cá nhân). + GV đọc mẫu và chia nhóm luyện đọc. GV đi từng nhóm kiểm tra ngữ âm, ngữ điệu và điều chỉnh từng nhóm. + GV cho 1 – 3 nhóm đọc to và cho các bạn nhận xét cho nhau, GV kết luận. – Sau mỗi đoạn hội thoại, GV chia nhóm đóng vai nhân vật trong hội thoại, gọi 1 – 2 nhóm lên nói trước lớp.

Tiết	Nội dung	Hình thức
6	Dạy – học nét, quy tắc viết	– GV viết mẫu thứ tự các nét chữ, HS viết theo vào vở. – GV hỏi tên một số nét xuất hiện trong chữ Hán đã học phía trước để củng cố bài học.
7	Dạy – học viết chữ Hán	– GV viết mẫu trên bảng hoặc cho HS xem video thứ tự nét của từng chữ Hán, yêu cầu mỗi chữ Hán viết 1 chữ vào vở tập viết. Trong quá trình viết vừa viết vừa đọc tên nét chữ đang viết (nếu được). GV đi kiểm tra và sửa chữ viết cho HS. – GV tổng hợp các lỗi sai thường gặp trong quá trình viết của HS. – GV hướng dẫn HS làm bài tập số 2. – Đáp án: 1. niánqīng 2. huàr 3. zhàopiàn 4. 张 5. 床 6. 桌子
8	Luyện tập tổng hợp và củng cố bài học.	Bài 1. Em hãy xem tranh và trả lời câu hỏi. GV chia cặp (2 HS một nhóm) HS quan sát các bức tranh, sau đó đọc câu trong mỗi bức tranh, một em hỏi một em trả lời. Bài 2. Em hãy nghe và chọn đáp án đúng. – GV cho HS nghe file 2 lần, HS chọn ra đáp án đúng với nội dung file nghe. – Nội dung ghi âm: 1. 她弟弟有两张地图。 Đáp án: A 两张 2. 那张画儿是妹妹的画儿。 Đáp án: B 妹妹的画儿 3. 那件蓝色的衣服是明英的衣服。 Đáp án: B 蓝色的衣服 Bài 3. Em hãy hoàn thành các câu dưới đây. – HS dùng các từ đã học để hoàn thành câu. – GV chữa bài tập cho HS. Đáp án: 1. 张 2. 床 3. 哪 Bài 4. Em hãy xem tranh gợi ý và giới thiệu về một người thân trong gia đình cùng căn phòng của người đó. Dựa vào hình ảnh trong tranh cho sẵn, GV hướng dẫn HS sử dụng những từ ngữ, mẫu câu đã học để luyện tập giới thiệu về người khác, giới thiệu các vật dụng trong căn phòng.

4.3. Củng cố bài học

STT	Nội dung	Hình thức
1	Củng cố bài học	– GV hỏi lại các chữ, các từ đã học và đã tập viết. – HS nói lại các cấu trúc đã luyện tập. – GV nhắc lại cách nói giới thiệu về người khác, cách giới thiệu các vật dụng trong gia đình.
2	Gợi ý cho học sinh	– Khuyến khích HS ngoài giờ có thể dùng đại từ 哪 kết hợp với lượng từ để hỏi bạn bè về người/ vật nào đó (哪个是你的同学？/ 哪个人是你爸爸？/ 哪张地图是你的地图？/ 哪张桌子是你妹妹的桌子？……). – Tự nghe lại file nghe từ mới và bài đã học. – Tập viết các chữ Hán đã học.

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1. Kết hợp giảng luyện kĩ năng với kiến thức ngôn ngữ

Cách dùng 张，哪 chỉ cần giải thích đơn giản, yêu cầu HS mô phỏng theo các cách nói đó.

5.2. Kết hợp nội dung trong SGK với thực tế giao tiếp

Sau khi đọc các câu hoặc hội thoại trong bài, cho HS nói tương tự như vậy ngay theo thực tế. Không yêu cầu HS thuộc câu trong bài, chỉ cần biết dùng mẫu câu để nói theo thực tế.

5.3. Kết hợp học tập với giải trí

Khi kiểm tra bài cũ, GV tạo các trò chơi tạo hứng thú cho giờ học.

5.4. Kết hợp luyện tập cá nhân với giao lưu nhóm

Với mỗi nội dung đều nên luyện tập cá nhân để GV kịp thời khen ngợi hoặc sửa lỗi cho từng HS. Đồng thời tạo các bài tập nhóm để HS quen với việc hợp tác làm việc chung, hỗ trợ và nhận xét cho nhau, tạo sự thi đua giữa các nhóm. Lưu ý không lập nhóm cố định.

5.5. Kết hợp học tập trên lớp với tự học ở nhà

– Giao các bài tập viết chữ và bài tập sáng tạo (như học hát, vẽ hoặc tô màu chữ Hán trên phiếu GV in cho) để HS có thể dùng thời gian ở nhà để hoàn thành.

– Các bài tập về nhà mang tính giải trí, không tạo áp lực cho HS.

第十一课：我能喝这杯牛奶吗

1. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau khi học xong bài 11, học sinh có thể (1) Biết cách xin phép làm việc gì đó; (2) Biết cách biểu đạt có năng lực làm việc gì đó.

2. TRỌNG TÂM DẠY HỌC

2.1. Kiến thức ngôn ngữ:

– Nghe hiểu và đọc đúng một số các từ mới, câu mẫu.

– Từ vựng: 能，可以，支，给，不客气，词，意思，念，课文，做饭

– Cấu trúc: (1) 能……吗？；(2) 能……，不能……

2.2. Kĩ năng ngôn ngữ:

– Nghe – Nói: Nghe hiểu và trả lời được các câu xin phép làm việc gì đó và khả năng làm được việc gì đó.

– Đọc: Đọc được các từ, cụm từ, câu trong bài.

– Viết: Viết được các chữ Hán: 能，给，词，念，可，以

2.3. Văn hoá và văn hoá giao tiếp:

Sau bài học, biết xin phép được làm việc gì đó một cách lịch sự, lễ phép.

3. ĐỒ DÙNG VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC

– Phần mềm dạy viết chữ.

– Phấn, bảng, PPT, máy chiếu.

– Học sinh dùng vở ô li, bút chì, bút máy.

4. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP (KÈM THỜI LƯỢNG, NỘI DUNG BÀI GIẢNG VÀ GỢI Ý CÁC HÌNH THỨC GIẢNG LUYỆN)

Tiến trình lên lớp bao gồm các nội dung: Khởi động, Giảng bài mới và Củng cố bài đã học, trong đó nội dung Khởi động và Củng cố bài đã học do giáo viên chủ động thực hiện một cách linh hoạt tuỳ tình hình thực tế của lớp, nội dung và hình thức tổ chức dưới đây chỉ mang tính gợi ý.

4.1. Khởi động

STT	Nội dung	Hình thức
1	Khởi động	– GV cho học sinh ôn tập bài 10. – Hình thức có thể là gọi ngẫu nhiên 5 học sinh lên bảng viết chữ Hán của bài 10. Sau đó nhận xét đúng sai và yêu cầu học sinh khác dùng từ có chữ Hán đó để đặt câu. Nếu là câu hỏi thì yêu cầu học sinh khác trả lời…

4.2. Giảng bài mới

Tiết	Nội dung	Hình thức
1	Dạy – học từ ngữ mới (phần 1)	– GV cho HS nghe file 11/1 và đọc theo các từ mới. Chú ý vừa nghe, vừa nhìn phiên âm, sau đó nhìn chữ Hán rồi đọc theo (2 – 3 lần). – Gọi học sinh nhìn chữ Hán đọc và đoán nghĩa. Chú ý không theo thứ tự nhất định. – Giáo viên chú ý chỉnh âm cho học sinh. – Giáo viên ghép các từ mới với từ đã học tạo thành cụm từ, câu và yêu cầu học sinh đọc theo. Ví dụ: 能：能喝奶茶吗？能吃苹果吗？——不能/可以 支：一支笔，买一支笔，我买一支笔…… 给：给弟弟，给弟弟一支笔，哥哥给弟弟一支笔…… – Giáo viên có thể thiết kế một số tranh để học sinh đặt câu với các từ trong bài.
2	Dạy – học cấu trúc (phần 1)	– GV giới thiệu mẫu câu xin phép người khác để được làm việc gì đó và câu trả lời: 能……吗？—— 可以/不能。 – GV lưu ý với HS, trả lời khẳng định dùng, 可以, trả lời phủ định dùng 不能. – GV chuẩn bị các từ ngữ đã học để hướng dẫn học sinh ghép vào cấu trúc trên, ví dụ: 喝这杯茶，去玩，坐这儿，吃包子，买一件新衣服，…… – GV hướng dẫn học sinh đọc và nói theo các câu mẫu trong bài. – GV cho học sinh đóng các vai khác nhau để hỏi đáp về mẫu câu trên. – GV cho học sinh làm bài tập sắp xếp ô chữ trong bài học (có thể làm theo nhóm). – Đáp án: 我能坐这儿吗？我能看这本书吗？我能吃苹果吗？

Tiết	Nội dung	Hình thức
3	Đọc hội thoại và luyện tập giao tiếp (phần 1)	– GV cho HS nghe phần *Em hãy nghe và nhắc lại*, sau đó sẽ gọi 1 – 2 bạn nhắc lại. – Ở 2 đoạn hội thoại ngắn: + GV cho HS nghe 2 lần file 11/3, nhắc lại nội dung trong file nghe (đồng thanh, hoặc cá nhân). + GV đọc mẫu và chia nhóm (4 – 5 HS/ nhóm) luyện đọc. GV đi từng nhóm kiểm tra ngữ âm, ngữ điệu và điều chỉnh từng nhóm. + GV cho 1 – 3 nhóm đọc to và cho các bạn nhận xét cho nhau, GV kết luận. – Sau mỗi đoạn hội thoại, GV chia nhóm đóng vai nhân vật trong hội thoại, gọi 1 – 2 nhóm lên nói trước lớp.
4	Dạy – học từ ngữ mới (phần 2)	– GV cho HS nghe file 11/4 và đọc theo các từ mới. Chú ý vừa nghe, vừa nhìn phiên âm, sau đó nhìn chữ Hán rồi đọc theo (2 – 3 lần). – Gọi học sinh nhìn chữ Hán đọc và đoán nghĩa. Chú ý không theo thứ tự nhất định. – Giáo viên chú ý chỉnh âm cho học sinh. – Giáo viên ghép các từ mới với từ đã học tạo thành cụm từ, câu và yêu cầu học sinh đọc theo. Ví dụ: 词：这个词，汉语词，英语词，不知道这个词…… 意思：什么意思，这个意思，有意思，很有意思，没意思，这个词很有意思，…… 念：怎么念，念生词，你念吧，…… 课文：念课文。这个课文，课文难吗，怎么念课文，课文很长…… – Giáo viên có thể thiết kế một số tranh để học sinh đặt câu với các từ như 念，课文，意思 .
5	Dạy – học cấu trúc (phần 2)	– GV giới thiệu mẫu câu nói trong một điều kiện nhất định có hoặc không có khả năng làm một việc gì đó: 能……/不能…… – GV chuẩn bị các từ ngữ đã học để hướng dẫn học sinh ghép vào cấu trúc trên, ví dụ: 能/不能说汉语，能/不能写汉字，能/不能念课文，能/不能做饭，……

Tiết	Nội dung	Hình thức
		– GV có thể lưu ý với HS trong một số trường hợp từ "会" và từ "能" có thể thay thế cho nhau, nhưng có một chút khác biệt về ngữ nghĩa. Dùng "会" nhấn mạnh biết một kĩ năng hoặc cách làm một việc nào đó thông qua học tập. Còn dùng "能" nhấn mạnh trong một điều kiện nhất định có năng lực/khả năng làm được một việc nào đó. – GV hướng dẫn học sinh đọc và nói theo các câu mẫu trong bài. – GV cho học sinh đóng các vai khác nhau để hỏi đáp về mẫu câu trên. – GV cho học sinh làm bài tập sắp xếp từ ngữ trong bài học (có thể làm theo nhóm). – Đáp án: 你们能说中文吗？我妹妹不能写汉字。我能说中文，不能说英语。/ 我能说英语，不能说中文。
6	Đọc hội thoại và luyện tập giao tiếp (phần 2)	– GV cho HS nghe phần *Em hãy nghe và nhắc lại*, sau đó sẽ gọi 1 – 2 bạn nhắc lại. – Ở 2 đoạn hội thoại ngắn: + GV cho HS nghe 2 lần file 11/6, nhắc lại nội dung trong file nghe (đồng thanh, hoặc cá nhân). + GV đọc mẫu và chia nhóm (4 – 5 HS/ nhóm) luyện đọc. GV đi từng nhóm kiểm tra ngữ âm, ngữ điệu và điều chỉnh từng nhóm. + GV cho 1 – 3 nhóm đọc to và cho các bạn nhận xét cho nhau, GV kết luận. – GV có thể hỏi đáp với mỗi học sinh một số câu hỏi để xem học sinh có khả năng làm được những việc gì.
6	Dạy – học nét, quy tắc viết	– GV giới thiệu chữ Hán được cấu tạo bởi các nét chữ, các bộ chữ. – GV viết mẫu các nét, HS viết theo vào vở. – GV viết mẫu thứ tự các nét chữ, HS viết theo vào vở. – GV hỏi tên một số nét xuất hiện trong chữ Hán đã học phía trước để củng cố bài học.
7	Dạy – học viết chữ Hán đơn giản	– GV viết mẫu trên bảng hoặc cho HS xem video thứ tự nét của từng chữ Hán, yêu cầu mỗi chữ Hán viết 1 chữ vào vở tập viết. Trong quá trình viết vừa viết vừa đọc tên nét chữ đang viết (nếu được). GV đi kiểm tra và sửa chữ viết cho HS. – GV tổng hợp các lỗi sai thường gặp trong quá trình viết của HS. – GV hướng dẫn HS làm bài tập số 2 sau phần viết chữ.

Tiết	Nội dung	Hình thức
8	Luyện tập tổng hợp và củng cố bài học	Bài 1. Hãy xem tranh và trả lời câu hỏi. – GV chia cặp (2 HS là một nhóm) HS quan sát các bức tranh, sau đó đọc câu trong mỗi bức tranh, một em hỏi một em trả lời. – Đáp án: 1. 我能吃这个苹果吗? 2. 我能看这支笔吗? 3. 他们都能说中文。 4. 他不能/不会写汉字。 Bài 2. Em hãy nghe và chọn đáp án đúng – GV cho HS quan sát toàn bộ nội dung, sau đó mở file nghe cho HS. Mỗi câu đều có 3 đáp án A, B, C. GV có thể cho học sinh đọc trước nội dung các bài tập nghe 5 đến 10 phút, sau đó mở máy cho học sinh nghe 3 lần, rồi yêu cầu HS chọn đáp án. Nếu HS chọn sai, GV sẽ giải thích nghĩa cho HS hiểu. – Nội dung nghe: (1) 妹妹很小，还不能做饭。—— Đáp án B (2) 他会说中文，也会写汉字。—— Đáp án B (3) 妹妹，我给你一本中文书。—— Đáp án A Bài 3. Em hãy hoàn thành các câu dưới đây. – Trong mỗi câu đều có một ngôi sao hoặc hai ngôi sao, HS đọc và thay thế vào vị trí ngôi sao bằng từ ngữ tương ứng, có thể viết phiên âm hoặc chữ Hán. HS viết đáp án vào vở bài tập không viết vào sách. – Đáp án: 1. 能 2. 中文 3. 不能 Bài 4. Em hãy dùng mẫu câu sau để hỏi các bạn trong lớp có thể làm được những việc gì. – GV cho các nhóm trao đổi với nhau theo mẫu câu, sau đó mỗi nhóm cử đại diện phát biểu xem nhóm mình bạn nào biết làm việc gì. Nhóm nào nói được nhiều câu đúng nhất sẽ được thưởng điểm.

4.3. Củng cố bài học

STT	Nội dung	Hình thức
1	Củng cố bài học	– GV hỏi lại các chữ, các từ đã học và đã tập viết. – HS nói lại các cấu trúc đã luyện tập. – GV nhắc lại cách nói xin phép làm một việc gì đó và nói trong một điều kiện nhất định có hoặc không có khả năng làm được việc gì đó.
2	Gợi ý cho học sinh	– Khuyến khích HS ngoài giờ có thể xin phép mọi người để làm việc gì đó và nói về khả năng làm việc của mình. – Tự nghe lại file nghe từ mới và bài đã học. – Tập viết các chữ Hán đã học.

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1 Kết hợp giảng luyện kĩ năng với kiến thức ngôn ngữ

– Động từ 给 có cách dùng như tiếng Việt, do vậy GV cung cấp nhiều từ ngữ đã học để khuyến khích học sinh tự biểu đạt.

– Với một từ mới, cần đưa vào các cấu trúc đã học và biểu đạt thành câu hoàn chỉnh, mang tính chất giao tiếp.

5.2 Kết hợp nội dung trong SGK với thực tế giao tiếp

Sau khi đọc các câu hoặc hội thoại trong bài, cho HS nói tương tự như vậy ngay theo thực tế. Không yêu cầu HS thuộc câu trong bài, chỉ cần biết dùng mẫu câu để nói theo thực tế.

5.3 Kết hợp học tập với giải trí

Khi kiểm tra bài cũ, GV tạo các trò chơi tạo hứng thú cho giờ học.

5.4 Kết hợp luyện tập cá nhân với giao lưu nhóm

Với mỗi nội dung đều nên luyện tập cá nhân để GV kịp thời khen ngợi hoặc sửa lỗi cho từng HS. Đồng thời tạo các bài tập nhóm để HS quen với việc hợp tác làm việc chung, hỗ trợ và nhận xét cho nhau, tạo sự thi đua giữa các nhóm. Lưu ý không lập nhóm cố định.

5.5 Kết hợp học tập trên lớp với tự học ở nhà

– Giao các bài tập viết chữ và bài tập sáng tạo (như học hát, vẽ hoặc tô màu chữ Hán trên phiếu GV in cho) để HS có thể dùng thời gian ở nhà để hoàn thành.

– Các bài tập về nhà mang tính giải trí, không tạo áp lực cho HS.

第十二课：复习（3）

1. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau khi học xong bài 12, HS có thể: (1) Ghi nhớ nghĩa, cách dùng của các từ ngữ và các cấu trúc từ bài 9 đến bài 11; (2) Hiểu và nhớ được nội dung của các bài đối thoại, các mẫu câu thuộc chủ điểm 3.

2. TRỌNG TÂM DẠY HỌC

2.1. Kiến thức ngôn ngữ:

– Ngữ âm: luyện phát âm từ, cụm từ, câu đơn giản

– Từ vựng: ôn tập lại các từ vựng trong chủ điểm.

– Cấu trúc: ôn tập các cấu trúc 请……，……在哪儿/哪里，……在这儿/那儿/这里/那里，……在左边/右边，lượng từ 张，这/那/哪 + lượng từ + (danh từ), 能……吗，能……，不能……

2.2. Kĩ năng ngôn ngữ:

– Nghe – Nói: Nghe hiểu các câu nói biểu thị lời mời, chỉ dẫn, hỏi về giới thiệu về người và vật dụng trong gia đình, lời xin phép và biểu đạt khả năng làm một việc gì đó.

– Đọc: Đọc được các từ, cụm từ, câu trong bài.

– Viết: Viết được các chữ Hán theo yêu cầu.

2.3. Văn hoá và văn hoá giao tiếp:

Sau bài học, biết sử dụng tiếng Trung Quốc để đưa ra lời mời, lời xin phép một cách lịch sự.

3. ĐỒ DÙNG VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC

– Phần mềm dạy viết chữ.

– Phấn, bảng, PPT, máy chiếu.

– Học sinh dùng vở ô li, bút chì, bút máy.

4. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP (KÈM THỜI LƯỢNG, NỘI DUNG BÀI GIẢNG VÀ GỢI Ý CÁC HÌNH THỨC GIẢNG LUYỆN)

Tiến trình lên lớp bao gồm các nội dung: Khởi động, Giảng bài mới và Củng cố bài đã học, trong đó nội dung Khởi động và Củng cố bài đã học do giáo viên chủ động thực hiện một cách linh hoạt tuỳ tình hình thực tế của lớp, nội dung và hình thức tổ chức dưới đây chỉ mang tính gợi ý.

4.1. Khởi động

STT	Nội dung	Hình thức
1	Khởi động	– Hát theo nhạc. – GV chọn một bài hát tiếng Trung quen thuộc, cả lớp hát theo nhạc.

4.2. Giảng bài mới

Tiết	Nội dung	Hình thức
1+2+3+4	Ôn tập ngữ âm	Bài 1. Em hãy chọn phiên âm nghe được. – GV chia nhóm HS (4 – 5 bạn/nhóm) nghe mỗi từ 2 – 3 lần và ghi đáp án ra bảng. – GV mở lại file nghe chữa bài, nhận xét những đáp án đúng, phân tích lỗi của những đáp án sai để HS cùng rút kinh nghiệm. GV tính điểm cho từng nhóm. Đáp án: ✓ 1. fángjiān 2. huānyíng 3. niánqīng 4. dìtú 5. zhuōzi 6. kěyǐ Bài 2. Em hãy nghe và điền phiên âm các chữ Hán sau. – GV chia nhóm HS (4 – 5 bạn/nhóm) nghe mỗi từ 2 – 3 lần và ghi đáp án ra bảng. – GV mở lại file nghe chữa bài, nhận xét những đáp án đúng, phân tích lỗi của những đáp án sai để HS cùng rút kinh nghiệm. GV tính điểm cho từng nhóm. – Nội dung nghe: (1) 我的房间在这里。 (2) 请你喝果汁。 (3) 哪个是你的书包。 (4) 她还小， 不能做饭。 (5) 这个字是什么意思? Đáp án: 1. zhèli 2. qǐng 3. nǎ ge 4. bùnéng 5. yìsi
		Bài 3. Em hãy nghe và viết phiên âm để hoàn thành các đoạn hội thoại dưới đây. – GV chia nhóm HS (4 – 5 bạn/nhóm) yêu cầu điền đúng phiên âm và ghi đáp án ra bảng.

Tiết	Nội dung	Hình thức
		– GV nhận xét những đáp án đúng, phân tích lỗi của những đáp án sai để HS cùng rút kinh nghiệm. GV tính điểm cho từng đội. – GV yêu cầu các đội luyện đọc hội thoại với nhau. GV và HS đội còn lại nhận xét và tính điểm. Đội nào đọc trôi chảy, lưu loát sẽ được số điểm tương ứng với số câu đọc đúng. – GV tổng kết số điểm các nhóm đạt được trong phần ngữ âm và phát phần thưởng. Đáp án: 1. nǎlǐ 2. qǐng 3. nǎ/zhè 4. néng 5. bùnéng
5	Ôn tập chữ Hán	Bài 4. Em hãy xem tranh và viết chữ Hán tương ứng. – GV cho HS quan sát tranh và đọc phiên âm. – GV có thể gợi ý cho HS bằng cách đưa ra một số chữ Hán cho HS nhận biết và viết lại. – Đáp án: 1. 桌子 2. 床 3. 中文书 4. 忙 5. 不能
		Bài 5. Em hãy đếm số nét của các chữ Hán dưới đây. – GV chia nhóm, quy định thời gian xem nhóm nào có đáp án nhanh nhất. – GV có thể gợi ý cho HS bằng phương pháp chọn trắc nghiệm. – Đáp án: 1. 哪- 9 nét; 2. 请-10 nét; 3. 张-7 nét; 4. 具-8 nét; 5. 课- 10 nét – GV tổng hợp điểm các nhóm và khen thưởng. – GV yêu cầu HS các đội đặt các câu hỏi giao tiếp tương tự để các đội hỏi đáp.
6	Dạy – học viết chữ Hán đơn giản	Bài 6. Em hãy tập viết các chữ Hán dưới đây. – GV viết mẫu trên bảng hoặc cho HS xem video thứ tự nét của các chữ Hán 欢，迎，干，净，画，体 yêu cầu mỗi chữ Hán viết 1 chữ vào vở tập viết. Trong quá trình viết, đọc tên nét chữ đang viết (nếu được). GV đi kiểm tra và sửa chữ viết cho HS. – GV tổng hợp các lỗi sai thường gặp trong quá trình viết của HS.

Tiết	Nội dung	Hình thức
7	Viết câu	Bài 7. Em hãy xem tranh và dùng từ cho sẵn viết câu hoàn chỉnh. – HS quan sát hình và từ ngữ đã cho, hiểu ý nghĩa của các từ này, sau đó sẽ viết câu. – GV có thể gợi ý mẫu cho HS, hoặc đưa ra thêm nhiều hình ảnh liên quan đến từ. Ví dụ: Hình 4 có cụm từ 不能, HS có thể viết câu: 我不能念这个词。
8	Luyện nói	Bài 8. Em hãy sử dụng các từ gợi ý dưới đây để giới thiệu về bức ảnh gia đình mình. – GV hướng dẫn HS hoàn thiện bài giới thiệu về bức ảnh gia đình bằng chữ Hán hoặc phiên âm, sau đó đọc to cho các bạn cùng nghe.
	Giới thiệu về văn hoá Trung Quốc	– Bộ thủ trong chữ Hán. – GV có thể tìm các video tư liệu về tên các bộ thủ trên internet.

4.3. Củng cố bài học

STT	Nội dung	Hình thức
1	Củng cố bài học	– GV tổng hợp các cách giao tiếp trong chủ điểm 3. – GV tổng hợp đóng khung các cấu trúc, HS ghi nhớ.
2	Gợi ý cho học sinh	– Khuyến khích HS ngoài giờ, về nhà luyện tập các cấu trúc đã học. – Tập viết các chữ Hán đã học. – Luyện lại các bài hát đã học

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1. Kết hợp giảng luyện các kĩ năng

Nghe và chọn phiên âm, kết hợp luyện đọc để củng cố nội dung kiến thức ngữ âm của chủ điểm 3. Kĩ năng nghe, nói được kết hợp trong bài chơi trò chơi, rèn luyện phản xạ cho HS.

5.2. Kết hợp nội dung trong SGK với thực tế giao tiếp

HS thực hành giao tiếp thực tế ngay với những nội dung kiến thức của chủ điểm.

5.3. Kết hợp học tập với giải trí

– Chơi trò chơi để luyện tập các cấu trúc, cách nói đã học trong chủ điểm.

– Có các hình thức thi đua, trao thưởng để khích lệ HS hăng hái tham gia.

5.4 Kết hợp luyện tập cá nhân với giao lưu nhóm

Với mỗi nội dung đều nên luyện tập cá nhân để GV kịp thời khen ngợi hoặc sửa lỗi cho từng HS. Đồng thời tạo các bài tập nhóm để HS quen với việc hợp tác làm việc chung, hỗ trợ và nhận xét cho nhau, tạo sự thi đua giữa các nhóm. Lưu ý không lập nhóm cố định.

5.5 Kết hợp học tập trên lớp với tự học ở nhà

– Giao các bài tập viết chữ và bài tập sáng tạo (như học hát, vẽ hoặc tô màu chữ Hán trên phiếu GV in cho) để HS có thể dùng thời gian ở nhà để hoàn thành.

– Các bài tập về nhà mang tính giải trí, không tạo áp lực cho HS.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

第十三课：下雨了

1. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau khi học xong bài 13, HS biết cách miêu tả về sự thay đổi thời tiết, khí hậu.

2. TRỌNG TÂM DẠY HỌC

2.1. Kiến thức ngôn ngữ

– Ngữ âm: Phát âm chuẩn các từ ngữ trong bài; Nói đúng ngữ điệu trong các tình huống giao tiếp cụ thể.

– Từ vựng: 下雨、黑、天气、冷、停、黑
今年、回家、走、下班

– Cấu trúc: "……了。"; "……了吗?"。

2.2. Kĩ năng ngôn ngữ

– Nghe – Nói: Nghe hiểu và trả lời được các câu hỏi về thời tiết. Biết cách miêu tả sự thay đổi của thời tiết, khí hậu.

– Đọc: Đọc được các từ, cụm từ, câu trong bài.

– Viết: Viết được các chữ Hán đơn giản: 雨, 走, 回, 家, 气, 冷.

2.3. Văn hoá và văn hoá giao tiếp

3. ĐỒ DÙNG VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC

– Phấn trắng, phấn màu, bảng, PPT, máy chiếu, loa...

– HS dùng vở ô li, bút chì 2B hoặc HB, bút nước mềm/bút gel.

– Phần mềm dạy viết chữ.

4. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP (KÈM THỜI LƯỢNG, NỘI DUNG BÀI GIẢNG VÀ GỢI Ý CÁC HÌNH THỨC GIẢNG LUYỆN)

Tiến trình lên lớp bao gồm các nội dung: Khởi động, Giảng bài mới và Củng cố bài đã học, trong đó nội dung Khởi động và Củng cố bài đã học do giáo viên chủ động thực hiện một cách linh hoạt tuỳ tình hình thực tế của lớp, nội dung và hình thức tổ chức dưới đây chỉ mang tính gợi ý.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

4.1. Khởi động

STT	Nội dung	Hình thức
1	Ổn định lớp và ôn tập nội dung đã học ở chủ điểm trước	– GV và HS chào nhau. – GV hỏi HS về một số năng lực của các em như khả năng nghe nói tiếng Hán, viết chữ Hán và HS trả lời. – HS hỏi nhau về gia đình, các thành viên trong gia đình và công việc của họ.
2	Chơi trò chơi	HS chuẩn bị mỗi người một bức ảnh gia đình, sau đó cho một bạn khác xem ảnh trong 30 giây. Bạn được xem ảnh sẽ kể các thành viên trong bức ảnh (có thể thực hiện 3-5 nhóm). Bạn nào nói đầy đủ, lưu loát sẽ được cộng điểm thưởng.
3	Chuẩn bị vào bài học mới	Hỏi HS về thời tiết ở thời điểm đó.

4.2. Giảng bài mới

Tiết	Nội dung	Hình thức
1	Dạy – học từ ngữ mới (phần 1)	– GV mở file nghe 13/1 (hoặc GV tự đọc), chiếu PPT phần từ ngữ tương ứng và yêu cầu HS đọc theo từng từ. – Với mỗi từ yêu cầu HS nghe, nhìn phiên âm để phát âm chính xác (lần 1, 2), nhìn chữ Hán để nhận mặt chữ (lần 3, 4) và đọc theo. – Có thể đọc cả lớp, nửa lớp, nhóm nhỏ hoặc cá nhân. – GV lưu ý phân biệt cho HS phát âm của từ "xià yǔ", nhấn mạnh cách đọc tròn miệng của yǔ. – GV lấy ví dụ cho các từ vừa học trên: + 下雨／不下雨。 + 下雨了。 + 天气冷了。 + 雨停了。 + 黑眼镜／天黑了。 – GV đưa ra ngữ cảnh để HS dùng các từ đã học để diễn đạt.
2	Dạy – học cấu trúc (phần 1)	– GV viết mẫu câu lên bảng, trong đó phiên âm viết ở trên, chữ Hán ở dưới. Dùng phấn đỏ tô từ 了 le cuối câu mà mình muốn nhấn mạnh. Yǔ tíng le. 雨停了。

Tiết	Nội dung	Hình thức
		– GV dẫn đọc câu ví dụ trên, không dịch sang tiếng Việt để HS tự cảm nhận được cách dùng của 了 le.
		– GV có thể giải thích câu mẫu: Trời vừa xong chưa mưa, bây giờ mưa rồi nên cần dùng thêm 了 le ở cuối câu, nhấn mạnh sự thay đổi của thời tiết. – Tương tự như vậy, GV dẫn đọc 4 câu ví dụ phía dưới. 1. 下雨了。 2. 天黑了。 3. 我饿了。 4. 他八岁了。 – GV có thể đưa ra các ngữ cảnh để HS mô phỏng nói theo các câu mẫu. – Sau khi luyện mẫu câu đã thành thục, GV dành 3 – 5 phút để HS chuẩn bị làm bài tập sắp xếp ô chữ phía dưới theo trật tự đúng. – Đáp án: 1. 他弟弟饿了。 2. 明英的奶奶七十岁了。 3. 我的房间干净了。
3	Đọc hội thoại và luyện tập giao tiếp (phần 1)	– GV cho HS nghe phần *Em hãy nghe và nhắc lại*, sau đó sẽ gọi 1 – 2 bạn nhắc lại. – Ở 2 đoạn hội thoại ngắn: + GV cho HS nghe 2 lần, nhắc lại nội dung trong file nghe (đồng thanh hoặc cá nhân). + GV đọc mẫu và chia nhóm (4 – 5 HS/nhóm) luyện đọc. GV đi từng nhóm kiểm tra ngữ âm, ngữ điệu và sửa âm (nếu có). Chú ý cách đọc của các cụm từ sau: .....怎么样? 星期六 公园玩儿 + GV cho 1 – 3 nhóm đọc to và cho các bạn nhận xét cho nhau, GV kết luận. Chú ý ngữ điệu tự nhiên của từng HS. – Sau mỗi đoạn hội thoại, GV chia nhóm đóng vai nhân vật trong hội thoại, gọi 1 – 2 nhóm lên nói trước lớp. – Nếu còn thời gian cho HS hội thoại miêu tả về sự thay đổi của người/sự vật.

Tiết	Nội dung	Hình thức
4	Dạy – học từ ngữ mới (phần 2)	– GV mở file nghe 13/4 (hoặc GV tự đọc), chiếu PPT phần từ ngữ tương ứng và yêu cầu HS đọc theo từng từ. – Với mỗi từ yêu cầu HS nghe, nhìn phiên âm để phát âm chính xác (lần 1, 2), sau đó nhìn chữ Hán để nhận mặt chữ (lần 3, 4) và đọc theo. – Có thể đọc cả lớp, nửa lớp, nhóm nhỏ hoặc cá nhân. – GV lưu ý phân biệt cho HS phát âm của từ "huí, zǒu". – GV chú ý nếu sử dụng PPT trình chiếu thì mỗi trang là 1 từ mới, hình thức nghe, quan sát tranh và nhắc từ. – GV có thể đưa ra các ngữ cảnh để HS mô phỏng nói theo các câu mẫu. – Chơi trò chơi ghép hình với các từ đã học phía trên để củng cố kiến thức đã học (có thể chia đội hoặc chơi cá nhân). – GV có thể sử dụng hình thức hỏi đáp để sử dụng từ mới đã học: + 你今年几岁? + 谁回家了? + 你爸爸几点下班? + 现在你妈妈下班了吗? (Câu này cũng là ví dụ để kết nối vào phần dạy học từ và cấu trúc ở phía sau.)
5	Dạy – học cấu trúc (phần 2)	– Trước khi bắt đầu dạy cấu trúc (phần 2), GV ôn lại cấu trúc trong phần 1 và chỉ định HS đặt câu. – Trên cơ sở những câu mà học sinh đặt, giáo viên dẫn dắt vào phần giảng dạy cấu trúc "..... 了吗le ma?", trong đó nhấn mạnh là cấu trúc này dùng để hỏi cho câu "..... 了le". GV dẫn đọc các câu ví dụ phía dưới. 1. 弟弟，你饿了吗? 我饿了。 2. 雨停了吗? 雨停了。 – Sau khi luyện mẫu câu đã thành thục, GV dành 3 – 5 phút để HS chuẩn bị làm bài tập sắp xếp ô chữ phía dưới theo trật tự đúng. – Đáp án: 1. 几今年爷爷七十岁了吗? 2. 天黑了吗? 3. 今天天气冷了吗?

Tiết	Nội dung	Hình thức
6	Đọc hội thoại và luyện tập giao tiếp (phần 2)	– GV cho HS nghe phần *Em hãy nghe và nhắc lại*, sau đó sẽ gọi 1 – 2 bạn nhắc lại. – GV lưu ý luyện đọc thanh nhẹ 了 le (HS thường đọc thành thanh 1). – Ở 2 đoạn hội thoại ngắn: + GV cho HS nghe file 2 lần, nhắc lại nội dung trong file (đồng thanh hoặc cá nhân). + GV đọc mẫu và chia nhóm luyện đọc. GV đi từng nhóm kiểm tra ngữ âm, ngữ điệu và điều chỉnh từng nhóm. + GV cho 1 – 3 nhóm đọc to và chỉ định các bạn nhận xét cho nhau, GV kết luận. – Sau mỗi đoạn hội thoại, GV chia nhóm đóng vai nhân vật trong hội thoại, gọi 1 – 2 nhóm lên nói trước lớp.
7	Dạy – học viết chữ Hán đơn giản	– GV giới thiệu các chữ Hán được viết (giới thiệu cấu tạo bởi các nét chữ, các bộ thủ, quy tắc viết...). – GV viết mẫu trên bảng hoặc cho HS xem video thứ tự nét của từng chữ Hán, yêu cầu mỗi chữ Hán viết 1 chữ vào vở tập viết. Trong quá trình viết, GV vừa viết vừa đọc tên nét chữ đang viết (nếu được). GV đi kiểm tra và sửa chữ viết cho HS. – GV tổng hợp các lỗi sai thường gặp trong quá trình viết của HS. – GV hướng dẫn HS làm bài tập số 2. – Đáp án: xià yǔ, tiān hēi, huí jiā 天气、冷、回
8	Luyện tập tổng hợp và củng cố bài học.	Bài 1. Em hãy xem tranh và trả lời câu hỏi. – GV chia cặp (2 HS là một nhóm) HS quan sát các bức tranh, sau đó đọc câu trong mỗi bức tranh, một em hỏi một em trả lời. – Đáp án: 今天二号了。 下雨了。 他们去公园/他们去玩儿。 何芳今年十岁了。
		Bài 2. Em hãy nghe và chọn đáp án đúng. – Giáo viên dành 1 – 2 phút để học sinh đọc qua các câu trả lời. Sau đó bắt đầu mở file nghe để các em nghe. – Đáp án: 1. C 2. B 3. A

Tiết	Nội dung	Hình thức
		Bài 3. Em hãy hoàn thành các câu dưới đây. – GV cần lưu ý ở bài tập này cần điền cả phiên âm và chữ Hán. Động viên học sinh viết chữ Hán để không bị quên từ. – GV bật file nghe, HS điền chữ Hán và phiên âm vào chỗ trống. – Đáp án: 1. le 了 2. tíng 停 3. huí 回
		Bài 4. Em hãy sắp xếp các tranh dưới đây thành một câu chuyện. – GV gợi ý giải thích từ trong những câu. Lưu ý cấu trúc: 下大雨／不冷了. – GV dành cho HS 5 – 7 phút để thảo luận và sắp xếp theo nhóm. Nhóm làm xong nhanh nhất và đúng nhất sẽ được khen thưởng. – Đáp án: 1. 今天星期天。 2. 上午下大雨。 3. 下午雨停了。 4. 天气不冷了。 5. 我们去公园运动。

4.3. Củng cố bài học

STT	Nội dung	Hình thức
1	Củng cố bài học	– GV hỏi lại các chữ, các từ đã học và đã tập viết. – HS nói lại các cấu trúc đã luyện tập. – GV nhắc lại cách nói về sở thích.
2	Gợi ý cho học sinh	– Khuyến khích HS ngoài giờ có thể nói chuyện với người thân về sự thay đổi của thời tiết, của người và sự vật. – Tự nghe lại file nghe từ mới và bài đã học. – Tập viết các chữ Hán đã học.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1. Kết hợp giảng luyện kĩ năng với kiến thức ngôn ngữ

HS vận dụng thành thục mẫu câu ....le 了 và le ma 了吗 vào trong đời sống hằng ngày.

5.2. Kết hợp nội dung trong SGK với thực tế giao tiếp

Sau khi đọc các câu hoặc hội thoại trong bài, cho HS nói tương tự như vậy ngay theo thực tế. Không yêu cầu HS thuộc câu trong bài, chỉ cần biết dùng mẫu câu để nói theo thực tế.

5.3. Kết hợp học tập với giải trí

Khi kiểm tra bài cũ, GV tổ chức các trò chơi tạo hứng thú cho giờ học.

5.4. Kết hợp luyện tập cá nhân với giao lưu nhóm

Với mỗi nội dung đều nên luyện tập cá nhân để GV kịp thời khen ngợi hoặc sửa lỗi cho từng HS. Đồng thời tạo các bài tập nhóm để HS quen với việc hợp tác làm việc chung, hỗ trợ và nhận xét cho nhau, tạo sự thi đua giữa các nhóm. Lưu ý không lập nhóm cố định.

5.5. Kết hợp học tập trên lớp với tự học ở nhà

– Giao các bài tập viết chữ và bài tập sáng tạo (như học hát, vẽ hoặc tô màu chữ Hán trên phiếu GV in cho) để HS có thể dùng thời gian ở nhà để hoàn thành.
– Các bài tập về nhà mang tính giải trí, không tạo áp lực cho HS.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

第十四课：别去看电影，我们去动物园

1. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau khi học xong bài 14, HS biết cách đề nghị người khác đừng/không làm việc gì.

2. TRỌNG TÂM DẠY HỌC

2.1. Kiến thức ngôn ngữ

– Ngữ âm: Phát âm chuẩn các từ ngữ trong bài; Nói đúng ngữ điệu trong các tình huống giao tiếp cụ thể. Chú ý phát âm của từ 动物园、眼睛、兔子、老虎、羊….

– Từ vựng: 别、动物园、兔子、只、双、眼睛、它
还没／还没有、等、鞋、老虎、羊

– Cấu trúc: "别……"; "还没／还没有……呢！"

2.2. Kĩ năng ngôn ngữ

– Nghe – Nói: Nghe hiểu và trả lời được các câu đề nghị của người khác. Biết cách đề nghị người khác đừng hoặc không làm việc gì.

– Đọc: Đọc được các từ, cụm từ, câu trong bài.

– Viết: Viết được các chữ Hán: 还、双、别、眼、睛、等.

3. ĐỒ DÙNG VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC

– Phấn trắng, phấn màu, bảng, PPT, máy chiếu, loa...

– HS dùng vở ô li, bút chì 2B hoặc HB, bút nước mềm/bút gel.

– Phần mềm dạy viết chữ.

4. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP (KÈM THỜI LƯỢNG, NỘI DUNG BÀI GIẢNG VÀ GỢI Ý CÁC HÌNH THỨC GIẢNG LUYỆN)

Tiến trình lên lớp bao gồm các nội dung: Khởi động, Giảng bài mới và Củng cố bài đã học, trong đó nội dung Khởi động và Củng cố bài đã học do giáo viên chủ động thực hiện một cách linh hoạt tuỳ tình hình thực tế của lớp, nội dung và hình thức tổ chức dưới đây chỉ mang tính gợi ý.

4.1. Khởi động

STT	Nội dung	Hình thức
1	Ổn định lớp và ôn tập nội dung đã học ở chủ điểm trước	– GV và HS chào nhau. – GV hỏi HS về một số năng lực của các em như khả năng nghe nói tiếng Hán, viết chữ Hán và HS trả lời. – HS hỏi nhau về thời tiết hôm qua, nhấn mạnh sự thay đổi thời tiết hôm qua và hôm nay để sử dụng từ le 了.
2	Chơi trò chơi	GV chia HS thành những nhóm nhỏ. Các nhóm nhìn slide để trả lời câu hỏi, nhóm nào trả lời nhanh và đúng thì sẽ được điểm.
3	Chuẩn bị vào bài học mới	Sử dụng mẫu câu bié 别 để đề nghị HS đừng làm gì đó: Ví dụ: 别看我，看书。

4.2. Giảng bài mới

Tiết	Nội dung	Hình thức
1	Dạy – học từ ngữ mới (phần 1)	– GV mở file nghe 14/1 (hoặc GV tự đọc), chiếu PPT phần từ ngữ tương ứng và yêu cầu HS đọc theo từng từ. – Với mỗi từ yêu cầu HS nghe, nhìn phiên âm để phát âm chính xác (lần 1, 2), nhìn chữ Hán để nhận mặt chữ (lần 3, 4) và đọc theo. – Có thể đọc cả lớp, nửa lớp, nhóm nhỏ hoặc cá nhân.
2	Dạy – học cấu trúc (phần 1)	– GV viết mẫu câu lên bảng, trong đó phiên âm viết ở trên, chữ Hán ở dưới. Dùng phấn đỏ tô từ bié 别 để nhấn mạnh phần cấu trúc trọng điểm trong bài. Bié kàn! 别看！ – GV dẫn đọc câu ví dụ trên, không dịch sang tiếng Việt để HS tự cảm nhận được cách dùng của bié 别. – GV dẫn đọc 4 câu ví dụ phía dưới. 1. 别说！ 2. 别看！ 3. 别走！ 4. 别吃这个苹果！ – GV có thể đưa ra các ngữ cảnh để HS mô phỏng nói theo các câu mẫu.

Tiết	Nội dung	Hình thức
		– Sau khi luyện mẫu câu đã thành thục, GV dành 3 – 5 phút để HS chuẩn bị làm bài tập sắp xếp ô chữ phía dưới theo trật tự đúng. – Đáp án: 1. 别喝这杯奶茶! 2. 别买这件衣服! 3. 别去看电影!
3	Đọc hội thoại và luyện tập giao tiếp (phần 1)	– GV cho HS nghe phần *Em hãy nghe và nhắc lại*, sau đó sẽ gọi 1 – 2 bạn nhắc lại. – Ở 2 đoạn hội thoại ngắn: + GV cho HS nghe 2 lần, nhắc lại nội dung trong file nghe (đồng thanh hoặc cá nhân). + GV đọc mẫu và chia nhóm (4 – 5 HS/nhóm) luyện đọc. GV đi từng nhóm kiểm tra ngữ âm, ngữ điệu và điều chỉnh từng nhóm. Chú ý cách đọc của các cụm từ, câu sau: 去看电影 去动物园 喜欢小兔子 很可爱 都很可爱 + GV cho 1 – 3 nhóm đọc to và cho các bạn nhận xét cho nhau, GV kết luận. Chú ý ngữ điệu tự nhiên của từng HS. – Sau mỗi đoạn hội thoại, GV chia nhóm đóng vai nhân vật trong hội thoại, gọi 1 – 2 nhóm lên nói trước lớp. – Nếu còn thời gian cho HS hội thoại theo nhóm 2 người khuyên nhau đừng/không làm việc gì.
4	Dạy – học từ ngữ mới (phần 2)	– GV mở file nghe 14/4 (hoặc GV tự đọc), chiếu PPT phần từ ngữ tương ứng và yêu cầu HS đọc theo từng từ. – Với mỗi từ yêu cầu HS nghe, nhìn phiên âm để phát âm chính xác (lần 1, 2), sau đó nhìn chữ Hán để nhận mặt chữ (lần 3, 4) và đọc theo. – Có thể đọc cả lớp, nửa lớp, nhóm nhỏ hoặc cá nhân. – GV chú ý nếu sử dụng PPT trình chiếu thì mỗi trang là 1 từ mới, hình thức nghe, quan sát tranh và nhắc từ. – Chơi trò chơi ghép hình với các từ đã học phía trên để củng cố kiến thức đã học (có thể chia đội hoặc chơi cá nhân).

Tiết	Nội dung	Hình thức
5	Dạy – học cấu trúc (phần 2)	– Trước khi bắt đầu dạy cấu trúc (phần 2), GV ôn lại cấu trúc trong phần 2 bài 13 và chỉ định HS đặt câu. Ví dụ: 他十岁了吗? 天黑了吗? – Đối với những câu hỏi như vậy, học sinh sẽ có thể trả lời khẳng định bằng cách sử dụng le 了 như: 他十岁了。 天黑了。 – Tuy nhiên, khi đó sẽ có những học sinh muốn sử dụng dạng thức phủ định để trả lời. Như vậy GV có thể dẫn dắt vào phần câu phủ định có sử dụng cấu trúc "hái méiyǒu ... ne! 还没有 ... 呢！" – GV dẫn đọc các câu ví dụ phía dưới. 1. 雨还没有停呢! 2. 老师还没有回家呢。 3. 我还没上课呢! 4. 爸爸还没下班呢! – Sau khi luyện mẫu câu đã thành thục, GV dành 3-5 phút để HS chuẩn bị làm bài tập sắp xếp ô chữ phía dưới theo trật tự đúng. – Đáp án: 1. 天还没有黑呢。 2. 我还没吃午饭呢。 3. 我还没学这个汉字呢。
6	Đọc hội thoại và luyện tập giao tiếp (phần 2)	– GV cho HS nghe phần *Em hãy nghe và nhắc lại*, sau đó sẽ gọi 1 – 2 bạn nhắc lại. – Ở 2 đoạn hội thoại ngắn: + GV cho HS nghe file 2 lần, nhắc lại nội dung trong file (đồng thanh hoặc cá nhân). + GV đọc mẫu và chia nhóm luyện đọc. GV đi từng nhóm kiểm tra ngữ âm, ngữ điệu và điều chỉnh từng nhóm. + GV cho 1 – 3 nhóm đọc to và cho các bạn nhận xét cho nhau, GV kết luận. Sau mỗi đoạn hội thoại, GV chia nhóm đóng vai nhân vật trong hội thoại, gọi 1 – 2 nhóm lên nói trước lớp.

Tiết	Nội dung	Hình thức
7	Dạy – học viết chữ Hán đơn giản	– GV giới thiệu các chữ Hán được viết (giới thiệu cấu tạo bởi các nét chữ, các bộ thủ, quy tắc viết...) – GV viết mẫu trên bảng hoặc cho HS xem video thứ tự nét của từng chữ Hán, yêu cầu mỗi chữ Hán viết 1 chữ vào vở tập viết. Trong quá trình viết, GV vừa viết vừa đọc tên nét chữ đang viết (nếu được). GV đi kiểm tra và sửa chữ viết cho HS. – GV đặc biệt lưu ý quy tắc viết của chữ 还, 双, 别, 眼, 睛 và 等. – GV tổng hợp các lỗi sai thường gặp trong quá trình viết của HS. – GV hướng dẫn HS làm bài tập số 2. – Đáp án: 1. tùzi 2. yì shuāng xié 3. è 4. 回家 5. 别 6. 眼睛
8	Luyện tập tổng hợp và củng cố bài học	Bài 1. Em hãy xem tranh và trả lời câu hỏi. – GV chia cặp (2 HS là một nhóm) HS quan sát các bức tranh, sau đó đọc câu trong mỗi bức tranh, một em hỏi một em trả lời. – Đáp án: 1. 他们看兔子。 2. 兔子的眼睛很大/很漂亮/很可爱。 3. 雨还没有停呢。 4. 他买一双鞋。 Bài 2. Em hãy nghe và chọn đáp án đúng. – Giáo viên dành 1 – 2 phút để học sinh đọc qua các câu trả lời. Sau đó bắt đầu mở file nghe để các em nghe. – Đáp án: 1. A 2. B 3. A Bài 3. Em hãy nói theo mẫu. – Mỗi mẫu câu có từ in đậm, GV cho HS mô phỏng theo từ in đậm để mở rộng câu. Bài 4. Em hãy hoàn thành các câu dưới đây. – GV cần lưu ý ở bài tập này cần điền cả phiên âm và chữ Hán. Động viên học sinh viết chữ Hán để không bị quên từ. – GV bật file nghe, HS điền chữ Hán và phiên âm của nó vào chỗ trống.

Tiết	Nội dung	Hình thức
		Đáp án: 1. yǔ 雨 2. zǒu 走 3. yǎnjing 眼睛

4.3. Củng cố bài học

STT	Nội dung	Hình thức
1	Củng cố bài học	– GV hỏi lại các chữ, các từ đã học và đã tập viết. – HS nói lại các cấu trúc đã luyện tập. – GV nhắc lại cách nói về sở thích.
2	Gợi ý cho học sinh	– Khuyến khích HS ngoài giờ có thể nói chuyện với người thân về sự thay đổi của thời tiết, của người và sự vật. – Tự nghe lại file nghe từ mới và bài đã học. – Tập viết các chữ Hán đã học.

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1 Kết hợp giảng luyện kĩ năng với kiến thức ngôn ngữ

HS vận dụng thành thục mẫu câu ....bié 别 và hái méiyǒu...ne 还没有.....呢 vào trong đời sống hằng ngày.

5.2. Kết hợp nội dung trong SGK với thực tế giao tiếp

Sau khi đọc các câu hoặc hội thoại trong bài, cho HS nói tương tự như vậy ngay theo thực tế. Không yêu cầu HS thuộc câu trong bài, chỉ cần biết dùng mẫu câu để nói theo thực tế.

5.3. Kết hợp học tập với giải trí

Khi kiểm tra bài cũ, GV tổ chức các trò chơi tạo hứng thú cho giờ học.

5.4. Kết hợp luyện tập cá nhân với giao lưu nhóm

Với mỗi nội dung đều nên luyện tập cá nhân để GV kịp thời khen ngợi hoặc sửa lỗi cho từng HS. Đồng thời tạo các bài tập nhóm để HS quen với việc hợp tác làm việc chung, hỗ trợ và nhận xét cho nhau, tạo sự thi đua giữa các nhóm. Lưu ý không lập nhóm cố định.

5.5. Kết hợp học tập trên lớp với tự học ở nhà

– Giao các bài tập viết chữ và bài tập sáng tạo (như học hát, vẽ hoặc tô màu chữ Hán trên phiếu GV in cho) để HS có thể dùng thời gian ở nhà để hoàn thành.
– Các bài tập về nhà mang tính giải trí, không tạo áp lực cho HS.

第十五课：你喜欢小猫还是小狗

1. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau khi học xong bài 15, HS biết cách hỏi về sự lựa chọn của người khác.

2. TRỌNG TÂM DẠY HỌC

2.1. Kiến thức ngôn ngữ

– Ngữ âm: Phát âm chuẩn các từ ngữ trong bài; Nói đúng ngữ điệu trong các tình huống giao tiếp cụ thể. Chú ý cách phát âm của từ 茶、咖啡.

– Từ vựng: 还是、狗、猫、茶、咖啡

越南、菜、中国、河内、北京

– Cấu trúc: "……还是……"; "……和……，都……"

2.2. Kĩ năng ngôn ngữ

– Nghe – Nói: Nghe hiểu và trả lời được các câu hỏi về sự lựa chọn, đồng thời biểu đạt một cách đơn giản lí do tại sao mình lựa chọn như vậy.

– Đọc: Đọc được các từ, cụm từ, câu trong bài.

– Viết: Viết được các chữ Hán: 是、国、河、内、北、京.

3. ĐỒ DÙNG VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC

– Phấn trắng, phấn màu, bảng, PPT, máy chiếu, loa...

– HS dùng vở ô li, bút chì 2B hoặc HB, bút nước mềm/bút gel.

– Phần mềm dạy viết chữ.

4. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP (KÈM THỜI LƯỢNG, NỘI DUNG BÀI GIẢNG VÀ GỢI Ý CÁC HÌNH THỨC GIẢNG LUYỆN)

Tiến trình lên lớp bao gồm các nội dung: Khởi động, Giảng bài mới và Củng cố bài đã học, trong đó nội dung Khởi động và Củng cố bài đã học do giáo viên chủ động thực hiện một cách linh hoạt tuỳ tình hình thực tế của lớp, nội dung và hình thức tổ chức dưới đây chỉ mang tính gợi ý.

4.1. Khởi động

STT	Nội dung	Hình thức
1	Ổn định lớp và ôn tập nội dung đã học ở chủ điểm trước.	– GV và HS chào nhau. – GV hỏi HS về một số lựa chọn và học sinh trả lời. – HS hỏi nhau về một số lựa chọn như thích tiếng Hán hay tiếng Anh, thích xem phim Trung Quốc hay Mĩ…..
2	Chơi trò chơi	GV chia HS thành những nhóm nhỏ. Các nhóm tìm tên các đồ ăn, đồ uống mà mình đã học trước đó.
3	Chuẩn bị vào bài học mới	Sử dụng mẫu câu 还是 để hỏi về một số lựa chọn. Ví dụ: 你喜欢什么颜色？红色还是白色？ 你喜欢谁？他还是我？

4.2. Giảng bài mới

Tiết	Nội dung	Hình thức
1	Dạy – học từ ngữ mới (phần 1)	– GV mở file nghe 15/1 (hoặc GV tự đọc), chiếu PPT phần từ ngữ tương ứng và yêu cầu HS đọc theo từng từ. – Với mỗi từ yêu cầu HS nghe, nhìn phiên âm để phát âm chính xác (lần 1, 2) và nhìn chữ Hán để nhận mặt chữ (lần 3, 4) và đọc theo. – Có thể đọc cả lớp, nửa lớp, nhóm nhỏ hoặc cá nhân. – GV lưu ý phân biệt cho HS phát âm của từ "茶、咖啡", nhấn mạnh cách đọc của âm bật hơi ch, k. – Sử dụng cách ghép từ để HS cùng luyện từ mới: 狗还是猫／茶还是咖啡 – Mở rộng các từ đã học để kết hợp với từ mới: 学生还是老师／你还是我
2	Dạy – học cấu trúc (phần 1)	– GV viết mẫu câu lên bảng, trong đó phiên âm viết ở trên, chữ Hán ở dưới. Dùng phấn đỏ tô từ háishì 还是 để nhấn mạnh phần cấu trúc trọng điểm trong bài. 你买书还是买笔? – GV dẫn đọc câu ví dụ trên, không dịch sang tiếng Việt để HS tự cảm nhận được cách dùng của háishì 还是. – GV dẫn đọc 4 câu ví dụ phía dưới. 1. 你吃包子还是面包? 2. 你喝牛奶还是果汁? 3. 河芳喜欢小猫还是小狗? 4. 这是你的书还是老师的书?

Tiết	Nội dung	Hình thức
		– GV có thể đưa ra ngữ cảnh để HS mô phỏng nói theo các câu mẫu. – Sau khi luyện mẫu câu đã thành thục, GV dành 3-5 phút để HS chuẩn bị làm bài tập sắp xếp ô chữ phía dưới theo trật tự đúng. – Đáp án: 1. 这是你的老师还是他的老师？ / 这是他的老师还是你的老师？ 2. 你喜欢红色还是蓝色？ / 你喜欢蓝色还是红色？ 3. 你喝牛奶还是果汁？ / 你喝果汁还是牛奶？
3	Đọc hội thoại và luyện tập giao tiếp (phần 1)	– GV cho HS nghe phần *Em hãy nghe và nhắc lại*, sau đó sẽ gọi 1 – 2 bạn nhắc lại. – Ở 2 đoạn hội thoại ngắn: + GV cho HS nghe 2 lần, nhắc lại nội dung trong file nghe (đồng thanh hoặc cá nhân). + GV đọc mẫu và chia nhóm (4 – 5 HS/nhóm) luyện đọc. GV đi từng nhóm kiểm tra ngữ âm, ngữ điệu và chỉnh phát âm. + GV cho 1 – 3 nhóm đọc to và cho các bạn nhận xét cho nhau, GV kết luận. Chú ý ngữ điệu tự nhiên của từng HS. – Sau mỗi đoạn hội thoại, GV chia nhóm đóng vai nhân vật trong hội thoại, gọi 1 – 2 nhóm lên nói trước lớp. – Nếu còn thời gian cho HS hội thoại bằng cách đặt câu hỏi lựa chọn A hay B.
4	Dạy – học từ ngữ mới (phần 2)	– GV mở file nghe 15/4 (hoặc GV tự đọc), chiếu PPT phần từ ngữ tương ứng và yêu cầu HS đọc theo từng từ. – Với mỗi từ yêu cầu HS nghe, nhìn phiên âm để phát âm chính xác (lần 1, 2), sau đó nhìn chữ Hán để nhận mặt chữ (lần 3, 4) và đọc theo. – Có thể đọc cả lớp, nửa lớp, nhóm nhỏ hoặc cá nhân. – GV lưu ý phân biệt cho HS phát âm của từ "cài 菜", trong đó nhấn mạnh thanh mẫu c, phân biệt với tiếng Việt để học sinh tránh đọc nhầm. – GV chú ý nếu sử dụng PPT trình chiếu thì mỗi trang là 1 từ mới, hình thức nghe, quan sát tranh và nhắc từ. – Chơi trò chơi ghép hình với các từ đã học phía trên để củng cố kiến thức đã học (có thể chia đội hoặc chơi cá nhân).

Tiết	Nội dung	Hình thức
5	Dạy – học cấu trúc (phần 2)	– Trước khi bắt đầu dạy cấu trúc (phần 2), GV ôn lại cấu trúc trong phần 1 bài 15 và chỉ định HS đặt câu. Ví dụ: 你喜欢吃中国菜还是越南菜? 你喜欢兔子还是小羊? – Đối với những câu hỏi này, ta chỉ trả lời thích A hay B, nhưng nếu trong trường hợp thích cả A và B thì sẽ cần phải sử dụng cấu trúc mới. Khi đó giáo viên sẽ dẫn dắt học sinh trả lời như sau: A 和 B，都… 中国菜和越南菜，我都喜欢。 兔子和小样，我都喜欢。 – GV dẫn đọc các câu ví dụ phía dưới. 1. 越南菜和中国菜，我都喜欢。 2. 河内和北京都很漂亮。 3. 蓝色和红色，我都喜欢。 – Sau khi luyện mẫu câu đã thành thục, GV dành 3-5 phút để HS chuẩn bị làm bài tập sắp xếp ô chữ phía dưới theo trật tự đúng. – Đáp án: 1. 草莓和苹果都好吃。／苹果和草莓都好吃。 2. 小猫和小狗都很可爱。／小狗和小猫都很可爱。 3. 今天和明天我都去学校。／明天和今天我都去学校。
6	Đọc hội thoại và luyện tập giao tiếp (phần 2)	– GV cho HS nghe phần *Em hãy nghe và nhắc lại*, sau đó sẽ gọi 1 – 2 bạn nhắc lại. – Ở 2 đoạn hội thoại ngắn: + GV cho HS nghe file 2 lần, nhắc lại nội dung trong file (đồng thanh hoặc cá nhân). + GV đọc mẫu và chia nhóm luyện đọc. GV đi từng nhóm kiểm tra ngữ âm, ngữ điệu và điều chỉnh từng nhóm. + GV cho 1 – 3 nhóm đọc to và cho các bạn nhận xét cho nhau, GV kết luận. Sau mỗi đoạn hội thoại, GV chia nhóm đóng vai nhân vật trong hội thoại, gọi 1 – 2 nhóm lên nói trước lớp.
7	Dạy – học viết chữ Hán đơn giản	– GV giới thiệu các chữ Hán được viết (giới thiệu cấu tạo bởi các nét chữ, các bộ thủ, quy tắc viết...) – GV viết mẫu trên bảng hoặc cho HS xem video thứ tự nét của từng chữ Hán, yêu cầu mỗi chữ Hán viết 1 chữ vào vở tập viết. Trong quá trình viết, vừa viết vừa đọc tên nét chữ đang viết (nếu được). GV đi kiểm tra và sửa chữ viết cho HS.

Tiết	Nội dung	Hình thức
		– GV tổng hợp các lỗi sai thường gặp trong quá trình viết của HS. – GV hướng dẫn HS làm bài tập số 2. – Đáp án: 1. Běijīng 2. Yuènán 3. cài 4. 还是 5. 中国 6. 河内
8	Luyện tập tổng hợp và củng cố bài học.	Bài 1. Em hãy xem tranh và trả lời câu hỏi. – GV chia cặp (2 HS là một nhóm) HS quan sát các bức tranh, sau đó đọc câu trong mỗi bức tranh, một em hỏi một em trả lời. – Đáp án: 1. 这是越南菜。 2. 包子和面包，明英都喜欢。 3. 我喜欢小狗。 4. 宝玉喜欢红色。 Bài 2. Em hãy nghe và chọn đáp án đúng. – Giáo viên dành 1 – 2 phút để học sinh đọc qua các câu trả lời. Sau đó bắt đầu mở file nghe để các em nghe. – Đáp án: 1. B 2. B 3. A Bài 3. Em hãy hoàn thành các câu dưới đây. – GV cần lưu ý ở bài tập này cần điền cả phiên âm và chữ Hán. Động viên học sinh viết chữ Hán để không bị quên từ. – GV bật file nghe, HS điền chữ Hán và phiên âm của nó vào chỗ trống. – Đáp án: 1. dōu都 2. hé和 3. háishì还是 Bài 4. Em hãy xem tranh và cùng bạn hỏi đáp theo mẫu. – Các câu phía dưới đều có hai sự lựa chọn A và B. Mỗi nhóm 2 học sinh sẽ cùng hỏi – đáp với các mẫu câu trên. + A: 你喜欢牛奶还是果汁? B: 牛奶和果汁我都喜欢。 + A: 你喜欢蓝色还是红色? B: 蓝色和红色我都喜欢。 + A: 你喜欢越南菜还是中国菜? B: 越南菜和中国菜我都喜欢。

4.3. Củng cố bài học

STT	Nội dung	Hình thức
1	Củng cố bài học	– GV hỏi lại các chữ, các từ đã học và đã tập viết. – HS nói lại các cấu trúc đã luyện tập. – GV nhắc lại cách nói về sở thích.
2	Gợi ý cho học sinh	– Khuyến khích HS ngoài giờ có thể nói chuyện với người thân/ bạn bè về cấu trúc đã học. – Tự nghe lại file nghe từ mới và bài đã học. – Tập viết các chữ Hán đã học.

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1. Kết hợp giảng luyện kĩ năng với kiến thức ngôn ngữ

HS vận dụng thành thục mẫu câu "....还是……" và "A和B，都……" vào trong đời sống hằng ngày.

5.2. Kết hợp nội dung trong SGK với thực tế giao tiếp

Sau khi đọc các câu hoặc hội thoại trong bài, cho HS nói tương tự như vậy ngay theo thực tế. Không yêu cầu HS thuộc câu trong bài, chỉ cần biết dùng mẫu câu để nói theo thực tế.

5.3 Kết hợp học tập với giải trí

Khi kiểm tra bài cũ, GV tạo các trò chơi tạo hứng thú cho giờ học.

5.4. Kết hợp luyện tập cá nhân với giao lưu nhóm

Với mỗi nội dung đều nên luyện tập cá nhân để GV kịp thời khen ngợi hoặc sửa lỗi cho từng HS. Đồng thời tạo các bài tập nhóm để HS quen với việc hợp tác làm việc chung, hỗ trợ và nhận xét cho nhau, tạo sự thi đua giữa các nhóm. Lưu ý không lập nhóm cố định.

5.5. Kết hợp học tập trên lớp với tự học ở nhà

– Giao các bài tập viết chữ và bài tập sáng tạo (như học hát, vẽ hoặc tô màu chữ Hán trên phiếu GV in cho) để HS có thể dùng thời gian ở nhà để hoàn thành.

– Các bài tập về nhà mang tính giải trí, không tạo áp lực cho HS.

第十六课：复习（四）

1. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau khi học xong bài 16, HS có thể: (1) Ghi nhớ nghĩa, cách dùng của các từ ngữ và các cấu trúc từ bài 13 đến bài 15; (2) Hiểu và nhớ được nội dung của các bài hội thoại, các mẫu câu.

2. TRỌNG TÂM DẠY HỌC

2.1. Kiến thức ngôn ngữ:

– Ngữ âm: Luyện phát âm từ, cụm từ, câu ngắn.
– Từ vựng: Ôn tập lại các từ vựng trong chủ điểm.
– Cấu trúc: Ôn tập các cấu trúc "……了。"; "……了吗？", "别……"; "还没有……呢！"; "……还是……"; "……和……，都……".

2.2. Kĩ năng ngôn ngữ:

– Nghe – Nói: Nghe hiểu các câu nói miêu tả sự thay đổi của thời tiết, của con người hay là sự vật xung quanh mình; khuyên và phản hồi lại lời khuyên của người khác; đưa ra sự lựa chọn cũng như cách hỏi về sự lựa chọn của người khác.
– Đọc: Đọc được các từ, cụm từ, câu trong bài.
– Viết: Viết được các chữ Hán được yêu cầu.

2.3. Văn hoá và văn hoá giao tiếp:

Sau bài học, biết sử dụng cách miêu tả sự thay đổi của thời tiết, của con người hay là sự vật xung quanh mình; khuyên và phản hồi lại lời khuyên của người khác; đưa ra sự lựa chọn cũng như cách hỏi về sự lựa chọn của người khác.

3. ĐỒ DÙNG VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC

– Phần mềm dạy viết chữ.
– Phấn, bảng, PPT, máy chiếu.
– Học sinh dùng vở ô li, bút chì, bút máy.

4. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP (KÈM THỜI LƯỢNG, NỘI DUNG BÀI GIẢNG VÀ GỢI Ý CÁC HÌNH THỨC GIẢNG LUYỆN)

Tiến trình lên lớp bao gồm các nội dung: Khởi động, Giảng bài mới và Củng cố bài đã học, trong đó nội dung Khởi động và Củng cố bài đã học do giáo viên chủ động thực hiện một cách linh hoạt tuỳ tình hình thực tế của lớp, nội dung và hình thức tổ chức dưới đây chỉ mang tính gợi ý.

4.1. Khởi động

STT	Nội dung	Hình thức
1	Khởi động	– Hát theo nhạc. – GV mở nhạc bài hát tiếng Trung Quốc, cả lớp hát theo nhạc. (Bài hát sẽ được giáo viên lựa chọn cho phù hợp với tình hình, đặc điểm chung của cả lớp.)

4.2. Giảng bài mới

Tiết	Nội dung	Hình thức
1+2+3+4	Ôn tập ngữ âm	Bài 1. Em hãy nghe và chọn âm nghe được. – GV chia nhóm HS (4 – 5 bạn/nhóm) nghe mỗi từ 2 – 3 lần và ghi đáp án ra bảng. – GV mở lại file nghe chữa bài, nhận xét những đáp án đúng, phân tích lỗi của những đáp án sai để HS cùng rút kinh nghiệm. GV tính điểm cho từng đội. Đáp án: 1. yǎnjing 2. tiānqì 3. huí jiā 4. xiǎo yáng 5. tùzi 6. xià yǔ
		Bài 2. Em hãy nghe và viết phiên âm các chữ Hán dưới đây. – GV vẫn chia nhóm HS (4 – 5 bạn/nhóm) như trước, nghe mỗi từ 2 – 3 lần và ghi đáp án ra bảng. – GV mở lại file nghe chữa bài, nhận xét những đáp án đúng, phân tích lỗi của những đáp án sai để HS cùng rút kinh nghiệm. GV tính điểm cho từng nhóm. Đáp án: 1. shuāng 2. yīng 3. lěng 4. gǒu 5. cài
		Bài 3. Em hãy nghe và viết phiên âm để hoàn thành hội thoại dưới đây. – GV chia nhóm HS (4 – 5 bạn/nhóm) yêu cầu điền đúng phiên âm và ghi đáp án ra bảng. – GV nhận xét những đáp án đúng, phân tích lỗi của những đáp án sai để HS cùng rút kinh nghiệm. GV tính điểm cho từng đội. – GV yêu cầu các đội luyện đọc hội thoại với nhau. GV và HS đội còn lại nhận xét và tính điểm. Đội nào đọc trôi chảy, lưu loát sẽ được số điểm tương ứng với số câu đọc đúng.

Tiết	Nội dung	Hình thức
		– GV tổng kết số điểm các đội đạt được trong phần ngữ âm và phát phần thưởng. – Đáp án: 1. shū/ shū 2. Zhōngwén / Zhōngwén 3. tíng / tíng 4. huí / huí 5. lěng / lěng – Sau khi hoàn thành xong bài điền phiên âm vào hội thoại, mỗi nhóm 2 bạn tiến hành hỏi – đáp về các câu thoại theo 05 đoạn hội thoại ngắn nêu trên.
5+6+7	Ôn tập chữ Hán	Bài 4. Em hãy xem tranh viết chữ Hán tương ứng. – GV cho HS quan sát tranh và phiên âm. – GV có thể gợi ý cho HS bằng cách đưa ra một số chữ Hán cho HS nhận biết và viết lại. – Đáp án: 1. 走 2. 雨 3. 别 4. 眼睛 5. 等
		Bài 5. Em hãy đếm số nét của các chữ Hán dưới đây. – GV chia nhóm, qui định thời gian xem nhóm nào có đáp án nhanh nhất. – GV có thể gợi ý cho HS bằng phương pháp chọn trắc nghiệm. – Đáp án 1. 只-5 nét 2. 猫-11 nét 3. 爱-10 nét 4. 会-6 nét 5. 双-4 nét – GV tổng hợp điểm các nhóm và khen thưởng.
6	Dạy – học viết chữ Hán đơn giản	Bài 6. Em hãy tập viết các chữ Hán dưới đây. – GV viết mẫu trên bảng hoặc cho HS xem video thứ tự nét của các chữ Hán 天、它、羊、茶、越、 南, yêu cầu mỗi chữ Hán viết 1 chữ vào vở tập viết. Trong quá trình viết, vừa viết vừa đọc tên nét chữ đang viết (nếu được). GV đi kiểm tra và sửa chữ viết cho HS. – GV tổng hợp các lỗi sai thường gặp trong quá trình viết của HS.
		Bài 7. Em hãy xem tranh và dùng từ ngữ cho sẵn để viết câu hoàn chỉnh. – HS quan sát hình và từ ngữ đã cho, hiểu ý nghĩa của các từ này, sau đó sẽ viết câu.

Tiết	Nội dung	Hình thức
7	Viết câu	– GV có thể gợi ý mẫu cho HS, hoặc đưa ra thêm nhiều hình ảnh liên quan đến từ. Ví dụ: – Hình 1 chữ bié 别 và một bạn nhỏ đang ngăn người khác đi, HS có thể viết được 1 số câu như: • 你别走! • 你别去学校!
8	Luyện nói	Bài 8. Em hãy dùng các từ ngữ gợi ý dưới đây để giới thiệu về con vật mà em yêu thích. – GV giải thích qua nghĩa các từ trong bài mà HS cần sử dụng. – GV hướng dẫn HS hoàn thiện bài viết giới thiệu một con vật em yêu thích có sử dụng các từ, cụm từ cho sẵn. – HS luyện nói trước, sau đó luyện viết vào vở (tuỳ theo năng lực cá nhân HS có thể viết phiên âm hoặc chữ Hán). – Sau khi viết hoàn chỉnh, HS có thể thuật lại/nói lại cho các bạn cùng nghe.
	Giới thiệu về văn hoá Trung Quốc	– GV giới thiệu ý nghĩa màu sắc trong tiếng Trung Quốc. – GV có thể tìm tư liệu về ý nghĩa màu sắc trong tiếng Trung Quốc trên internet cho HS xem. – Sau khi nghe giới thiệu ý nghĩa của màu đỏ, GV yêu cầu HS chia nhóm, tìm hiểu và giới thiệu về các màu sắc khác trong tiếng Trung Quốc mà các em biết (có thể tham khảo trên mạng).

4.3. Củng cố bài học

STT	Nội dung	Hình thức
1	Củng cố bài học	– GV tổng hợp các cách giao tiếp trong chủ điểm 4. – GV tổng hợp đóng khung các cấu trúc, HS ghi nhớ.
2	Gợi ý cho học sinh	– Khuyến khích HS ngoài giờ, về nhà luyện tập các cấu trúc đã học. – Tập viết các chữ Hán đã học. – Luyện lại các bài hát đã học

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1 Kết hợp giảng luyện các kĩ năng

Nghe và chọn phiên âm, kết hợp luyện đọc để củng cố nội dung kiến thức ngữ âm của chủ điểm 4. Kĩ năng nghe, nói được kết hợp trong bài chơi trò chơi, rèn luyện phản xạ cho HS.

5.2. Kết hợp nội dung trong SGK với thực tế giao tiếp trong lớp học giữa học sinh và thầy cô

HS nói thực hành giao tiếp thực tế ngay với những nội dung kiến thức của chủ điểm.

5.3. Kết hợp học tập với giải trí

– Chơi trò chơi để luyện tập các cấu trúc, cách nói đã học trong chủ điểm.

– Có các hình thức thi đua, trao thưởng để khích lệ HS hăng hái tham gia.

5.4. Kết hợp luyện tập cá nhân với giao lưu nhóm

Với mỗi nội dung đều nên luyện tập cá nhân để GV kịp thời khen ngợi hoặc sửa lỗi cho từng HS. Đồng thời tạo các bài tập nhóm để HS quen với việc hợp tác làm việc chung, hỗ trợ và nhận xét cho nhau, tạo sự thi đua giữa các nhóm. Lưu ý không lập nhóm cố định.

5.5. Kết hợp học tập trên lớp với tự học ở nhà

– Giao các bài tập viết chữ và bài tập sáng tạo (như học hát, vẽ hoặc tô màu chữ Hán trên phiếu GV in cho) để HS có thể dùng thời gian ở nhà để hoàn thành.

– Các bài tập về nhà mang tính giải trí, không tạo áp lực cho HS.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

PHẦN III:
MẪU ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ

Kĩ năng	Nhiệm vụ đánh giá/ kiến thức cần đánh giá	Mức/ điểm			Tổng số câu, số điểm, tỉ lệ (%)
		M1	M2	M3	
Nghe hiểu	Nghe và tích ✓ hoặc ×	2 0,5	2 0,5		16 câu 4,0 điểm, (40%)
	Nghe và nối	2 0,5	2 0,5		
	Nghe và chọn A, B hoặc C	2 0,5	1 0,25	1 0,25	
	Nghe và hoàn thành đoạn văn/ đối thoại	2 0,5	1 0,25	1 0,25	
Đọc hiểu	Nhìn, đọc và tích ✓ hoặc ×	3 0,75	1 0,25		8 câu 2,0 điểm, (20%)
	Đọc và chọn đáp áp đúng	2 0,5	1 0,25	1 0,25	
Viết	Viết phiên âm/ chữ Hán	2 0,5	1 0,25	1 0,25	8 câu 2,0 điểm, (20%)
	Sắp xếp từ ngữ theo trật tự đúng	2 0,5	1 0,25	1 0,25	
Nói	Chào hỏi/ làm quen	1 0,25	1 0,25		8 câu 2,0 điểm, (20%)
	Nói câu / trả lời câu hỏi	2 0,5	1 0,25	1 0,25	
	Nhìn tranh nói câu/ từ			2 0,5	
Tổng	Số câu Số điểm	**20** **5**	**12** **3**	**8** **2**	**40** **10**

PHÒNG GDĐT.....
TRƯỜNG TIỂU HỌC.....

ĐỀ MINH HOẠ

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I
NĂM HỌC: 202... – 202...
MÔN: TIẾNG TRUNG QUỐC 3
Thời gian: 35 phút (cho các phần A, B, C)
(không tính thời gian giao đề)

Họ và tên: ..... Lớp:.....

Điểm	Nhận xét của giáo viên

A. PHẦN NGHE HIỂU (4.0 ĐIỂM)

I. Nghe và đánh dấu đúng ✓ hoặc dấu sai × vào ô. (1,0 điểm)



1. ☐



2. ☐



3. ☐



4. ☐

II. Nghe và nối bức tranh mà em nghe được. (1,0 điểm)

1.  Minh Anh

A. 生日



2.  Trần Nam

B. 数学课很有意思



3.  Bảo Ngọc

C. 去朋友家玩儿



4.  Quốc An

D. 会说英语



III. Nghe và chọn đáp án đúng. (1,0 điểm)

1. 我去看_____。

A. 衣服　　B. 苹果　　C. 电影

2. _____是食堂。

A. 右边　　B. 左边　　C. 前边

3. 我们班有_____个学生。

A. 十五　　B. 二十五　　C. 三十五

4. 你看，我买的这本_____怎么样？

A. 树　　B. 书　　C. 数

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

IV. Nghe và hoàn thành đoạn văn (ghi phiên âm). (1,0 điểm)

Wǒ de péngyou (1)_____ Zhāng Héfāng, jīnnián jiǔ suì. Tā xǐhuan xuéxí Zhōngwén hé měishù, yě xǐhuan (2)_____ xuéxiào de shítáng chī wǔfàn. Tā shuō, Zhōngwén kè hé měishù kè dōu hěn (3)_____, shítáng de fàn yě hěn (4)_____.

B. PHẦN ĐỌC HIỂU (2.0 ĐIỂM)

I. Nhìn, đọc và đánh dấu ✓ vào câu đúng hoặc × vào câu sai. (1,0 điểm)

☐ 	☐ 	☐ 	☐ 
1. 他们喜欢运动。	2. 前边是公园。	3. 他会写汉字。	4. 今天他们去图书馆看书。

II. Đọc và chọn câu trả lời đúng. (1.0 điểm)

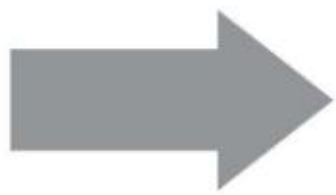
Ví dụ:

0. 这是你的书包吗？ **E**

1. 明天是星期六吗？		A. 我们的教室不大。
2. 她喜欢学习什么？		B. 不是，明天是星期五。
3. 我们的教室很大，你们的教室怎么样？		C. 是，他是我们班的美术老师。
4. 他是不是你们班的美术老师？		D. 她喜欢学习数学。
		E. 不是，是陈南的书包。

C. PHẦN VIẾT (2,0 ĐIỂM)

I. Xem tranh, viết phiên âm hoặc chữ Hán tương ứng. (1,0 điểm)

			
1. 书店 _____	2. 右边 _____	3. huāyuán _____	4. kě'ài _____

II. Sắp xếp các từ ngữ theo trật tự đúng. (1,0 điểm)

1. 我 / 这是 / 学校 / 的

→ _____

2. 是 / 前边 / 我们的 / 教室

→ _____

3. 中文 / 吗 / 说 / 你爸爸 / 会

→ _____

4. 八点半 / 老师家 / 明天 / 去 / 我们

→ _____

D. PHẦN NÓI (2,0 ĐIỂM) (thi vào buổi thi riêng)

I. Chào hỏi. (0,5 điểm)

1. 你好!
2. 你叫什么名字?

II. Trả lời câu hỏi. (1,0 điểm)

1. 今天几号?
2. 你的生日是几月几号?
3. 星期四你有什么课?
4. 星期日你做什么?

III. Nhìn tranh nói câu. (0,5 điểm)



1.



2.

----------HẾT----------

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

PHÒNG GDĐT.....
TRƯỜNG TIỂU HỌC.....

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I
NĂM HỌC: 202... – 202...
MÔN: TIẾNG TRUNG QUỐC 4

A. PHẦN NGHE HIỂU (4.0 ĐIỂM)

I. Nghe và đánh dấu đúng ✓ hoặc dấu sai × vào ô. (1,0 điểm)

Mỗi câu đúng 0,25 điểm

Nội dung ghi âm:

1. 书店九点开门。
2. 学校的食堂很大。
3. 第三节是中文课。
4. 上午他们去博物馆。

Đáp án:

1. × 2. ✓ 3. ✓ 4. ×

II. Nghe và nối bức tranh mà em nghe được. (1,0 điểm)

Mỗi câu đúng 0,25 điểm

Nội dung ghi âm:

1. 明英会说英语。
2. 明天是陈南的生日。
3. 宝玉觉得数学课很有意思。
4. 星期六下午国安没有课，他去朋友家玩儿。

Đáp án:

1. D 2. A 3. B 4. C

III. Nghe và chọn đáp án đúng. (1,0 điểm)

Mỗi câu đúng 0,25 điểm

Nội dung ghi âm:

1. 我去看电影。
2. 右边是食堂。
3. 我们班有三十五个学生。
4. 你看，我买的这本书怎么样？

Đáp án:

1. C 2. A 3. C 4. B

IV. Nghe và hoàn thành đoạn văn (ghi phiên âm). (1,0 điểm)

Mỗi câu đúng 0,25 điểm

Nội dung ghi âm:

Wǒ de péngyou jiào Zhāng Héfāng, jīnnián jiǔ suì. Tā xǐhuan xuéxí Zhōngwén hé měishù, yě xǐhuan zài xuéxiào de shítáng chī wǔfàn. Tā shuō, Zhōngwén kè hé měishù kè dōu hěn yǒu yìsi, shítáng de fàn yě hěn hǎochī.

我的朋友叫张河芳，今年九岁。她喜欢学习中文和美术，也喜欢在学校的食堂吃午饭。她说，中文课和美术课都很有意思，食堂的饭也很好吃。

Đáp án:

1. jiào 2. zài 3. yǒu yìsi 4. hǎochī

B. PHẦN ĐỌC HIỂU (2,0 ĐIỂM)

I. Nhìn, đọc và đánh dấu ✓ vào câu đúng hoặc × vào câu sai. (1,0 điểm)

Mỗi câu đúng 0,25 điểm

1. ✓ 2. × 3. ✓ 4. ×

II. Đọc và chọn câu trả lời đúng. (1,0 điểm)

Mỗi câu đúng 0,25 điểm

1. B 2. D 3. A 4. C

C. PHẦN VIẾT (2,0 ĐIỂM)

I. Xem tranh, viết phiên âm hoặc chữ Hán tương ứng. (1,0 điểm)

Mỗi từ đúng 0,25 điểm

1. shūdiàn 2. yòubian 3. 花园 4. 可爱

II. Sắp xếp các từ ngữ theo trật tự đúng. (1,0 điểm)

Mỗi câu đúng 0,25 điểm

1. 这是我的学校。
2. 前边是我们的教室。
3. 你爸爸会说中文吗?
4. 明天八点半我们去老师家。/ 我们明天八点半去老师家。

D. PHẦN NÓI (2,0 ĐIỂM) (thi vào buổi thi riêng)

I. Chào hỏi. (0,5 điểm)

02 câu (Mỗi câu đúng 0,25 điểm)

II. Trả lời câu hỏi. (1,0 điểm)

04 câu (Mỗi câu đúng 0,25 điểm)

III. Nhìn tranh nói câu. (0,5 điểm)

02 câu (Mỗi câu đúng 0,25 điểm)

----------HẾT----------

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Chủ tịch Hội đồng thành viên – Tổng Giám đốc NGUYỄN TIẾN THANH

Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: NGUYỄN THỊ MINH ĐỨC
Biên tập mĩ thuật: NGUYỄN BÍCH LA
Thiết kế sách: NGUYỄN BÁ HOÀN
Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA
Sửa bản in: NGUYỄN THỊ MINH ĐỨC
Chế bản: CTCP MĨ THUẬT VÀ TRUYỀN THÔNG

Bản quyền © (2024) thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Xuất bản phẩm đã đăng kí quyền tác giả. Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

TIẾNG TRUNG QUỐC 4 - SÁCH GIÁO VIÊN
Mã số: G0HG4N001P24
In ... bản, (QĐ ... - NXBGDHN) khổ 19 x 26,5 cm.
Đơn vị in: ...
Cơ sở in: ...
Số ĐKXB: 163-2024/CXBIPH/3-53/GD.
Số QĐXB: .../QĐ-GD-HN ngày ... tháng ... năm ...
In xong và nộp lưu chiểu quý ... năm ...
Mã số ISBN: 978-604-0-40990-4

HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH





1. Tiếng Trung Quốc 4, tập một
2. Tiếng Trung Quốc 4, tập hai

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
- **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
- **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long

Website: https://www.nxbgd.vn